

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

**Khổ
và diệt khổ**
Tr. 16

**Thấy tháp
Đa Bảo**
Tr. 20

Tra ônốt uoắt hô Tr. 56

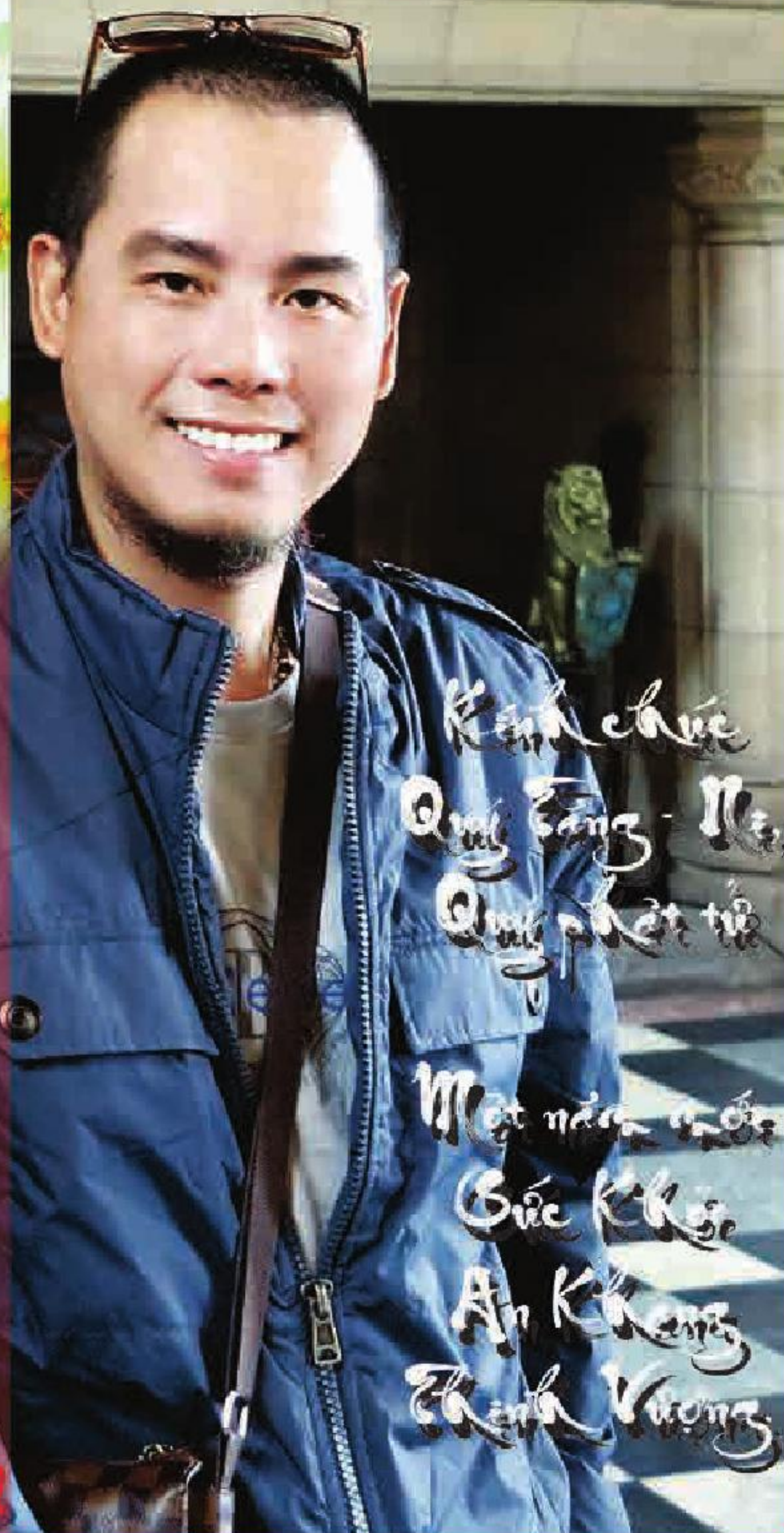


長
柯

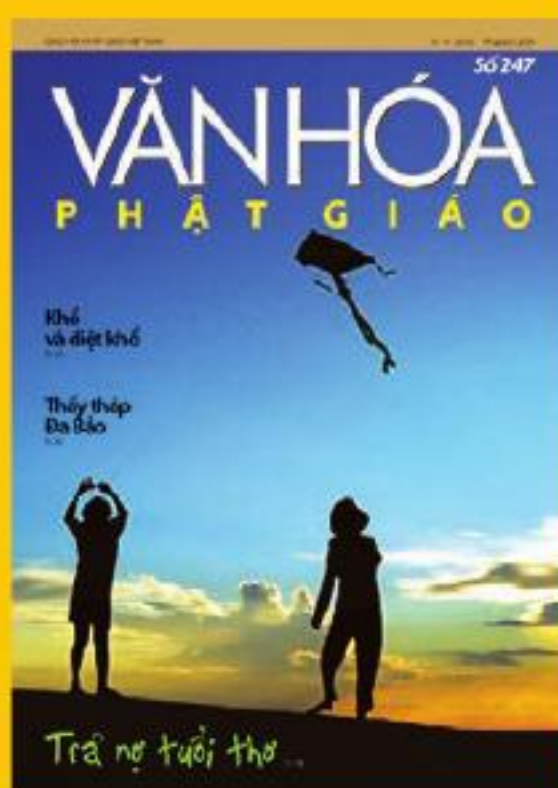
TRẦN
HUONG
TRUONG
KHA

越南沉香

ĐKK: 100 - 172 Nguyễn Chí Thanh P.3, Q.10, TP.HCM.
34 Sĩ Văn Nhân P.3, Q.5.
104 Cộng Hòa P4, Quận Bình (08) 629 33 702



Kính chúc
Quý Ông - Bà
Quý khách
Một năm mới
Sức Khỏe
An Khang
Thịnh Vượng



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẦN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trì sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐĐT: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, ĐĐT: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tập chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản:
1131297 Ngân hàng VP Bank,
Chi nhánh TP.HCM
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Cứu nguy văn hóa (Nguyễn Cần)	4
Hạnh phúc là ở nơi đây và vào lúc này (Nguyễn Hữu Đức)	7
Từ đường họ tộc và những giá trị truyền thống (Tôn Thất Thọ)	10
Hành trạng Thiền sư Thích Quảng Hưng qua gia phả và văn bia chùa Từ Vân (Đinh Thị Toan)	12
Khổ và diệt khổ (Hoàng Việt)	16
Thấy tháp Đa Bảo (Nguyễn Thế Đăng)	20
Sách "Tôn giả Đại Mục-kiến-liên" (Cao Huy Thuần)	22
Công nghiệp rong chơi bên bờ vực thẳm (Nhụy Nguyên)	23
Một định nghĩa ngắn gọn về Ý niệm (David S. Black; Như Tâm dịch)	26
Luật để làm gì (Lê Hải Đăng)	28
Cấu tạo thành ngữ mới (Hồ Anh Thái)	30
Dấu lặng (Kim Chung)	31
Thăm Côn Đảo (Cao Huy Hóa)	32
Hoài niệm ngô đá (Phan Nam)	34
Buổi sáng, trước hiên nhà... (Mang Viên Long)	36
Cơm chay sinh viên (Nguyễn Nguyên An)	38
Chùa làng (Bùi Sỹ Căn)	40
Chung quy cũng một chữ CỬA mà ra (Hoàng Tá Thích)	42
Dịu dàng hoa trầu tình khôì tìm về... (Quyển Văn)	44
Đừng tự làm xấu mình để nổi tiếng (Nguyễn Thanh Vũ)	45
Thơ Mới, những sắc màu ảo giác (Phạm Học)	46
Hãy thôi phán xét người khác (Thế Nguyễn)	48
Thơ (Trần Thanh Tuấn, Nguyễn Sĩ Cẩm, Nguyễn Minh Đức, Vũ Huế, Tịnh Bình, Nguyễn Tử, Đào Nguyên Lịch)	50
Chim bay về núi... (Bùi Quang Dũng)	52
Con đường rợp sắc hoa chuông đỏ (Bùi Trường Trí)	55
Trả nợ tuổi thơ (Nguyễn Văn Đôn)	56
Sự huyền diệu của Phật pháp (Nguyễn Bổng)	58

Bìa 1: Cánh diều quê. Nguồn: thientangroup.vn

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Như đã thưa trước, số báo Văn Hóa Phật Giáo đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2560 sẽ được phát hành vào ngày 15-5-2016 (nhằm ngày 9 tháng Tư năm Bính Thân). Để kịp thực hiện số báo đặc biệt này, chúng tôi kính mong quý vị độc giả cộng tác viên gửi bài về tòa soạn chậm nhất là ngày 5-5-2016.

Thời gian vừa qua, chúng tôi đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến Vinapo để nơi này đưa nội dung tạp chí VHPG lên không gian mạng dưới dạng E-book qua bảy số báo gần đây; mong sao những người không tiện đọc báo giấy được tiếp cận VHPG qua Internet; đặc biệt là các độc giả ở nước ngoài. Quý độc giả có thể đọc thử một vài trang của các số báo đã đăng trên mạng theo các bước chuẩn bị sau:

- Cài đặt ứng dụng Alezaa cho thiết bị Android/iOS/Windows 8.1/Windows 10 hoặc truy cập trang <https://www.read.alezaa.com>.
- Tại mục Cửa hàng/Hiệu sách, tìm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo để đọc thử.

Nếu muốn đọc trọn vẹn số báo, xin quý độc giả đăng ký tài khoản bằng email hoặc Facebook tại mục Tài khoản.

Vừa qua, sau buổi họp mặt ra mắt tập sách Triết học Long Thọ của Giáo sư Vũ Thế Ngọc do Nhà xuất bản Thế Giới tổ chức tại Press Café, một vị thân hữu đã gọi điện đến tòa soạn nhắc nhở chúng tôi nên tặng 50 bản của số báo VHPG mới nhất cho những thính giả đã có mặt trong buổi giới thiệu sách nói trên, như một hình thức kết thân với các bậc thiện hữu tri thức. Vị thân hữu ấy cũng thêm rằng sẽ sẵn sàng tài trợ để VHPG thực hiện việc tặng sách đã đề nghị. Chúng tôi đã chân thành cảm ơn lời nhắc nhở cũng như đề nghị tài trợ; và chúng tôi cũng khẳng định là sẽ tự thực hiện việc tặng sách, chưa dám phiền đến sự hào phóng ấy. Thực tình chúng tôi rất vui vì điều nhắc nhở ấy chứng tỏ một sự quan tâm rất thân thiết đối với Tạp chí.

Xin thành tâm cầu nguyện chư Phật và Bồ-tát mười phương gia hộ quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Ái dục sanh thành người
Tâm thì luôn dong ruổi
Chúng sanh chịu luân hồi
Vì không thoát khỏi khổ.

*Kinh Tương Ưng Bộ -
phẩm Già*

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm

Cứu nguy văn hóa

NGUYỄN CẦN



Báo động văn hóa xuống cấp

Trong một bài viết trước đây “Văn hóa Việt Nam - đôi điều suy ngẫm”, chúng tôi đã đề cập đến thủy chuẩn văn hóa chúng ta hiện đang ở mức thấp, rất thấp, khi so sánh những mối quan tâm hàng ngày qua việc tìm kiếm trên internet. Nhiều bậc thức giả, những nhà xã hội học đã gióng lên tiếng chuông cảnh báo về văn hóa nghe-nhìn. Chúng ta đọc báo in, và nhất là báo mạng, thấy gì? Nào là đám cưới “đại gia” đi xe siêu sang trong khi nợ nông dân như chúa chổm, rồi chuyện chân dài với đại gia, hàng hiệu với người đẹp, chuyện hẹn hò của ông kếp này và cô đào kia... Có người cay đắng nhận định: “Cả nước chúm mũi vào cái váy của một cô ca sĩ XYZ nào đó mà lơ là chuyện nhiệm mẫn đồng bằng, chuyện hạn hán chưa từng thấy, chuyện ngoại thù rập rình hải đảo ngăn không cho ngư dân ra khơi..., chưa

nói đến chuyện vụ án ngày nào cũng có từ trong gia đình ra ngoài xã hội, chuyện thầy giáo dụ dỗ học sinh vào nhà nghỉ, chuyện đánh ghen...”.

Còn phim ảnh, chẳng biết truyền hình chiếu bao nhiêu bộ, mà đài nào cũng phim Hàn với Hoa, bây giờ lại thêm Ấn Độ; đến nỗi học sinh hiểu sử Việt lơ mơ mà về Càn Long với Khang Hy thì lại rất rành. Rồi lớp trẻ hành động theo thần tượng, phần lớn là nước ngoài, với quan điểm thẩm mỹ lệch lạc...

Tất cả đều phản ánh thực trạng dân khí suy yếu, mất định hướng từ trong tư duy; người đi học thì cũng nhiều, nhưng hiểu lẽ đời, biết phân biệt phải trái... thì chẳng có bao nhiêu! Người ta trở nên ích kỷ, bất chấp đạo lý trong đời sống hay kinh doanh, sẵn sàng làm tổn hại người khác để mưu lợi cho mình nên tự mình đầu độc dân mình qua những thực phẩm độc hại

ngày càng nhiều, đến mức báo chí phải lên tiếng rồi các cấp lãnh đạo phải kêu gọi tẩy chay. Nhưng biết sản phẩm nào thế nào mà “tẩy”? Chưa kể có những quan chức vì lòng tham sẵn sàng hay lơ là bỏ qua khâu kiểm định, chia chác với những kẻ làm bậy, nên không thiếu trường hợp có người mua được chứng thư, giấy kiểm dịch, bằng lái xe... còn các chất cấm thì được mua bán công khai. Ví dụ, trong hai năm 2014 và 2015, các công ty sản xuất được trong nước nhập khẩu 9.140kg chất salbutamol để sản xuất thuốc, nhưng có đến 6.268kg chất này không được đưa vào sản xuất dược phẩm mà salbutamol lại trở thành chất thịnh hành nhất để tạo heo siêu nạc trong chăn nuôi.

Hình ảnh chúng ta trong mắt thế giới ngày một “nhòe” đi, xấu dần, khi cộng đồng người Việt mang tiếng vì những kẻ trộm cắp hàng ở siêu thị Singapore, Nhật Bản, trồng cần sa ở Anh, lập băng nhóm ở Nga ở Mỹ, thanh toán nhau ở Thái Lan ở Hàn Quốc, buôn sùng tê giác ở Nam Phi... Dân tộc Việt nếu không chấn hưng dân khí kịp thời thì e rằng chúng ta sẽ bị khinh rẻ trong tâm tưởng bạn bè thế giới. Dân khí chưa hưng thì làm sao dân sinh vững bền?

Nâng cao dân trí là một yêu cầu khẩn thiết

Chúng ta nhớ cụ Phan Chu Trinh với câu khẩu hiệu của phong trào Duy Tân “Chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh” từ cả trăm năm trước và trong Mười điều Bối ai cụ dạy vẫn có những điều còn mang ý nghĩa lớn lao với chúng ta hôm nay:

1. Trong khi người nước ngoài có chí cao, dám chết vì việc nghĩa, vì lợi dân ích nước; thì người nước mình tham sống sợ chết, chịu kiếp sống nhục nhã đọa đầy.

...

4. Trong khi họ có tinh thần đùm bọc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau; thì ta lại chỉ quen thói giành giật, lừa đảo nhau vì chữ lợi.

5. Trong khi họ biết bỏ vốn lớn, giữ vững chữ tín trong kinh doanh làm cho tiền bạc lưu thông, đất nước ngày càng giàu có; thì ta quen thói bất nhân bất tín, cho vay cắt cổ, ăn quỵt vỡ nợ, để tiền bạc đất đai trở thành vô dụng.

...

7. Trong khi họ ra sức cải tiến phát minh, máy móc ngày càng tinh xảo; thì ta đầu óc thủ cựu, ếch ngồi đáy giếng, không có gan đua chen thực nghiệp.

8. Trong khi họ giỏi tổ chức công việc, sắp xếp giờ nghỉ giờ làm hợp lý, thì ta chỉ biết chơi bời, rượu chè cờ bạc, bỏ bê công việc.

10. Trong khi họ làm việc quan cốt ích nước lợi dân, đúng là “đẩy tớ” của dân, được dân tín nhiệm; thì ta lo xoay xở chức quan để no ấm gia đình, vênh vang hoang phí, vợ vét áp bức dân chúng.

Vì chen nhau đi kiếm tiền, giành từng cái ghế, chạy chức chạy quyền, chạy theo tư lợi khiến người Việt trở

nên ích kỷ, dân khí suy so với những thời đại hào hùng. Tôi nhớ VTV1 khi phát hình phóng sự về Israel, phóng viên bình luận rằng: “Ở nước này, không có nhiều siêu xe, nhà cửa hoành tráng, nhưng người dân rất hạnh phúc, sung túc, ai cũng có thể mua xe hơi, có nhà ở. Bộ trưởng hay quan chức cao cấp mặc quần áo “casual” nghĩa là quần jean áo pull đi làm cũng được, nhìn rất bình dân nhưng giải quyết công việc vô cùng nhanh gọn. Điều quan trọng là họ biết biến những điều ‘không thể’ thành ‘có thể’, ví dụ trồng rau trên sa mạc... vì họ làm gì có ‘rừng vàng biển bạc’ như ta”.

Vì sao nâng cao dân trí là nhiệm vụ hàng đầu?

Những nhà kinh tế cho rằng “Nâng cao dân trí còn quan trọng hơn tăng tốc GDP. Điều quan trọng trong dân trí không hẳn là kiến thức hay thông tin mà là khả năng nhận biết đâu là quyền và nghĩa vụ của mỗi người. Tăng trưởng GDP có thể bị triệt tiêu khi xã hội phải tiêu tốn nhiều nguồn lực để giải quyết các vấn đề do vấn đề dân trí gây ra”. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 24/3/ 2016).

Nếu nhà lãnh đạo nào nghĩ rằng cứ để quần chúng mù mờ, kém cỏi về nhận thức mới dễ bề cai trị thì đó là một ngộ nhận lớn! Chẳng khác nào người cha muốn con mình thất học thì dễ bảo hơn chăng? Mà ngược lại, nó sẽ gây nhiều tổn hại cho chính ông ta, trước khi gây họa cho xã hội.

Nhìn lại một số vụ việc gần đây, từ vụ nổ lớn ở Văn Phú (Hà Đông), vụ nữ sinh ở Đắk Lắk bị cửa chân, vụ cầu Ghềnh sập khiến tuyến đường sắt Bắc Nam thiệt hại nặng, đồng bằng sông Cửu Long chịu thiệt hại nặng do hạn và ngập mặn... Chúng ta tự hỏi liệu dân trí cao, họ có đem bom đi cửa không mà theo thông tin trên truyền hình (VTV3) thì trong năm 2015, riêng tỉnh Quảng Trị đã có hơn 3.000 người thương vong do những sự cố tương tự; nữ sinh bị cửa chân là do thầy thuốc vừa kém chuyên môn vừa thiếu y đức, mà chuyện y đức hay chữ nhân trong ngành y là một dấu hỏi cực lớn; chuyện cầu Ghềnh, ông lái tàu tắc trách bỏ lên bờ giao cho hai tài công không bằng lái đâm vào cầu, thiệt hại tính ra hàng nghìn tỷ, riêng kinh phí cho cầu mới là gần 300 tỷ rồi, chưa kể việc ngưng trệ giao thông của tuyến đường sắt Bắc Nam, chuyện hủy chuyển vì phải di chuyển từ Sài Gòn ra Đồng Nai; chuyện hạn mặn một phần là thiên tai nhưng “nhân tai” không phải là không có trách nhiệm khi chúng ta không hề có phương án ứng phó... Nếu có kiến thức thì hàng nghìn con người không thể bị những công ty bán hàng đa cấp lừa đảo được, ví dụ như trường hợp Công ty Liên Kết Việt lừa đến 1.600 tỷ thì người dân mới biết. Rồi còn bao nhiêu chuyện dở khóc dở cười khi những thương lái Trung Quốc lừa dân ta từ trái cau, trái thanh long cho đến ốc bươu vàng, đĩa... Không chỉ vì lòng tham mà còn vì thiếu trình độ nhận thức hay cảm quan kinh doanh nếu như họ được dạy dỗ về kiến thức kinh tế căn bản... Rồi chuyện thực phẩm bẩn cũng sẽ khó có đất sống nếu người dân



có kiến thức về dinh dưỡng. Những câu chuyện đau thương ấy nói lên điều gì về dân trí hôm nay? Người dân không hề được trang bị kỹ năng sống khi những bài học nhà trường quá xa rời thực tế, không gắn gì với việc họ phải sống và hành xử như những công dân có văn hóa, nghĩa là có trách nhiệm và lương tâm với cuộc đời mình và người khác, với cộng đồng và với thiên nhiên.

Trong bài phát biểu ở kỳ họp Quốc hội lần này, đại biểu Võ Thị Dung đã khiến nghị trường sôi động hẳn lên khi đề cập tới bảy vấn đề hệ trọng mà đất nước đang phải đối mặt, trong đó ngoài nỗi lo ngoại xâm từ phía Trung Quốc, nỗi lo nội xâm là nạn tham nhũng và tình trạng lãng phí, thì nỗi lo thứ ba là về suy thoái đạo đức xã hội. Đạo đức giả ngày càng lấn át đạo đức thật, chủ nghĩa thực dụng ngày càng phổ biến trong xã hội. Tính tham lam, ích kỷ, tỵ dối trá, lừa đảo, cướp giết, giết người... mất an toàn trong vệ sinh an toàn thực phẩm và một số tệ nạn khác đang tạo ra sự bất an cho nhân dân. Thứ tư là nỗi lo tụt hậu kinh tế. Năng suất lao động thấp, cộng với lãng phí cạn kiệt tài nguyên và các tiềm năng nguồn lực của đất nước; thứ sáu là nỗi lo văn hóa dân tộc đang bị xuống cấp. Cuối cùng, thứ bảy là nỗi lo thiếu kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo, quản lý điều hành, dẫn đến tùy tiện, buông lỏng, qua loa, đại khái trong thực hiện, giảm hiệu lực chủ trương, chính sách pháp luật, làm trật tự xã hội suy yếu và mất dần động lực phát triển. Như thế là trong bảy nỗi lo thì có đến bốn liên quan đến văn hóa... dù trực tiếp bà đề cập trong nỗi lo thứ sáu.

Chúng ta biết UNESCO từng nhấn mạnh “*Văn hóa là động lực của kinh tế*”. Nói cách khác, văn hóa quyết định hướng đi cho kinh tế và xã hội. Bàn về ba lãnh vực của đời sống - thiên nhiên, con người, và tôn giáo - tác giả Nguyễn Thế Đăng nhận định: Có một thế giới của tự nhiên, thế giới vật lý... Chúng ta phải tuân theo những định luật hay quy luật của nó. Đây là lãnh vực mà văn minh Đông Á gọi là Địa... Và có một thế giới của con người, với lý trí, tình cảm, ý chí với những hy vọng, ước vọng cao cả. Mức độ tự do nhiều hơn nhưng tinh tế hơn, phức tạp hơn, đây là lãnh vực mà Đông Á gọi là Nhân... Hai lãnh vực Địa và Nhân này giao thoa với nhau, tương tác với nhau, tương thông với nhau, dìu dắt nhau tiến bộ... Văn hóa là sự thăng hoa, sự nhân tính hóa những hiểu biết về thế giới vật lý, thế giới tâm lý, làm cho con người ngày càng nhân tính hơn, càng đẹp hơn, càng đúng hơn, càng tốt lành hơn (Chân Thiện Mỹ). Văn hóa là để biết sống. Sử dụng và biết sống với thiên nhiên (Địa), biết sống với người khác (Nhân), và biết sống với cái siêu việt, cái thiêng liêng ở trong chính mình (Thiên). (Tóm tắt theo Nguyễn Thế Đăng - *Xã hội hài hòa* - trích trong *Con người toàn diện - Hạnh phúc toàn diện* các tr.176-183).

Còn về lãnh vực thứ ba theo tác giả Nguyễn Thế Đăng là tôn giáo; nhưng như chúng tôi đã từng viết trước đây trong bài đã dẫn ở trên thì “Muốn xây dựng

con người văn hóa, phải chú ý trước hết ở phần tâm và trí... Đó là con người tôn trọng luật pháp, có lý tưởng sống, tuân theo lương tâm và theo một tôn giáo nào đó, nếu muốn. Tôn giáo vốn được xem là một môi trường tốt huân tập tâm hồn con người với những bài giảng về từ bi hay bác ái. Nhưng ngay cả người vô thần thì cũng phải sống có văn hóa, nghĩa là phải theo lương tâm. Anh ta cũng không thể nhân danh vô thần không tin vào kiếp sau, vào luân hồi, hay vào quả báo mà có thể ăn cướp, tước đoạt, gây hại cho kẻ khác được.

Nói theo Đức Đạt-lai Lạt-ma thì, “Trong thời đại khoa học ngày nay, nhiều người cho rằng theo những tôn giáo là vô nghĩa, vậy thì cơ sở nào cho những giá trị như thế? Theo tôi, mặc dầu nhân loại có thể sống mà không cần tôn giáo, nhưng không thể sống mà không có những giá trị bên trong... Đạo đức và các giá trị bên trong không có nội dung tôn giáo giống như nước, là thứ mà chúng ta cần hàng ngày để sống còn và khỏe mạnh. Đạo đức và các giá trị bên trong trong bối cảnh tôn giáo giống như trà... Nhưng dù trà được pha chế thế nào thì thành phần chính vẫn là nước. Trong khi chúng ta có thể sống mà không có trà, chúng ta không thể sống thiếu nước. Tương tự, chúng ta sinh ra không có tôn giáo nhưng chúng ta không sinh ra mà lại không có nhu cầu về lòng từ bi...” (Đạt-lai Lạt-ma - *Bên ngoài tôn giáo*, bản dịch Trần Ngọc Bảo, 2015).

Chúng ta không thể tách rời mối liên hệ giữa hạnh phúc của chúng ta với hạnh phúc cộng đồng. Phải chăng đó là ý nghĩa của tương tức tương sinh (interbeing) trong nhà Phật. Tóm lại, dù không có tôn giáo, người ta vẫn phải tôn trọng các nguyên tắc phát triển nhân tính, dựa trên nhân bản và vì nhân sinh. Bất cứ một nền văn hóa nào không lấy yếu tố con người làm trọng tâm sẽ thất bại. Tại sao chúng ta không phát huy cái đẹp văn hóa vốn có của người Việt Nam: lạc quan, chân thực, kiên trung, cần mẫn, thông minh, vị tha, bao dung... mà để những phẩm chất ấy phai mờ trở thành những kẻ giả dối, gian trá, độc ác, vị lợi, chấp nhất, hẹp hòi...”

Như vậy đã rõ, phải xây dựng lại Nhân trong mối hài hòa với chính nó và với Địa. Nâng cao dân trí trở thành nguyên lý hành động của mọi người và của các cấp lãnh đạo tư tưởng. Một nền văn hóa dân chủ, nhân bản và khai phóng phải được xây dựng từ nền móng, dù hiện nay thế hệ đi trước đang mắc phải nhiều sai lầm. Nếu không, thế hệ trẻ hôm nay sẽ mất điểm tựa khi cha anh không còn là những tấm gương về thân giáo; và đến lượt họ, những người trẻ, cũng theo vết xe đổ mà thôi! Và chúng ta sẽ tiếp tục đọc những tin tức “rùng mình” hơn với những thống kê chẳng có gì đáng tự hào đại loại như: uống 4 tỷ lít bia, ăn 1 triệu con chó, phá thai 2 triệu lượt, giết nhau bất kể lý do gì... và hàng hà tin nhảm khác! Dân tộc ta sẽ chìm đắm trong mười nỗi bi ai như cụ Phan từng liệt kê. Sự tồn vong của đất nước chưa biết sẽ ra sao?

Cứu nguy văn hóa chính là cứu nguy dân tộc! ■



Hạnh phúc là ở nơi đây và vào lúc này

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Ngày hạnh phúc

Vào năm 2012, Liên Hiệp Quốc đã thông qua ngày 20-3 hàng năm là Ngày Hạnh phúc Thế giới hay Ngày Quốc tế Hạnh phúc. Sở dĩ chọn ngày 20-3 vì ngày này có độ dài ban ngày và ban đêm bằng nhau, tức mang ý nghĩa của sự cân bằng.

Cân bằng cái gì? Có nhiều thứ trong cuộc sống rất cần sự cân bằng. Trên phương diện toàn cầu, rất cần sự tính toán phát triển các yếu tố vật chất để hài hòa với các giá trị tinh thần, cân bằng trong phát triển kinh tế bền vững và nỗ lực xóa đói giảm nghèo, đem lại hạnh phúc cho mọi người. Trên phương diện cá nhân, hạnh phúc của cá nhân cần cân bằng hòa chung với hạnh phúc của cộng đồng, cần có sự cân bằng trong trau dồi trí tuệ với từ bi: trí tuệ để thông hiểu sự thật của cuộc sống và từ bi để mở lòng, thông hiểu và chăm lo người khác...

Ngày Hạnh phúc Thế giới là ngày toàn thế giới để cao hạnh phúc là mục tiêu và động lực chung của nhân loại. Ngày này được thông qua nhờ sáng kiến và chiến dịch ngoại giao của Bhutan.

Bhutan là đất nước không đo lường phẩm chất cuộc sống bằng kinh tế, mà lại dùng *chỉ số hạnh phúc* làm nền tảng đánh giá mức độ hài lòng của người dân sống trong quốc gia này. Chỉ số hạnh phúc là nói gọn của Chỉ số Tổng Hạnh phúc Quốc gia (Gross National Happiness - GNH). Trong cách tính GNH của Bhutan, vấn đề bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển bền vững được xem là cột trụ, sự phát triển vật chất luôn được tính toán để hài hòa với các yếu tố tinh thần, phẩm chất lãnh đạo của chính quyền cũng được thăm soi, đánh giá kỹ lưỡng... Quan tâm về hạnh phúc như thế nên không lấy làm lạ Bhutan đã nỗ lực rất nhiều để Liên Hiệp Quốc thông qua Ngày Hạnh phúc Thế giới 20-3 hàng năm.



Lễ kỷ niệm Ngày Hạnh phúc Thế giới 20-3-2016 vừa qua, có chủ đề “Hạnh phúc trong Chương trình nghị sự LHQ 2030: Hướng tới tầm nhìn phát triển bền vững mới cho con người và trái đất”. Chương trình nghị sự LHQ 2030 về phát triển bền vững là định hướng để xây dựng thế giới tốt đẹp và hạnh phúc hơn, để mọi người trên thế giới đều được sống trong hòa bình, thịnh vượng, bình đẳng và hòa hợp với thiên nhiên.

Năm nay, trong danh sách “Những quốc gia hạnh phúc nhất”, Đan Mạch được bầu đứng đầu (trong khi Việt Nam đứng hạng 96). Theo báo chí, ngay người dân Đan Mạch chẳng mấy quan tâm đến thông tin này. Người Đan Mạch đã có tiếng là giản dị, khiêm tốn, không thích phô trương. Ngay bia Carlsberg nổi tiếng của họ chỉ nhận là “Probably the best beer in the world” (Có lẽ là loại bia ngon nhất thế giới) mà thôi. Vì vậy, họ không tự khoe mẽ là “đất nước hạnh phúc nhất” đâu, chính Tổ chức Hệ thống Giải pháp Phát triển Bền vững (SDSN) và Viện Hoàn cầu - Đại học Columbia (Mỹ) công bố danh hiệu danh giá đó. Người Đan Mạch chỉ tự hào

xứ sở của họ được xem là một trong những quốc gia minh bạch nhất thế giới. Họ cho rằng “hạnh phúc” là một khái niệm rất trừu tượng và xã hội nào cũng có những vấn đề. Họ vẫn còn than phiền, Đan Mạch vẫn còn thiếu nhân viên y tế như bác sĩ, điều dưỡng tại các bệnh viện công, học sinh vẫn còn học quá nhiều giờ, giá sinh hoạt vẫn còn quá đắt đỏ, chế độ phúc lợi cho mọi người còn bị lợi dụng... Như vậy, có thể suy diễn Đan Mạch hạnh phúc nhất vì ở đất nước này, những gì gọi là bất hạnh hay đau khổ so với các nước khác ít hơn thôi.

Hạnh phúc là đối nghịch với đau khổ?

Rất khó có một định nghĩa chung về hạnh phúc. Bởi vì hạnh phúc là cảm nhận tùy theo mỗi một con người, rất khác biệt tùy theo từng giai đoạn trong cuộc sống của họ và tùy theo từng thời kỳ của xã hội. Ngay như quan điểm cho rằng hạnh phúc là sự theo đuổi thành công của con người thì mỗi một con người có cách theo đuổi khác nhau tùy theo quan điểm của mình. Có người cho rằng hạnh phúc là thu đạt được điều mình mong muốn, như sở hữu rất nhiều tiền bạc, có gia đình êm ấm, đạt được danh vọng lừng lẫy... nhưng người khác lại cho rằng hạnh phúc là cho đi, tạo niềm vui và ý nghĩa nào đó cho cuộc sống...

Có ai đó đã nói: “Hạnh phúc chỉ cảm nhận khi ai đó thật sự đã trải qua đau khổ”. Hay Agatha Christie, nhà văn nữ viết truyện trinh thám nổi tiếng người Anh, đã viết: “Chính điều bên trong bản thân bạn khiến bạn hạnh phúc hay bất hạnh”. Rõ ràng, sống trên đời ai không từng trải qua cái gọi là bất hạnh hay đau khổ. Đau khổ là nỗi kinh khiếp của tôi, thế nên tôi chấm dứt được đau khổ thì đúng là tôi hạnh phúc rồi. Thật sự, xét cho cùng, có phải hạnh phúc là đối nghịch của đau khổ?

Krishnamurti đã có một số nhận xét rất đáng suy ngẫm về sự đau khổ thuộc phạm vi tâm lý. Theo ông, khi bạn cho rằng hạnh phúc là đối nghịch với đau khổ thì hãy coi chừng, bạn chỉ muốn lẫn trốn khỏi đau khổ là sự thật đang xảy ra với mình bằng những ảo tưởng mà thôi. Khi tôi đau khổ, khi ấy hoạt động mãnh liệt của cái gọi là “tự ngã” (cái tôi) luôn phóng đại, luôn muốn sự an toàn thường hằng khiến tôi tìm cách lẫn tránh, chạy trốn đau khổ đó. Thế là tôi chạy theo để thu đạt, sở hữu cái gọi là “hạnh phúc” thật ra chỉ là từ ngữ, là nhãn hiệu trong đầu mà tôi đã gán ghép là sự đối nghịch của đau khổ. Rất nhiều trường hợp, “hạnh phúc” đó đưa đến “lợi mình, hại người” hay ảo tưởng đưa cái tôi là kẻ lừa đảo đội lốt vị thánh đi từ sai lầm này sang sai lầm khác... Theo Krishnamurti, không hy vọng, tham cầu hạnh phúc để “trị” đau khổ; chỉ cần giáp mặt, sống trọn vẹn với đau khổ, tỉnh thức và thấu hiểu đau khổ. Giống như chân lý “Diệt đế” của Đức Phật: “Một khi gốc của mọi tham ái được tận diệt thì sự khổ cũng được tận diệt”.

Hạnh phúc là lòng yêu thương hay sự ưa thích?

Hạnh phúc là những gì có trong ta chứ không phải là những gì nằm ngoài ta. Agatha Christie đã có lý khi viết: “Chính điều bên trong bản thân bạn khiến bạn hạnh phúc hay bất hạnh”. Những gì nằm ngoài ta như tiền của vật chất, danh vọng quyền thế... không mang lại hạnh phúc thật sự cho con người. Tất cả ở ngoài ta, thậm chí ngay thân ta, cũng chỉ là phù du tạm bợ, có đó rồi mất đó, và tự trong những thứ đó luôn mang mầm mống của khổ đau. Rốt lại, con người cảm nhận được hạnh phúc hay không, phụ thuộc vào những gì họ có trong tâm thức của mình, như từ bi, yêu thương... Tức hạnh phúc không là những gì nằm ngoài ta.

Nói đến yêu thương, nhiều người thường cho rằng đó cũng là sự ưa thích. Tôi yêu thương đồng loại cũng có nghĩa tôi ưa thích sự hiện diện, cách ứng xử, số phận đa dạng của những người sống trên trái đất này cùng với tôi. Nhưng có phải yêu thương là ưa thích?

Trên mạng có lan truyền lời của Đức Phật mà mọi người đọc rất thấm thía như sau: “*Ta nên yêu thương chứ không nên ưa thích. Vì ta ưa thích một đóa hoa đẹp, ta rất dễ hái nó làm của riêng mình. Còn ta yêu thương đóa hoa đó, ta sẽ tưới tắm, chăm sóc nó*”.

Theo lời dạy của Đức Phật, yêu thương không phải là sự chiếm hữu, còn ưa thích thì bao hàm sự mong muốn sở hữu đối tượng được ưa thích. Yêu thương với nội hàm là sở hữu chắc chắn không đem đến hạnh phúc. Bởi vì mong cầu sở hữu luôn dẫn đến sự ghen tuông, sự sợ hãi, lòng sân hận và vô số xung đột phát sinh từ trạng thái muốn sở hữu đó. Thế sao gọi là hạnh phúc?

Tôi nhớ đã đọc được câu nói của Thầy Thích Nhất Hạnh: “*Chúng ta thực tập yêu thương thực tập từ bi và biết rằng yêu thương đem đến hạnh phúc. Không có yêu thương thì không có hạnh phúc. Tất cả những bậc đạo sư*

xưa nay đều dạy ta yêu thương và các yêu thương cụ thể nhất là: Tránh gây đau khổ và hiến tặng niềm vui”.

Hạnh phúc là ở nơi đây và vào lúc này

Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta rất dễ lầm lạc, không còn minh định sự cần thiết mà sa vào sự nô lệ ký ức tâm lý và suy nghĩ lung tung về tương lai. Chúng ta dễ có sự nỗ lực và nghĩ hạnh phúc có được khi ta có cái này cái kia, thành đạt cho được điều này điều nọ, cho nên, chúng ta thường nghĩ nhiều về quá khứ và dồn tâm tư để hoạch định tương lai. Thế là chúng ta không còn làm chủ bản thân mà đánh mất mình trong tiếc thương vô vàn quá khứ, lo lắng quá đáng cho tương lai và hoàn toàn không nhận thức được hiện tại đang sống. Nói theo nhà Phật là chúng ta không có “chánh niệm” để buông bỏ sự bám chặt ký ức và xả bỏ sự phóng hiện tương lai. Cũng có thể ta có niềm vui nào đó khi nghĩ tưởng về quá khứ và tương lai; nhưng đó có là hạnh phúc thật sự?

Từ xa xưa, triết lý đạo Phật đã nói về phương pháp tu tập để “an trú trong hiện tại”. Nhờ tu tập mà con người biết vượt qua các ảo tưởng tai hại của ký ức và sự mơ tưởng. Vượt qua đây không có nghĩa là chối bỏ hoàn toàn ký ức và sự mơ tưởng, mà là không câu nệ, cố chấp vào ký ức và sự mơ tưởng đó bằng tâm tham sân si.

Khi tỉnh thức sống trong hiện tại, ta ý thức được, rằng giờ phút hiện tại này có đầy đủ tất cả: quá khứ và tương lai. Vì có đầy đủ tất cả, nên nếu ta cảm thấy hạnh phúc trong hiện tại là ta cũng đang chuyển hóa những khổ đau trong quá khứ, và cũng đang xây dựng cho mình một tương lai an vui.

Không khổ sở quay tìm về quá khứ, không mơ tưởng đến tương lai chính là để hạnh phúc ở nơi đây và vào lúc này. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bán, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thủy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **358 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Từ đường họ tộc và những giá trị truyền thống

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Tuyền thống của dân tộc cũng như mỗi dòng họ, mỗi gia đình luôn gìn giữ và duy trì là: nhớ ơn tiên tổ, nhân hậu thủy chung, thương người như thể thương thân, đoàn kết tương thân tương ái, sẵn sàng hy sinh vì đất nước, lao động cần cù sáng tạo. Bên cạnh đó đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*” luôn có trong tâm tưởng của mỗi người dân Việt. Bất kể ở nơi đâu, dù giàu hay nghèo thì trong nhà cũng có một bàn thờ để thể hiện lòng thành với ông bà hay cha mẹ đã khuất. Đối với dòng họ, ngôi từ đường (hay còn gọi là nhà thờ họ) là nơi thờ các vị cao tăng thủy tổ và các tiên linh của họ tộc. Đây là nơi chốn tâm linh để lớp hậu sinh luôn hướng về nguồn cội.

Từ đường đã có từ xa xưa, có lẽ từ khi chúng ta có nghĩa gia tộc và có tục thờ cúng tổ tiên. Nó luôn luôn có một vị trí đặc biệt trong thế giới tâm linh của những người con trong dòng họ, bởi đó là nơi giúp mọi người nhớ lại những gương sáng trong dòng họ, những điều tốt đẹp của tổ tiên; đồng thời những ước vọng của mỗi con người được nguyện cầu tại đây.

Mỗi họ tộc có một từ đường, phần nhiều các từ đường xưa đều được xây dựng bằng gạch, theo lối kiến trúc đình miếu: chạm trổ ở nóc (thường là hình mặt nhật hay hình mặt nguyệt), góc mái hình lưỡi đao; phía trước có sân gạch, hàng rào, cổng ngõ; phía sau có công trình phụ và vườn tược. Nội thất của từ đường rộng rãi với nhiều đồ chạm trổ và sơn son thếp vàng rực rỡ. Không gian đó được đóng mở bằng hàng cửa bàn khoa, hay hàng cửa ván gỗ sơn nâu hoặc đỏ. Từ đường khác với nhà ở là phía trước có hàng cột vôi vữa đắp liễn đối. Quanh sân trồng nhiều bụi hoa trang, hoa điệp đủ màu sắc. Cửa ngõ thường đóng để tạo vẻ thâm nghiêm cho ngôi nhà thờ.

Bên trong thường cấu trúc theo nhà ba gian hai chái, hay nhà vuông một gian hai chái, nhưng cách bài trí thờ tự vẫn giống nhau. Bên trên chính cửa giữa nhìn lên là bức hoành đề tên của tộc họ, xung quanh chạm rồng mây, hai đầu rồng chầu mặt nguyệt. Có lạc khoản ghi rõ thời gian từ đường được tạo dựng. Ở các cột đều có treo câu đối; tất cả đều có ý nghĩa về đạo lý uống nước nhớ nguồn; đề cao nhân, nghĩa, lễ, trí, tín...

Nội thất mỗi từ đường thường có năm án thờ. Ba án giữa có hương án chạm trổ rất công phu và nghệ thuật. Bên trên có hạc gỗ chầu cảnh dựng, bát nhang lớn. Phía trước là bàn soạn là nơi bày biện lễ vật để cúng tế. Cuối cùng gần sát vách, có khám chạm lộng rất mỹ thuật, bên trong thờ bài vị của ngài Tổ họ. Bài vị ghi chức vị hay công trạng của những vị tiền bối có công; hoặc với nước, với địa phương hay ít nhất là đối với họ tộc. Những vị được thờ, nếu làm quan cho triều đình thì có treo bằng sắc; riêng quan võ còn thờ cả đồ binh khí mà sinh thời các vị vẫn dùng. Trước án có tráp đựng tộc phổ. Hai án tả hữu cũng để tượng tự. Hai án cực tả, cực hữu chỉ có ghế hương trát, bên trong không có khám. Phía vách trái trên lại có trang thờ "Thổ công, Tiên sư, Táo quân". Hai bên án giữa bày hai giá cắm lờ bộ tức là các thứ vũ khí ngày xưa. Hai bên tả hữu là chuông trống uy nghiêm.

Ngoài sân, phía tay trái kể từ trong nhìn ra, họ nào cũng có làm am, miếu để thờ "Bà Cô" trong họ. Có các loại cây tán lớn như nhãn, vải, xoài... trồng bên cạnh để che am. Trước sân có bình phong, hồ nước với hòn non bộ. Cổng vào uy nghi, hai bên cột có khắc câu đối. Hàng rào xây gạch. Các cây cảnh trồng trong sân từ đường thường biểu lộ niềm tin trường thọ.

Từ đường là nơi diễn ra các cuộc họp dòng họ bàn về các vấn đề của họ tộc, nơi đưa ra các quyết định mà các thành viên trong dòng họ phải thi hành. Hàng năm, từ đường nào cũng có một số ngày tế tự thường niên như: ngày giỗ ngài thủy tổ, các vị tiền tổ và ngày hiệp tế (giỗ chung cho hết thầy các vong linh của những người quá cố trong tộc họ). Cứ đến ngày giỗ, con cháu về tụ họp đông đủ tại nhà thờ, thắp hương tưởng nhớ những người đã khuất. Người trong làng tất bật lo toan, người làm ăn phương xa cũng gắng về chuyện trò, chia sẻ tình cảm, bàn cách giúp đỡ người gặp khó khăn. Vì thế, từ đường có ý nghĩa văn hóa tinh thần rất lớn; vừa là nơi tiến hành nghi lễ truyền thống để con cháu thể hiện lòng biết ơn tổ tiên, vừa là nơi các thành viên họ tộc gặp gỡ, quây quần bên nhau.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, nhiều dòng tộc vào ngày cúng tế, hoạt động diễn ra như hình thức lễ hội: trong sân có cắm nhiều cờ đuôi nheo, cờ lông, treo băng, biểu ngữ (mang tên ngày tế tự). Các cụ bà, các cô gái đội trên đầu lễ vật dâng cúng là những hương hoa trà quả... Khi tế tự có kèn trống, văn tế kể công nghiệp tổ tiên, các trình tự lễ lạy; tất cả đặt dưới quyền điều hành của chủ tế là tộc trưởng. hoặc người cao niên nhất trong họ và vài người trung niên làm bồi tế. Kết thúc tế tự là lễ hóa vàng mã và bắt đầu tiệc ẩm thực. Người ngồi mâm cỗ nhà từ đường luôn tuân theo tôn ti trật tự: ông bà, bác, chú ngồi trên, con cháu ngồi dưới. Có gia đình con cháu học giỏi thành đạt cũng được phép ngồi trên để làm gương hiếu học cho cả họ.

Những ngày Tết cổ truyền hay các ngày sóc vọng hàng tháng, từ đường luôn hương khói và cúng kính.

Người giữ việc hương khói thường là một người trong tộc họ, có điều kiện hơn các người khác ở chỗ có nhà ở gần từ đường.

Việc thờ cúng tổ tiên là nền tảng của gia đình người Việt. Gia đình từ tổ tiên, ông bà cha mẹ đến con cháu đều chung một mối dây liên hệ hết sức chặt chẽ về huyết thống, máu mủ. Do đó, việc hướng về nguồn cội chính là hướng về thế giới tâm linh trong sáng, thiêng liêng với những cảm hứng vang vọng, xuất phát từ đáy lòng của nhiều thế hệ.

Hàng ngàn năm qua, xã hội Việt Nam gồm các cư dân nông nghiệp được kết cấu theo mô hình làng xã. Do ở thời điểm ban đầu, việc hình thành làng xã phần lớn là sự phát triển đi lên từ một dòng họ, hoặc một vài dòng họ. Bởi thế, mối quan hệ gia tộc là yếu tố cơ bản để kết nối một đơn vị xã hội như làng thôn. Cách tư duy "một giọt máu đào hơn ao nước lã" cũng xuất phát từ đó. Và trong suốt chiều dài lịch sử, kết cấu gia tộc - cũng như những mối quan hệ phát sinh từ kết cấu ấy - luôn được đề cao, xây dựng, phát triển và trở thành một giá trị rất bền vững của nông thôn, cũng như trong nền văn hóa Việt Nam. Có thể nói rằng quan hệ dòng tộc trong văn hóa làng xã ở Việt Nam là điểm đặc trưng mà không phải dân tộc nào cũng có. Mặc dù có mặt hạn chế, nhưng nhìn chung, nó vẫn là nét đẹp đặc trưng của làng xã người Việt.

Qua thời gian, nhiều từ đường đã xuống cấp hay hư hỏng nặng, do đó gia tộc nhiều nơi đã huy động con cháu đóng góp kinh phí để tu sửa, hay xây dựng lại to đẹp hơn, vì thế hầu hết các từ đường hiện nay đều khang trang, quang rạng; điều đó thật đáng quý. Nhưng điều quan trọng hơn là cần nhận thức đúng đắn ý nghĩa của việc xây dựng từ đường, đó là không phải xây cho to cho đẹp chỉ để ngắm nhìn, khoe khoang với thiên hạ, hay để tổ chức tiệc tùng linh đình. Điều cần là tạo nên công trình mang dấu ấn kế thừa nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản chất dân tộc; nhắc nhở con cháu giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống mà tổ tiên đã truyền lại.

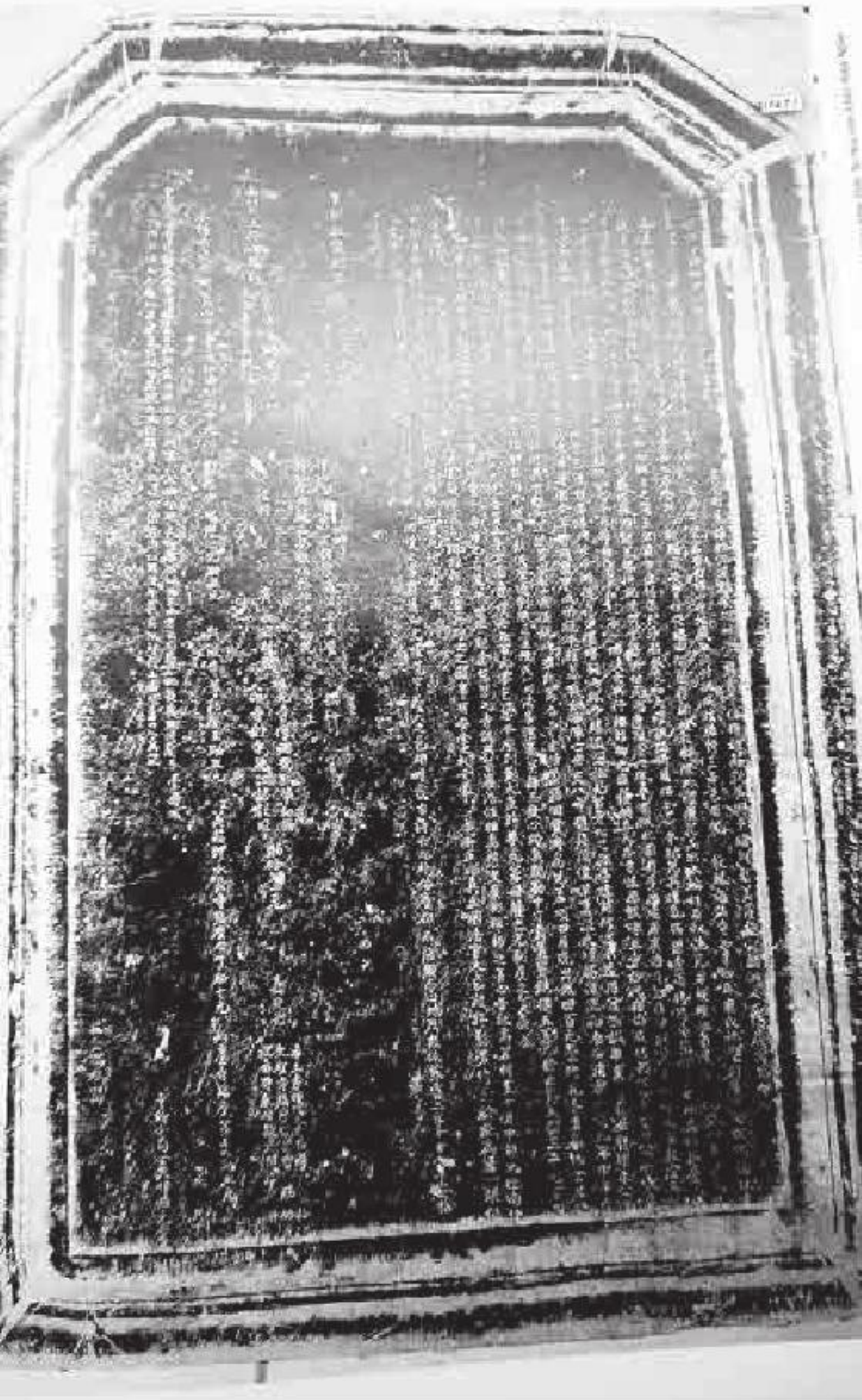
Một điểm hạn chế cần khắc phục khác là hiện nay, nhiều nơi xảy ra tình trạng "Một người làm quan cả họ được nhờ". Việc một số địa phương mà lãnh đạo hầu hết là bà con thân thuộc đã làm cho dư luận không đồng tình. Phải nói rằng đó là tàn dư cần phê phán ở những nơi mà việc cử bổ viên chức không được công khai, hay không qua thi tuyển. Sự cục bộ của dòng họ trong việc quản lý xã hội, quản lý nhà nước nếu không can trọng sẽ làm cho lòng người chia rẽ, phân tán nhân tâm. Tình trạng "con ông cháu cha", đặc quyền đặc lợi cũng là nguyên nhân làm cho xã hội mất niềm tin và địa phương khó lòng phát triển, dẫn đến sự trì trệ vì nhân tài không được trọng dụng, cũng như thiếu sự góp sức, chung tay của cả cộng đồng.

Hành động cục bộ, ích kỷ hẹp hòi là trái với nền đạo lý của cha ông, điều mà bất cứ truyền thống gia tộc nào cũng muốn truyền lại cho con cháu của mình. ■

Hành trạng Thiền sư Thích Quảng Hưng

qua gia phả và văn bia chùa Từ Vân

Bài & ảnh: ĐINH THỊ TOÀN



Thích Quảng Hưng là vị danh tăng tiêu biểu không chỉ của vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng mà còn của Phật giáo Nam Trung Bộ và Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX. Hành trạng của ngài được ghi lại trong nhiều thư tịch của Giáo hội và được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu về Phật giáo. Tuy nhiên, để có thông tin đầy đủ, chân thực nhất về cuộc đời vị danh tăng này, chúng ta không thể không quan tâm đến hai nguồn sử liệu đáng tin cậy là gia phả tộc Trang ở Đà Nẵng và văn bia chùa Từ Vân.

Trước khi nhắc đến hành trạng vị thiền sư này, chúng tôi xin điểm lược về chùa Từ Vân, văn bia chùa này và gia phả tộc Trang. Chùa Từ Vân xưa thuộc xã Thạc Gián, tổng Bình Thới Hạ, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn; sau này thuộc nhượng địa Đà Nẵng. Hiện tại, chúng tôi chưa tìm thấy bất kỳ tài liệu nào ghi chép về ngôi chùa này trong quá khứ; tuy vậy, văn bia chùa cho biết đây là một ngôi cổ tự, đến thời Khải Định thì sụp đổ chỉ còn trơ lại dấu tích. Quảng Hưng thiền sư đã bẩm trình xin dựng lại làm nơi thờ Phật và chư linh nghĩa sĩ trận vong. Sau khi hoàn tất, nhà chùa đã dựng một tấm bia đá để lưu niệm. Chùa Từ Vân nay đã không còn, nhưng bia vẫn được bảo lưu. Tiếc là vì nhiều lý do khách quan lẫn chủ quan, chúng tôi chưa thể khảo sát thực tế tấm bia này. Tuy vậy, thạc bản văn bia đã được Viện Cao học Thực hành, Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Trường Viễn Đông Bác Cổ in rập, giới thiệu trong *Tổng tập Thác bản Văn khắc Hán Nôm*¹.

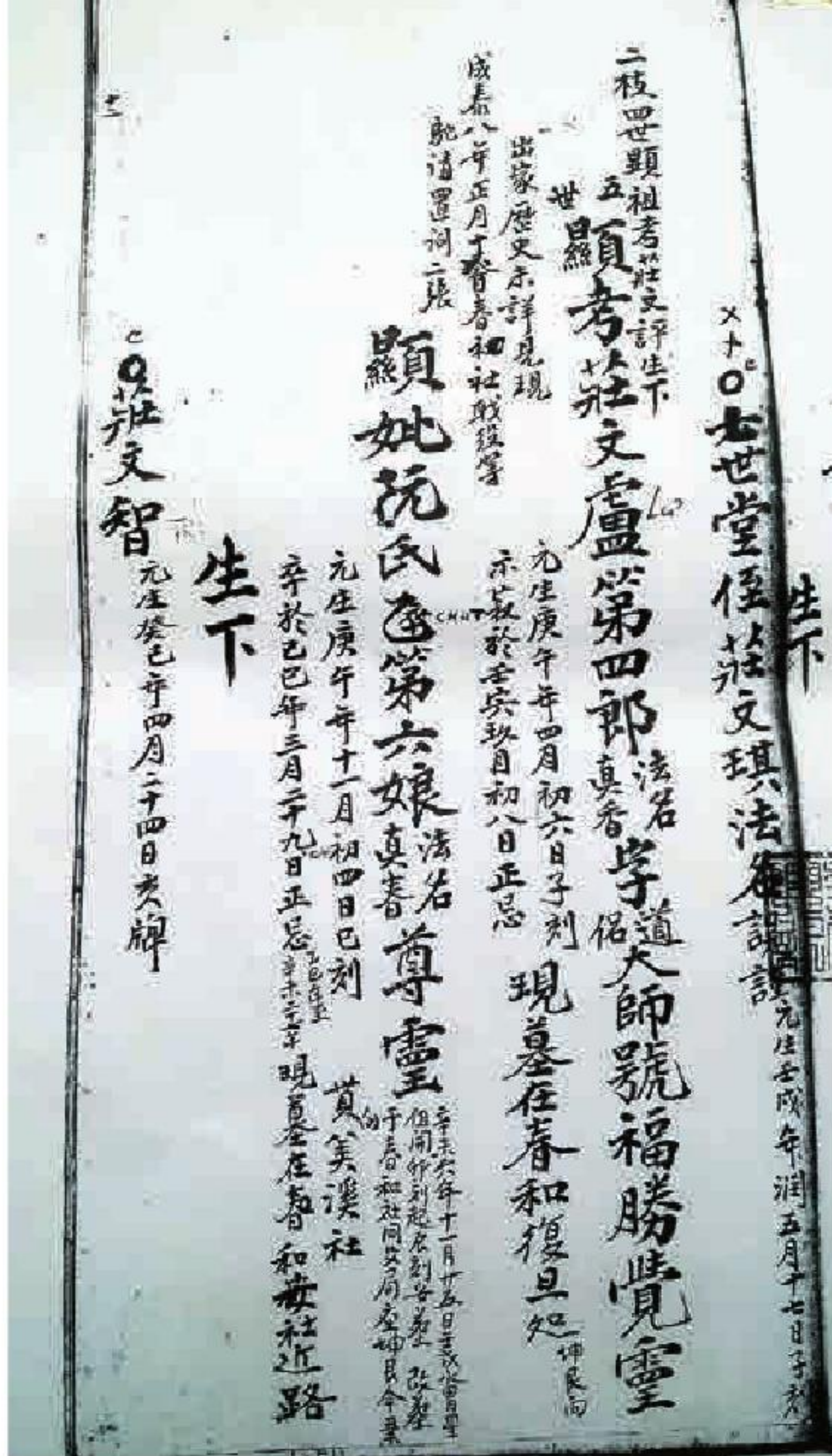
Bia mang số hiệu 19271, khắc một mặt, có kích thước ước tính: cao 150cm, rộng 101cm; lòng bia cao 124,4cm, rộng 75cm; trán và diềm bia cao/rộng 8,8cm. Bia vạt ngang trán, vạt góc hai bên và không có hoa văn trang trí. Bản rập cho thấy bia đã bị mòn, mờ nên văn bản bị mất khá nhiều chữ ở phần giữa và cuối bia. Bị giới hạn trong khuôn khổ một mặt bia nên nội dung văn bia chỉ kể lại một cách sơ lược hành trạng Quảng Hưng thiền sư từ lúc ngài xuất gia đến lúc giữ chức trú trì chùa Từ Vân, đồng thời nêu danh những cá nhân có công đóng góp tiền bạc cho việc thiết trí Phật tự. Văn bia được viết vào năm Ất Sửu (1925), tức năm thứ 10 niên hiệu Khải Định.

Có niên đại muộn hơn văn bia chùa Từ Vân, gia phả tộc Trang² do chính sư Quảng Hưng chấp bút vào tháng 7 năm Đinh Mão (1927), tức năm thứ 2 triều Bảo Đại. Toàn bộ văn bản đều bằng chữ Hán (có xen lẫn một số chữ Nôm ghi tên người, tên đất), gồm 54 trang (không kể trang bìa). Ngoài việc kê khai thế thứ dòng tộc, trong đó phần hành trạng những người đi theo con đường Phật pháp được ghi chép tỉ mỉ, thì trong phần tự thuật về cuộc đời mình, Quảng Hưng thiền sư đã ghi chép đầy đủ những sự việc, sự kiện mà ngài trải qua. Do bản văn không bị giới hạn số trang, số chữ, mặt khác đây là văn bản do chính tác giả ghi chép nên sự trạng rất tỉ mỉ, rạch ròi và chân thực. Ngôn từ sử dụng giản dị, ngắn gọn và có phần khiêm xưng. Vậy ngài đã tự thuật những gì về thân thế, cuộc đời và nghiệp tu của mình?

Theo gia phả, thủy tổ tộc Trang là người gốc ở Thập tứ đồ, huyện Tấn Giang, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa, di cư sang ở giáp Thanh Châu đông, nước Việt Nam; đến Thiền sư Thích Quảng Hưng là đời thứ sáu. Thân phụ ngài là Trang Văn Lữ, pháp danh Chơn Hương, tự Đạo Lữ đại sư, hiệu Phước Thắng, sinh năm Canh Ngọ, thị tịch năm Nhâm Dần. Thân mẫu ngài tên Nguyễn Thị Chút, pháp danh Chơn Xuân, mất năm Ất Ty. Ngài là con cả trong gia đình có bảy anh chị em. Em trai ngài là Trang Văn Tại, pháp danh Như Niệm, tự Giải Khoan, hiệu Bảo Toàn đại sư; vào năm Đinh Mão niên hiệu Bảo Đại thứ 2 được sắc chuẩn giữ chức tự trưởng chùa Từ Vân. Riêng ngài, cuộc đời và hành trạng được viết rõ từ trang thứ 33 đến trang 36. Ngài viết:

Lịch sử xuất gia của Trang Văn Trí, hiệu Quảng Hưng như sau: sinh giờ Hợi ngày mồng 4 tháng 4 năm Quý Ty, tức hoàng triều Thành Thái năm thứ 5, tây lịch năm 1892³. Đến năm Ất Ty niên hiệu Thành Thái (1905), 13 tuổi xuất gia vào chùa ngự chế Tam Thai ở Ngũ Hành Sơn, tôn vị Thủ tọa hiệu Phước Trí làm bốn sư, được ban pháp danh Như Tiến. Năm Bính Ngọ (1906) 14 tuổi, thụ nhất hương đàn sa-di giới, được lĩnh một đạo điệp ở chùa Phước Sơn, tỉnh Phú Yên do Pháp Tạng Hòa thượng truyền giới. Năm Kỷ Dậu (1909), niên hiệu Duy Tân thứ 3, có giấy của hào lý xã Hải Châu xã cử đến coi việc ở chùa Sắc tứ Phước Hải. Đến năm Canh Tuất niên hiệu Duy Tân thứ 5⁴, thế phát ở chùa Sắc tứ Linh Ứng, được Bốn sư là hòa thượng Phước Trí ban pháp tự là Giải Hình. Tháng 4 năm đó tiến Tỳ-kheo giới, được nhận văn điệp ở chùa Phước Lâm, do Vĩnh Gia đại lão làm Hòa thượng đàn đầu truyền giới.

Đến năm Tân Hợi (1911) 19 tuổi, được chư sơn đồng cử làm Tự trưởng chùa Thạch Châu ở xã Thạch Thang. Năm Quý Sửu niên hiệu... thứ 5⁵, được chân truyền y bát, làm trú trì chùa Ngự kiến Vĩnh An, được Tăng mục thư ký chùa Tam Thai hiệu là Phước Điền, đệ tứ tôn chứng A-xà-lê sư, ban chánh pháp nhân tàng, đặt hiệu là Quảng Hưng. Tôi bái tạ. Khi đó bốn sư làm đơn xin đến quý tỉnh tham phương học đạo, [tôi] bèn đến thôn Thành Đức,



hạt Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thụ lãnh thuế thân. Thiết nghĩ đến phụ mẫu sinh làm trưởng nam, sinh con nối dõi là việc hiếu, nhưng sợ gần tình cảm trần tục, tương lai sẽ lẩn át hết thảy. Vào năm đó, trần duyên dứt hẳn, biệt tỉnh tham tu.

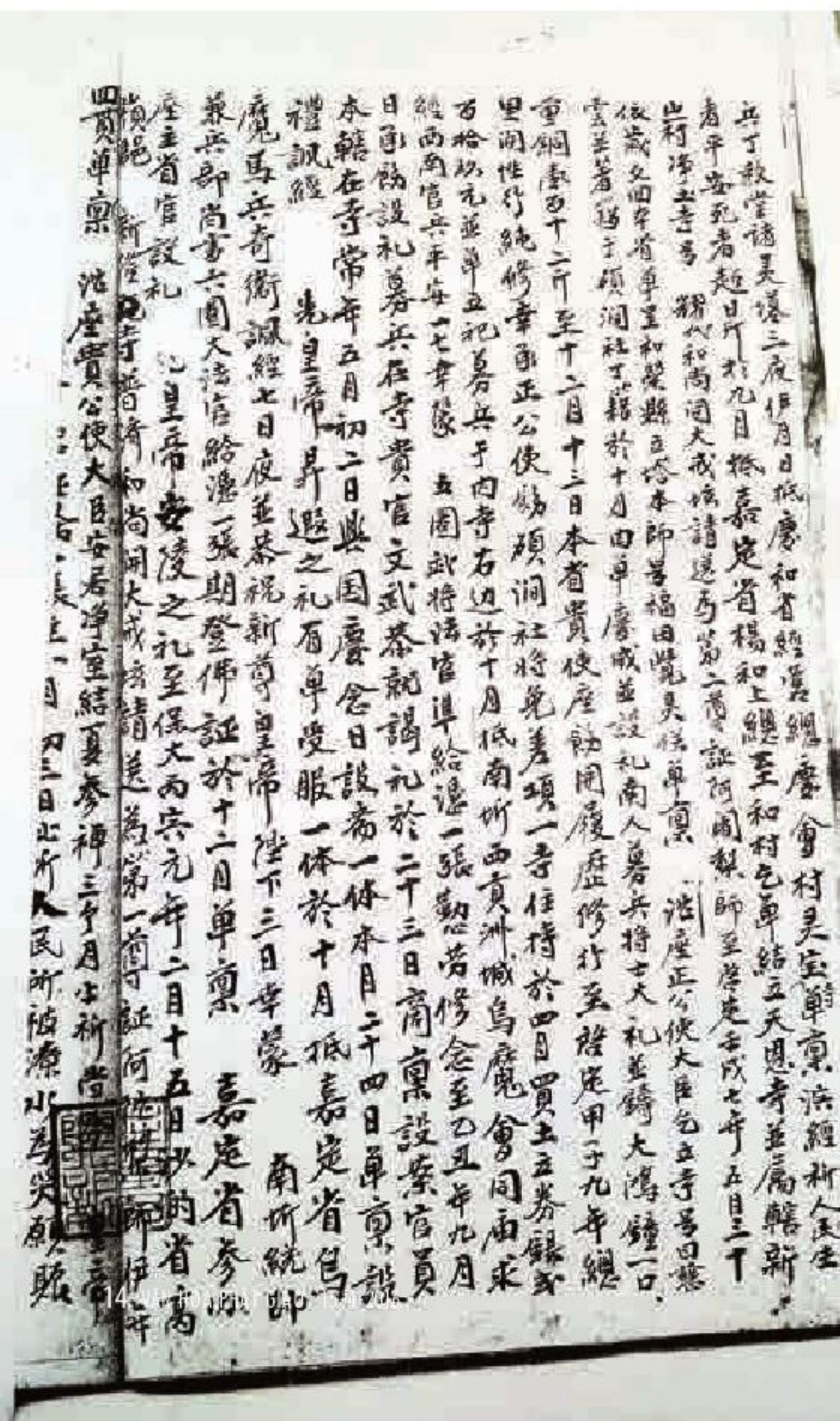
Năm Kỷ Mùi niên hiệu Khải Định thứ 5⁶, 24 tuổi đến chùa Thiên Lâm thuộc hạt, Hòa thượng Tỉnh Hành [họ Nguyễn] được quan cấp bằng giữ chức Tăng trưởng khai đại giới đàn, thỉnh giữ chức Thư ký Thống sự, liền trong năm đó có đơn xin đến thôn Thành Đức tụng kinh cho các tướng sĩ và hành lễ nhân việc giao hảo tốt đẹp với nước Pháp. Đến năm Canh Thân (1920), nhân dân bốn thôn bị tai ương dịch bệnh, có đơn thỉnh nguyện phúng kinh cầu dân an liên tục bảy ngày đêm. Sau đó đến Linh Sơn Cổ Thạch tự ở thôn Vĩnh Hào, tổng Bình Thạnh, huyện Tuy

Phong của tỉnh an dưỡng. Mỗi bữa trưa chỉ ăn một bát, biệt lập tĩnh tu. Tôi làm đơn xin phúng kinh bố thí phần mộ chư linh ở hai xã Long Phước, Long Hương ba ngày đêm. Ngày tháng 12 năm này, nhân dân bị chứng bệnh dịch hoành hành, tôi lại có đơn thỉnh trình đến xã Long Hương phúng kinh cầu an, sau đã yên ổn. Đến năm Tân Dậu (1921), 29 tuổi, tôi đến am Quảng Tế, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Viên xin bằng phúng kinh bố thí cho mộ phần chư linh ở giáo đường binh đình ba đêm. Trong tháng này, đến chùa Linh Bảo, thôn Khánh Hội, tổng Kinh Doanh, tỉnh Khánh Hòa trình đơn xin diễn kinh cầu cho nhân dân người sống được bình an, người chết được siêu thăng. Tháng 9 đến thôn Chí Hòa, tổng Dương Hòa Thượng, tỉnh Gia Định xin kết lập chùa Thiên Ân, lúc này hạt khai đại giới đàn, tôi được thỉnh tuyển làm đệ nhị tôn chứng A-xà-lê sư.

Đến tháng 5 năm Nhâm Tuất niên hiệu Khải Định thứ 7 (1922), tôi 30 tuổi lại trở về bốn tỉnh, làm đơn trình huyện Hòa Vang xin dựng tháp bốn sư là Phước Điền giác linh. Tôi cũng làm đơn bẩm Chánh Công sứ đại thần tòa Đà Nẵng xin lập chùa hiệu là Từ Vân, và nhập tịch vào sổ đình xã Thạc Gián. Tháng 10 có đơn khánh thành, thiết đại lễ cầu cho các tướng sĩ mộ binh người Nam, và đúc một quả đại hồng chung bằng đồng nặng 112 cân. Đến ngày 13 tháng 12, quý Sứ tòa của bốn tỉnh sức khai lý lịch tu hành. Năm Giáp Tý niên hiệu Khải Định năm thứ 9 (1924), Tổng lý khai tôi tính hạnh thuần tu, may được Chánh Công sứ sức về xã Thạc Gián cho miễn sai hạng nhất đối với trú trì chùa. Tháng 4 mua đất, số tiền khuyến cúng là 219 đồng, làm đơn xin thờ mộ binh bên phải trong chùa. Tháng 10, đến miếu Hội đồng, thành Ô Ma, châu Tây Cống, Nam Kỳ cầu kinh cho quan binh người Nam và cả người Tây được bình an, may được quan võ tướng Pháp Ngũ Quyền chuẩn cấp một tấm bằng do cần lao tu niệm.

Đến tháng 9 năm Ất Sửu (1925), thừa sức thiết lễ mộ binh tại chùa, quý quan văn võ đều đến yết lễ. Ngày 23, bàn bạc xin thiết án quan viên bốn hạt tại chùa, hàng năm vào ngày mồng 2 tháng 5 mừng ngày quốc khánh và thiết trai nhất thể. Ngày 24 tháng này, có đơn xin thiết lễ phúng kinh. Vào dịp tiên Hoàng đế thăng hà có đơn thụ phục nhất thể. Tháng 10, đến cơ vệ mã binh ở thành Ô Ma, tỉnh Gia Định phúng kinh bảy ngày đêm, và cung chúc Tân tôn Hoàng đế Bệ hạ ba ngày, may được thống soái Nam Kỳ, Thượng thư bộ Binh, quan Đại Pháp Lục Quyền cấp một trang bằng, đăng lễ Phật chứng. Tháng 12, có đơn xin Tham biện tỉnh và quan tỉnh chủ tòa thiết lễ Hoàng đế an lăng. Đến ngày 15 tháng 2 năm Bính Dần niên hiệu Bảo Đại nguyên niên⁷, Hòa thượng Phổ Tế ở chùa Tân Long, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc khai đại giới đàn, thỉnh tuyển làm đệ nhất tôn chứng a-xà-lê sư. Năm này tôi hồi tỉnh, làm đơn xin quý Công sứ Đại thần tòa Đà Nẵng an cư tịnh thất kiết hạ, tham thiền ba tháng, trên cầu đương kim Hoàng đế sang Tây du học viên mãn, sống thành thoi nhàn hạ, may được cấp một tờ bằng. Ngày mồng 3 tháng 8, nhân dân Bắc kỳ bị thiên tai lụt lội, nguyện chẩn cứu 50 đồng bạc. Ngày mồng 3 tháng 9, tuyển hồ sơ thành một tập 25 trang trình tỉnh tòa châu hành, nhân đó thiết lễ mộ binh tại chùa. Ngày mồng 1 tháng 10 năm này, trong hạt bị thiên tai, nhân dân bị bệnh mà chết, có đơn bẩm xin phúng kinh một tháng, nguyện cho nhân dân được an bình.

Ngày mồng 6 tháng 11 năm Bính Dần Bảo Đại nguyên niên, may được chỉ ban sao chép biển vàng sắc tứ tên chùa, cùng bẩm cử hai viên Trú trì và Tự trưởng. Đến ngày 19 tháng giêng năm Đinh Mão Bảo Đại thứ 2⁸, khâm ban sắc tứ biển ngạch, chủ tự may được Đốc bộ đường bốn tỉnh Thự Tổng đốc Nam Nghĩa Tôn Thất đại thần, Phụ chính phủ Thân thần Lê bộ đường sao lục cấp chỉ. Nhân đến ngày mồng 1 tháng 3, bàn bạc trình tỉnh tòa kiết hạ tham thiền ba tháng, trên chúc như trước đây [chúc



đương kim Hoàng thượng sang Tây du học viên mãn, sống thanh thoi, nhàn hạ - ĐTT]. Đến tháng 7, việc được viên mãn, được Công sứ đại thần cùng sơn môn cấp một tờ bằng. Ngày 13 tháng 7, bốn tỉnh bị thiên tai đại hạn, ruộng lúa khô cháy, có đơn xin nguyện cầu mưa trong một tháng. Đến ngày 13 tháng 8, có mưa xuống. Ngày 24 tháng này, bàn bạc xin mở trường giáo dục Phật học, bố thí cho con trẻ được theo học. Đến ngày 19 tháng 11, có tờ tư của Khâm sứ Trung kỳ thưởng bội tinh hạng hai kèm theo tờ văn sao lục.

Ngày 18 tháng 2 năm Mậu Thìn (1928), làm đơn trình tỉnh tòa, được bộ Lễ, Khâm sứ chuẩn hứa hội đồng chư tỉnh khai hương nhập hạ trong ba tháng. Chư cao tăng tám tỉnh ở Trung và Nam kỳ đại hội, trên chúc Lương Tôn cung Thái hoàng Thái hậu, triều thần văn võ, dân an quốc thái, Hoàng đế vạn thọ. Trong tháng này quyền trợ cho người Nam sang Đại Pháp lập trường học với số tiền là 20 đồng bạc, hiện có biên lai chứng nhận của Chánh tổng. Đến tháng 6, làm đơn trình bày rõ xin khai đại giới đàn, thỉnh Tăng cang hai chùa Tam Thai, Linh Ứng hiệu Phước Trí bốn sư làm đàn đầu truyền giới, lập tức được khâm phụng giới đàn chùa Sắc tứ Từ Vân, sắc tứ Tăng cang hộ giới điệp hòa thượng, nguyên sắc chuẩn Trú trì chùa Tam Thai Lê Phước Thông làm yết-ma, Lê Phổ Minh ở chùa Sắc tứ Phước Lâm làm giáo trì, Trú trì Dương Thiện Quả ở chùa Sắc tứ Chúc Thánh làm đệ nhất tôn chứng, Trú trì của bốn tự làm đệ tứ tôn chứng, cùng với mười vị sư hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên. Ngày 29 tháng 6, phụng tiếp công văn của Lễ bộ đường đại thần chuyển đến Đốc bộ đường bốn tỉnh tuân phụng sao lục khoản: chủ tự chùa Sắc tứ Từ Vân cùng Tăng cang, Trú trì hai chùa Tam Thai, Linh Ứng tuân hành việc thi tuyển giới đàn. Ngày 25 tháng này, bàn bạc xin quý tòa cấp bằng chức giới đàn tổng cộng 27 trang giấy và đệ trình lên tỉnh đường huyện Hòa Vang hơn 30 trang giấy. Ngày tháng 9, thừa sức thiết lễ kỷ niệm mộ binh tại chùa. Giống như ngày 18 tháng này năm trước, các quan của bốn tỉnh, sơn môn, sư tăng của quý tự có đơn trình xin thưởng. Ngày trong tháng này, viên chức phòng bị xích khổ cùng làm đơn xin thưởng bội tinh tại án, kể rõ sự trạng như trên để bộ Lễ, Khâm sứ tỉnh tòa xem xét trình cấp trên. Trung tuần tháng 7 năm Kỷ Tỵ Bảo Đại thứ 4, tức tây lịch năm 1929⁹, cuối cùng sao lục. Ngày mồng 9 tháng 11 năm Bảo Đại thứ 8 (1932) được cử làm Tăng cang. Năm Ất Hợi Bảo Đại thứ 8¹⁰, Pháp lịch 1935, được chính phủ Nam Kỳ cấp bằng Y khoa bào chế.

Ngày 16 tháng giêng năm Mậu Dần Bảo Đại thứ 11, tây lịch 1938¹¹, tôi đến giới đàn chùa Phước Long, thôn Tân Lý, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho làm Chánh Chủ kỳ Hòa thượng. Ngày 15 tháng 2, đến chùa Phước Hựu, thôn Vĩnh Thanh, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công làm Chánh Chủ kỳ Hòa thượng. Tháng 4, đến giới đàn chùa Linh Bảo ở thôn Tân Thái trong tỉnh làm Tuyên Luật sư Hòa thượng. Đến ngày mồng 9 tháng 9, đến giới đàn

chùa Thiền Lâm, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận làm Chánh Chủ kỳ Hòa thượng. Nghĩa địa phường Lạc Đạo thuộc hạt cùng hội bàn kiến lập chùa Pháp Bảo, khi trình rõ thì được cấp văn phê. Trong tháng đó vào chùa Sắc tứ Khải Tường.

Ngày 12 tháng giêng năm Kỷ Mão Bảo Đại thứ 14, tây lịch 1939, chùa Linh Sơn Trường Thọ ở thôn Hợp Nghĩa, tổng Phong Điền, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận khai đại giới đàn, tôi được mời làm Chánh Chủ kỳ Hòa thượng. Ngày mồng 9 tháng 2, tại giới đàn chùa Long Thành, thôn Long Bình Điền, tỉnh Mỹ Tho, được mời làm Chánh Chủ sự Hòa thượng. Từ ngày 12 tháng 2 đến ngày 12 tháng 3, tỉnh tòa giúp sức biện lập chùa phát thuốc. Ngày 30 tháng 2, Nhược viện đường tỉnh Bình Thuận phê vào đơn của tăng này trình xin cấp thuốc...

Qua những dòng thủ bút của Thiền sư Thích Quảng Hưng, chúng ta có thể thấy rằng gia đình ngài vốn có nhiều duyên nợ với Phật pháp; không chỉ đến đời ngài, mà trước, sau, và cùng thế hệ với ngài, đều có nhiều người tín thành, tu học Phật đạo. Bản thân ngài sớm theo nghiệp tu hành, có nhiều công lao trong việc giáo dưỡng đệ tử, xây dựng, tu bổ Phật tự và bố thí phước đức cho nhân dân. Hành trình hoằng hóa Phật pháp của vị thiền sư họ Trang không giới hạn trong một tỉnh thành, một ngôi chùa nào mà dấu chân ngài đã đặt đến nhiều vùng đất khác nhau, trong đó có những tỉnh thành đang diễn ra chiến sự. Rõ ràng, hỷ niệm của nhà tu hành là không có giới hạn. Ngài Thích Quảng Hưng thật xứng đáng là vị chân tu! ■

Ghi chú:

1. Viện Cao học Thực hành, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Trường Viễn Đông Bác Cổ (2009), *Tổng tập Thác bản Văn khắc Hán Nôm*, tập 20, tr.271.
2. Nhân đây, xin chân thành cảm ơn thầy Thích Như Tịnh, trú trì chùa Viên Giác (Hội An - Quảng Nam) đã cung cấp cho chúng tôi tư liệu này.
3. Năm Quý Tỵ niên hiệu Thành Thái thứ 5 phải là năm 1893, không phải năm 1892 như tác giả viết.
4. Năm thứ 5 đời Duy Tân 1911 phải là năm Tân Hợi, không phải Canh Tuất.
5. Ở đây không ghi rõ niên hiệu. Nhưng năm Quý Sửu 1913 phải là năm thứ 7 đời Duy Tân.
6. Năm Kỷ Mùi là 1919, nhưng năm thứ 5 đời Khải Định phải là năm Canh Thân 1920.
7. Năm Bính Dần là năm 1926, nhưng Bảo Đại nguyên niên phải là năm Ất Sửu 1925.
8. Năm Bảo Đại thứ 2 là Bính Dần 1926, còn năm Đinh Mão là 1923.
9. Năm 1929 đúng là Kỷ Tỵ, nhưng năm thứ 4 niên hiệu Bảo Đại là 1928, không phải 1929.
10. Năm 1935 đúng là năm Ất Hợi, nhưng đây là năm thứ 9 đời Bảo Đại, chứ không phải năm thứ 8.
11. Đúng ra phải là năm 1937.

Khổ và diệt khổ

HOÀNG VIỆT

Tổng kết 45 năm thuyết pháp độ sinh, Đức Phật xác nhận Ngài chỉ giảng dạy hai điều: Khổ và diệt khổ. “*Này các Tỳ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ*”. Chỉ hai điều thôi nhưng đủ cứu vớt cho muôn vàn sinh linh, đem lại lợi lạc cho vô số chúng sinh. Khổ là sự thật có mặt trong con người và trong cuộc đời; diệt khổ hay hết khổ là mong ước muôn thuở của hết thảy nhân loại sống trên hành tinh.

Theo tuệ giác của Phật thì trong mỗi con người vốn có đủ tất cả: khổ, khổ tập, khổ diệt và con đường đưa đến khổ diệt². Con người có đầy đủ khổ vì con người mang sẵn trong mình các hệ lụy khổ đau: già, bệnh, chết, cầu không được như ý; có khổ tập hay nguyên nhân gây nên khổ đau vì con người mê đắm rơi vào khao khát, tham đắm những thứ chịu sự sanh diệt, thuộc bản chất khổ đau; có khổ diệt hay khả năng buông bỏ khổ đau vì con người có đủ sáng suốt để chế ngự các nguyên nhân gây ra khổ đau; có con đường hay phương cách diệt trừ khổ đau vì con người có sẵn ý chí và trí tuệ để từng bước nhiếp phục và đi ra khỏi khổ đau. Nói cách khác, con người là kẻ mang gánh nặng khổ đau và có khả năng đặt xuống gánh nặng đau khổ. Vấn đề nằm ở nhận thức và ý chí của mỗi người. Đức Phật chỉ gợi mở vấn đề. Mê thì bị khổ trôi buộc, tiếp tục mang gánh nặng khổ đau; ngộ thì ra khỏi khổ đau, đặt gánh nặng xuống³.

Để khai thị cho nhân loại về sự khổ và sự diệt khổ, bậc Giác ngộ nêu hai trường hợp về hai hạng người sống ở trên đời.

Trường hợp thứ nhất là một người sanh ra ở đời không có nhân duyên được tiếp cận giáo pháp giác ngộ của Phật, sống theo lẽ sống thường tình giữa thế gian, chạy theo các lạc thú thế gian, vùng vẫy trong thế giới tốt xấu, hơn thua, được mất của thế gian. Do lối sống thiếu hiểu biết như vậy, vị ấy bị ái dục trôi buộc, mê say chạy theo các duyên khiến khổ đau tiếp tục sanh khởi, tiếp tục được tạo ra, kéo dài từ đời này sang đời khác.

Trường hợp thứ hai là một người sanh ra ở đời có nhân duyên được nghe giáo pháp giải thoát của Phật, khởi lòng tin, quyết tâm sống theo lời Phật dạy, chuyên tâm thực hành Bát Thánh đạo hay tu tập pháp môn Giới-Định-Tuệ. Nhờ có học tu theo lời Phật dạy, vị ấy thể hiện một nếp sống sáng suốt thoát ly tham ái, nỗ

lực loại bỏ các duyên khiến khổ đau không có điều kiện sanh khởi, được chấm dứt, không còn tiếp tục kéo dài trong tương lai.

Phật gọi các Tỳ-kheo và chậm rãi giảng nói như vậy:

“Này các Tỳ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm (gandhabba) có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình. Rồi này các Tỳ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy, với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỳ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi hài nhi ấy với sữa của mình. Này các Tỳ-kheo, trong luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu. Này các Tỳ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thục, chơi với những trò chơi dành cho các đứa trẻ, như với cái cày nhỏ, chơi khăng, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đóng bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ. Này các Tỳ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc; các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục.

Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy. Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục hỷ sanh, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh khởi; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sinh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Khi người đó nghe tiếng với tai... khi người đó ngửi hương với mũi... khi người đó nếm vị với lưỡi... khi người đó cảm xúc với thân... khi người đó nhận thức pháp với ý, người đó tham ái đối với pháp tốt, ghét bỏ đối với pháp xấu. Người đó sống niệm không an trú trên thân, với một



tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không còn dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sinh khởi; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sinh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này”.

Ở đời, này các Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp nào nghe Pháp ấy. Sau khi nghe Pháp, người ấy sanh lòng kính ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, vị ấy suy nghĩ: ‘Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình’. Sau một thời gian, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống thành tựu học pháp chánh hạnh, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sống thanh tịnh, không có trộm cắp. Vị ấy từ bỏ tà hạnh, sống theo phạm hạnh, sống hạnh viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Vị ấy từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đến nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh Pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, trình diễn; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thơm và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ, gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc

tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo y và bình bát. Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỳ-kheo biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo y và bình bát. Vị ấy nhờ thành tựu Thánh giới uẩn này nên hưởng được lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp; vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiểu tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy với sự thành tựu Thành giới uẩn này, với sự thành tựu Thánh hộ trì căn này, và với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thuy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thuy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thuy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triển cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm

tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là 'xả niệm lạc trú', chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Khi vị ấy thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy từ bỏ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Khi vị ấy nghe tiếng bằng tai... Khi vị ấy ngửi hương bằng mũi... Khi vị ấy nếm vị bằng lưỡi... Khi vị ấy cảm xúc bằng thân... Khi vị ấy nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không tham ái đối với pháp tốt, không ghét bỏ đối với pháp xấu. Vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy đoạn trừ thuận nghịch; có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này"⁴.

Lời Phật dạy về khổ và diệt khổ qua hai trường hợp nêu trên gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ:

- Có khổ đau và có con đường đi ra khỏi khổ đau mà Đức Phật đã tự thân chứng ngộ đầy đủ với trí tuệ của một bậc Giác ngộ.

- Khổ có mặt trong mỗi con người, do duyên sanh và do duyên diệt. Thiếu hiểu biết, thiếu tu tập thì khổ phát sanh. Có hiểu biết, có tu tập thì khổ chấm dứt.

- Khổ là một thực tại gắn liền với con người và đời người mà hầu như ít ai quan tâm tìm hiểu cho thấu đáo. Con người sống ở đời đối diện với muôn vàn sự khổ nhưng không có đủ hiểu biết và tỉnh táo để tìm thấy biện pháp thích đáng đi ra khỏi khổ đau. Rõ ràng, ai cũng mong muốn thoát khổ, nhưng càng cố công thoát khổ hay tránh khổ thì càng bị khổ trói buộc. Vì con người không thấy hết sự khổ, đặc biệt là không hiểu được căn nguyên của khổ. Gốc của khổ nằm ở lòng tham (rāga) hay tâm lý luyến ái (tanhā), nghĩa là sự dao động và phản ứng của tâm thức đối với sự



khổ. Theo lời Phật thì dù tốt hay xấu, thích ý hay không thích ý, con người (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và thể giới do con người nhận thức (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đều là khổ, thuộc bản chất khổ đau, vì chúng vô thường, chịu sự thay đổi, hủy hoại, biến diệt, không ai nắm giữ hay thay đổi được. Hết thảy mọi thứ đã là vô thường, chịu sự biến diệt mà sinh tâm luyến ái, biểu hiện qua sự thích thú, tham đắm đối với cái thích ý (thuận ứng) hay ghét bỏ, bức phiền đối với cái không thích ý (nghịch ứng), thì cũng có nghĩa là luyến ái khổ, ôm ấp khổ đau, bị khổ trói buộc, tiếp tục mời gọi khổ đau. Đây chính là trường hợp của hạng người thứ nhất được Đức Phật nói đến, tức hạng người chưa có cơ duyên học tập lời Phật dạy, sống theo lẽ sống thường tình giữa thế gian, chạy theo các lạc thú thế gian, quay cuồng vùng vẫy trong thế giới hai mặt của thế gian, khiến tham-sân-si không ngừng sanh khởi và tăng trưởng gọi là có tâm tư nhỏ mọn (*parittacetaso*), không rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Do sống theo thói quen thiếu sáng suốt như vậy, tâm vị ấy bị ái dục trói buộc, mê say chạy theo các duyên khiến khổ đau tiếp tục sanh khởi, tiếp tục được tạo ra, kéo dài từ đời này sang đời khác. Kinh Pháp Cú nói như thế này: *"Người bị ái buộc ràng, vùng vẫy và hoảng sợ, như thỏ bị sa lưới, chịu khổ đau dài dài"⁵.*

- Khổ gắn liền với con người và phát sanh do duyên thiếu hiểu biết, thiếu tu tập; vậy nên Đức Phật khuyên mọi người cần tập trung nhận diện cho thật đúng về ý nghĩa của khổ, phải thấy rõ nguyên nhân gốc rễ của khổ, phải chứng nghiệm sự khổ diệt và cần phải thực hành con đường đưa đến diệt khổ. Đó là phương cách giúp cho mọi người tìm thấy lẽ sống sáng suốt thoát ly khổ đau, là ý nghĩa thuyết pháp độ sanh của Đức Phật. Hẳn nhiên, với những ai quan tâm sâu sắc đến sự khổ thì việc theo đuổi lời Phật dạy đích thực là lẽ sống thoát ly khổ đau.

- Đức Phật thấy rõ sở dĩ khổ có mặt là do con người thiếu hiểu biết, thiếu tu tập, vì vậy mà Ngài quan tâm giảng dạy cho mọi người con đường đi ra khỏi khổ đau, nêu rõ từng bước đi, từng bước tu tập nhằm hạn chế và loại trừ các duyên khiến khổ đau không có lý do sanh khởi, được chấm dứt, đi đến đoạn diệt. Đó chính là sự thực hành Bát Thánh đạo hay tu tập con đường Giới-Định-Tuệ, có công năng ngăn chặn và nhiếp phục các nguyên nhân gây nên khổ đau (Giới), khiến cho tâm được thanh lọc và phát triển đạt đến định tĩnh và trong sáng (Định), thấy rõ bản chất khổ đau của các pháp, có khả năng buông bỏ các duyên dẫn đến khổ đau phát sanh hay còn gọi là đạt đến trí tuệ chặt đứt gốc rễ của khổ đau (Tuệ), khiến khổ đau không sanh khởi, không còn tiếp tục hiện hữu trong tương lai. Đây là trường hợp của hạng người thứ hai, tức hạng người có nhân duyên được nghe lời Phật dạy, khởi lòng tin, xuất gia, hành sâu Giới-Định-Tuệ, thấy rõ gốc rễ khổ đau, quyết

tâm nhiếp phục và loại trừ các nhân duyên dẫn đến khổ đau, thể hiện một nếp sống sáng suốt giữa cuộc đời, không còn mê đắm ái luyến khổ đau, không rơi vào thuận ứng hay nghịch ứng khi các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với các trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), tâm tư thoát khỏi tham-sân-si gọi là có tâm vô lượng (*appamānacetaso*), đạt đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không còn tái sanh hay sanh tử luân hồi. Vị ấy được mô tả có lối sống thanh thản an lạc như vậy:

*Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uể nhiễm, an ổn,
Là điểm lành tối thượng⁶.*

Tóm lại, cùng lúc với sự xuất hiện của Đức Phật ở trên cõi đời, con đường giải thoát khổ đau bắt đầu được mở ra cho nhân thế, bên cạnh con đường khổ đau sanh tử vốn đã tồn tại trước khi con người có mặt trên thế gian này. Đức Phật là một nhân vật lịch sử đã tự mình khám phá ra con đường đưa đến chấm dứt khổ đau và đã nỗ lực chỉ bày con đường ấy cho chúng sanh, *"vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho chư Thiên và loài Người"*. Có thể nói rằng tùy vào duyên nghiệp của mỗi người mà con đường giác ngộ của Phật trở nên hiện thực hay không giữa cuộc đời còn nhiều mê chấp này. Tuy nhiên, thật may mắn cho thế giới loài người vì con đường đã được mở ra, đã dẫn lối cho nếp sống hòa bình an lạc của nhân loại xuyên suốt mấy ngàn năm và chắc chắn còn tiếp tục gọi lối đi sáng suốt an toàn cho nhân thế trong bối cảnh con người không ngừng tìm kiếm các giải pháp cho vấn đề khổ đau trần thế. ■

Chú thích:

1. Kinh Ví dụ con rắn, *Trung Bộ*.
2. Kinh Rohitassa, *Tăng Chi Bộ*.
3. Kinh Gánh nặng, *Tương Ưng Bộ*.
4. Đại kinh Đoạn tận ái, *Trung Bộ*.
5. Kinh Pháp Cú, kệ số 342.
6. Kinh Điểm lành tối thượng, Kinh tập, *Tiểu Bộ*.

Thấy tháp Đa Bảo

NGUYỄN THẾ ĐĂNG



1 Tháp Đa Bảo

"Cánh cửa bất tử đã mở ra cho tất cả những ai muốn nghe", đây là câu nói của Đức Phật sau khi Ngài giác ngộ.

Từ xa xưa cho đến ngày nay, con người luôn luôn đi tìm chính mình, một cái gì vượt khỏi sống chết, đi tìm cánh cửa bất tử để thấy sau cánh cửa bất tử ấy cái chính mình thật sự là gì. Phật giáo có rất nhiều kinh điển, rất nhiều con đường đáp ứng cho nhu cầu tâm linh tối hậu ấy. Chính vì thế mà Phật giáo vẫn còn nơi trái đất này, khi tất cả những nhu cầu vật chất và ý thức ngày nay đều được nền văn minh đáp ứng hầu như hoàn hảo.

Một ẩn dụ về thực tại tối hậu ấy là tháp Đa Bảo trong phẩm Hiện Bửu tháp, kinh *Pháp Hoa*. Đa Bảo là nhiều thứ quý báu, đó là Phật tánh mà mỗi chúng sanh đều có, hiện nằm trong tâm địa của chúng sanh. Trong phẩm này, Phật tánh ấy xuất hiện một cách hữu hình, cụ thể, để con người có thể nhìn thấy hoàn toàn, hầu ngộ và nhập.

Nơi nào có nói kinh *Pháp Hoa*, có tâm thức hướng đến sự thật của kinh *Pháp Hoa* thì tháp của Phật Đa Bảo xuất hiện:

"Trong cõi nước mười phương, bất cứ chỗ nào nói kinh *Pháp Hoa*, thì tháp của Phật Đa Bảo vì để nghe kinh mà vụt hiện ra trước mặt... Trong tháp có toàn thân Phật Đa Bảo" (Phẩm Hiện Bửu tháp, thứ 11).

Bất cứ lúc nào, chỗ nào mà kinh *Pháp Hoa* được nói, có sự hiện diện sống động của kinh *Pháp Hoa* trong tâm thức, chỗ ấy lúc ấy có sự xuất hiện của tháp Đa Bảo với toàn thân Như Lai. Lúc nào, nơi nào có sự tin hiểu *Pháp Hoa* (phẩm *Tín giải*, thứ 4), có ý thức *Pháp Hoa*, thời gian ấy và không gian ấy có tháp Đa Bảo với toàn thân Như Lai hiện diện trước mặt.

Kinh diễn tả tháp Đa Bảo như sau:

"Lúc bấy giờ trước Phật có tháp bằng bảy báu, cao năm trăm do-tuần, ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần, từ dưới đất vọt lên trụ giữa không trung, được trang nghiêm bằng đủ các vật báu, năm nghìn bao lớn, ngàn muôn phòng ốc, vô số tràng phan, chuỗi ngọc, linh báu. Bốn mặt bay mùi hương chiên-đàn đầy khắp thế giới".

Tháp Đa Bảo từ dưới đất vọt lên nghĩa là tháp báu đã có sẵn trong tâm địa, đất tâm của chúng sanh, chỉ chờ tâm thức bắt đầu thấm nhuần ý thức *Pháp Hoa* bèn vọt lên trụ giữa hư không cho mọi người được thấy.

Bảy báu là bảy đại: đất, nước, gió, lửa, không, thức, kiến. Khi thành Phật như Phật Đa Bảo thì bảy đại trở lại bản tánh thanh tịnh của chúng, tức là bảy báu. Cao năm trăm do-tuần là năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức. Ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần là hai mươi lăm cõi hữu. Tất cả những yếu tố tạo ra sanh tử luân hồi trong thật tướng của chúng là thanh tịnh, quý báu và thiêng liêng. Tóm lại, tháp Phật Đa Bảo là pháp giới được thu nhỏ lại và nói lên sự thật "đã thành Phật từ lâu xa".

Bảy đại, năm uẩn, hai mươi lăm cõi là tất cả vũ trụ, pháp giới. Tất cả pháp giới là tháp Phật Đa Bảo, với tất cả những trang nghiêm quý báu, âm thanh, mùi hương, ánh sáng. Pháp giới là tháp Phật Đa Bảo và mỗi sự vật trong pháp giới đều là tháp Phật Đa Bảo.

Trong tháp Đa Bảo, không chỉ có Phật quá khứ Đa Bảo, mà còn có cả Phật hiện tại Thích-ca “chia nửa tòa ngai”. Trong tháp Đa Bảo hay trong pháp giới, chỉ có Phật thông suốt khắp cùng cả ba thời. Trong tháp Đa Bảo hay trong pháp giới, quá khứ là hiện tại, chỉ có hiện tại trùm khắp ba thời.

“Lúc bấy giờ cõi Ta-bà liền biến thành thanh tịnh, lưu ly làm đất, bảy báu trang nghiêm... tất cả thông làm một cõi nước Phật”.

Tất cả thời gian, không gian, các đại, các uẩn, các cõi, thông làm một cõi nước Phật, và Phật quá khứ thành một với Phật hiện tại. Sự việc tất cả thành một vị Phật tánh này được gọi là pháp giới Nhất Chân. Tất cả đều là một vị Phật tánh, nghĩa là đều “đã thành Phật từ lâu xa”.

Trong pháp giới Nhất Chân này, không có thời gian một bên không gian một bên, vật chất một bên tinh thần một bên, vật một bên tâm một bên, cái thiêng liêng cao cả một bên cái thấp kém trần tục một bên, sanh tử một bên Niết-bàn một bên. Tất cả đều là một pháp giới Nhất Chân.

“Khi ấy chư Phật đều ngai kiết-già trên tòa, như thế đầy khắp cả thế giới tam thiên đại thiên mà phân thân của Phật Thích-ca ở một phương vẫn chưa hết”.

Phật đầy khắp cả thế giới mà thế giới vẫn chưa thể chứa hết. Nói cách khác, pháp giới thì đầy đặc Phật từ thế giới rộng lớn cho đến những vi trần và khoảnh khắc sát-na.

Một câu chuyện về tháp Đa Bảo: Đại sư Nhật Liên (1222-1282) là người sáng lập Nhật Liên tông Nhật Bản dựa trên kinh *Pháp Hoa*. Khi bị vua đày ra đảo và cho người ra ám sát, ngài nói với người cầm kiếm, “Tháp Đa Bảo là ông, và ông là tháp Đa Bảo. Loại trừ ông ra, ta không có tháp Đa Bảo”. Người ấy bèn buông kiếm, xin làm đệ tử của ngài.

Thấy mọi người, mọi vật là tháp Đa Bảo, đây là cái thấy biết của thành tựu giả *Pháp Hoa*.

2 Làm thế nào để thấy tháp Đa Bảo

Tháp Đa Bảo ở nơi tâm địa, nơi nền tảng của tâm, cho nên để thấy nó, tâm phải trở về bản tánh nền tảng của nó. Bản tánh nền tảng của tâm chính là tánh Không, cho nên khi tâm trở về nền tảng tánh Không của nó, thì sẽ thấy tháp Đa Bảo trụ giữa hư không.

Việc đưa tâm trở về bản tánh Không của nó để thấy thực tại tối hậu được nói trong các kinh, như kinh *Kim Cương* nói, “Thấy tất cả tướng chẳng phải là tướng, tức thấy Như Lai”.

Một vị Phật muốn đem toàn thân Như Lai trong tháp Đa Bảo chỉ bày cho bốn chúng, phải nhóm lại các phân thân, tức là các Hóa thân, tại chỗ ấy. nghĩa là phải gom tất cả Hóa thân về Pháp thân thì toàn thân Như Lai mới hiển lộ hoàn toàn. Gom tất cả Hóa thân là gom tất cả thức, căn, trần đang chiếu hiện nơi thế giới về trở lại Pháp thân, thì với thần lực trọn vẹn ấy mới: *“dùng ngón tay phải mở cửa tháp báu, thấy toàn thân Phật Đa Bảo”.*

Sau đó Phật Đa Bảo quá khứ chia nửa tòa ngai với Phật Thích-ca hiện tại, và tất cả đại chúng đã được đưa lên hư không đều thấy Phật là bình đẳng, đồng nhất trong suốt cả ba thời. Nói cách khác, tất cả ba thời chỉ là một Phật không phân cách. Toàn thân Như Lai lúc ấy không chỉ là toàn thân Như Lai Đa Bảo, mà là toàn thân của tất cả Như Lai.

Gom tất cả phân thân là gom tướng trở về tánh, về Một Tướng Vô Tướng, khi ấy Ba thân Phật là một, không tách rời; đây là toàn thân Như Lai. Pháp thân là tánh Không, Báo thân và Hóa thân là tất cả tướng từ Pháp thân lưu xuất. Gom được các tướng về Pháp thân tánh Không thì các tướng trở thành chính Pháp thân thanh tịnh. Các tướng không biến mất mà hiển hiện một cách thanh tịnh trong Pháp thân tánh Không. Không và sắc không loại trừ nhau. Không là nền tảng của sắc, và sắc là biểu hiện của Không, như kinh *Bát-nhã* nói, “sắc tức là Không, Không tức là sắc”.

Pháp thân là tánh Không, đây là Chân Không. Báo thân và Hóa thân thuộc về sắc tướng, đây là Diệu Hữu. Ba thân là một tức là Chân Không Diệu Hữu.

Xoay tất cả hiện hữu trở về Nhất Tâm, khi ấy người ta tin hiểu điều nói trong kinh *Hoa Nghiêm*: “Tâm, Phật, chúng sanh; cả ba không sai khác”.

Tóm lại, để thấy được thực tại Chân Không Diệu Hữu được biểu trưng bằng tháp Đa Bảo với toàn thân Như Lai trong đó, trước hết cần có niềm tin. Tin chính là “thần lực Như Lai đưa đại chúng lên hư không và ở tại đó”.

Thứ hai, để ở được giữa hư không, tâm chúng ta phải trụ nơi tánh Không như hư không. Và thứ ba, chúng ta phải gom tất cả cuộc sống của mắt tai mũi lưỡi thân ý về một chỗ Nhất Tâm rỗng rang như hư không ấy.

Thấy được thực tại Chân Không Diệu Hữu tức là có thể “thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, giảng nói” kinh *Pháp Hoa*.

Người trì được kinh này
Thời là đã thấy ta
Cũng thấy Phật Đa Bảo
Và các Phật phân thân...
Người trì được kinh này
Nơi nghĩa của các pháp
Danh tự và ngôn từ
Ưa nói không cùng tận
Như gió trong hư không
Tất cả không chướng ngại.

(Phẩm Như Lai thần lực, thứ 21) ■

Sách “Tôn giả Đại Mục-kiền-liên”

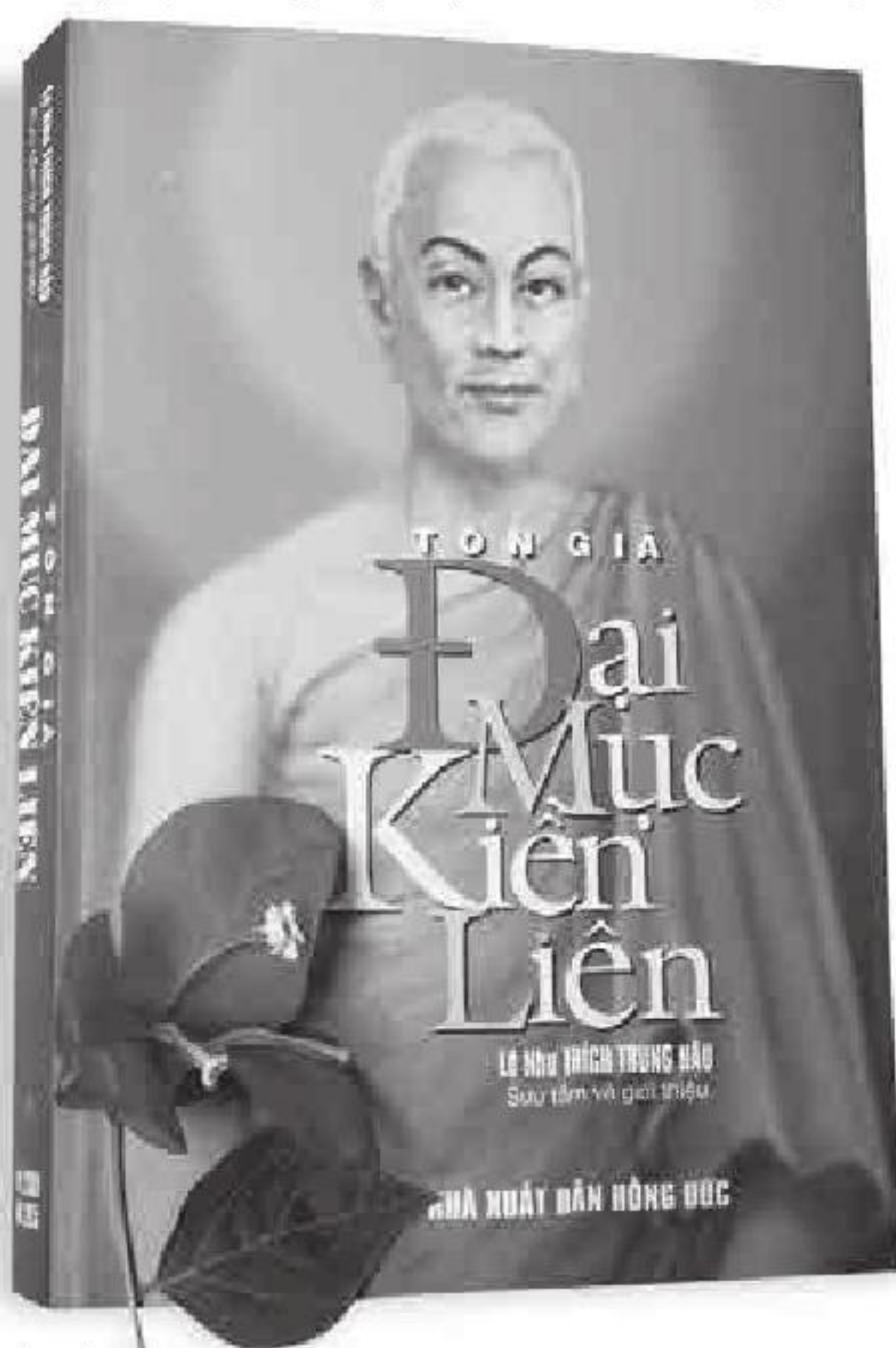
CAO HUY THUẦN

Lời tòa soạn: “Tôn giả Đại Mục-kiền-liên” là tập sách vừa được xuất bản, do Hòa thượng Lê Như Thích Trung Hậu sưu tầm và giới thiệu. Hòa thượng gửi sách này đến tặng tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Chúng tôi xin trích vài dòng đầu trong Lời giới thiệu của Giáo sư Cao Huy Thuần để gửi đến quý vị độc giả.

Sau tác phẩm biên soạn về ngài Xá-lợi-phất, lần này Hòa thượng Thích Trung Hậu cống hiến cho độc giả hai tập sách dành cho ngài Mục-kiền-liên. Tình tự tất nhiên phải như vậy vì hai ngài đại đệ tử của Đức Phật không bao giờ rời nhau. Ngài Xá-lợi-phất được tuyên dương là đệ tử bậc nhất của Thế Tôn, ngài Mục-

kiền-liên đứng sau một bậc. Thế nhưng ngài Mục-kiền-liên lại sống động hơn trong tâm thức, trong tưởng tượng, trong sùng kính sâu xa, và trong tình cảm đặc biệt của chúng ta, của dân gian. Ngài Mục-kiền-liên không phải chỉ để lại một lịch sử; ngài để lại một huyền sử. Lịch sử cho chúng ta những hiểu biết chính xác, nhưng lịch sử chỉ làm thỏa mãn cái đầu. Huyền sử làm rung động trái tim, làm rung động cả con người, đi thẳng vào lòng tin. Ngài Xá-lợi-phất đâu có một ngày Rằm tháng Bảy khói hương? Đâu có một Vu-lan thiêng liêng để từ em bé đến cụ già thành kính Nam-mô Bồ-tát? Ngài Xá-lợi-phất cũng có mẹ và cũng độ cho mẹ trước khi chết. Nhưng Bồ-tát đại hiếu để chúng ta tụng với tất cả tin yêu thì chỉ duy một ngài Mục-kiền-liên. Lịch sử Phật giáo mà không có huyền sử Mục-kiền-liên thì, xin được phép một chút đại ngôn, lịch sử mờ mờ tối tối. Cho nên Hòa thượng Thích Trung Hậu đã có ý tách quyển sách làm hai tập, tập thứ hai dành cho Bồ-tát, tập đầu này dành cho A-la-hán, đại đệ tử Mục-kiền-liên, nhân vật lịch sử.

Đại đệ tử, lịch sử ghi: ngài Mục-kiền-liên là thần thông bậc nhất. Nhưng ngài đứng sau ngài Xá-lợi-phất trí tuệ bậc nhất. Đầu óc suy luận buộc chúng ta suy nghĩ: như vậy là thần thông đứng sau trí tuệ? Nhưng đầu óc suy luận lại buộc chúng ta phải để ý đến một chi tiết không nhỏ: ngài Mục-kiền-liên chứng đạt A-la-hán trước ngài Xá-lợi-phất. Vậy khả năng nào sẵn có trong ngài giúp ngài chứng thánh quả nhanh hơn bạn, trí tuệ hay thần thông? Cứ suy luận như thế, tất sẽ phải đặt câu hỏi: giữa trí tuệ và thần thông, sự tương quan là như thế nào? Câu hỏi ấy mở đầu cho một câu hỏi khác mà bất cứ ai cũng đã từng đặt ra: tại sao thần thông của ngài Mục-kiền-liên không giúp được ngài thoát khỏi một cái chết bi thảm đến thế? Trong kinh và truyện nguyên thủy mà tác giả đã dày công sưu tập trong sách này, tôi chỉ xin giới hạn vào hai câu hỏi đó thôi để rút ra bài học cho chính bản thân... ■





Công nghiệp rong chơi bên bờ vực thẳm

NHỤY NGUYỄN

Một câu trong kinh *Hoa Nghiêm*: “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất” (một là tất cả, tất cả là một). Chân lý này hơn 20 năm trước đã được nhà vật lý D. Gabo chứng minh qua Lý thuyết toàn đồ và nhờ vậy ông vinh dự nhận giải Nobel.

Phật còn dạy: *Một hạt vi trần chứa tam thiên đại thiên thế giới*. Chúng ta thực tế hiểu chưa tới một phần tỉ chính mình. Ở mỗi người, *thức a-lại-da* lưu vô vàn thông tin từ kiếp này và cả những kiếp trước, nên đời người rất phức tạp. Ý khởi từ sâu trong *vọng tâm* [a-lại-da], rồi truyền đến *mạt-na* thức; trí não mới bắt đầu nhận [lệnh] và sai sử giác *ngũ căn* (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) tạo tác; nghiệp ấy sẽ lại dội ngược vào *tàng thức*, lưu cho đến khi [nhờ tu tập mà] Phật tâm hoàn toàn hiển lộ, cảnh mộng mới biến mất. Chiếu theo khoa học hiện đại, a-lại-da [vọng tâm] ở mỗi người ví như đài thu phát sóng siêu cấp, hút hết thầy thông tin từ vũ trụ. Nhưng chỉ những thông tin mà ngũ căn của ta nhận bắt xử lý (ước khoảng chưa tới một phần tỉ) mới thực sự sâu đậm, dễ thành chủng tử khởi sinh nghiệp

trong thời gian ngắn. Cũng có nhiều trần cảnh thoáng qua tai mắt rồi vùi lấp đâu đó trong a-lại-da, thậm chí qua những kiếp khác, nhờ tác động mạnh bởi duyên bên ngoài đã khởi dậy sanh nghiệp dữ. Thử xét ở một hiện tượng: Đạo văn. Đạo ở đây, xin khoanh vùng ở sự vô tình; (những trường hợp cố ý đương nhiên không nằm trong lộ trình nghiệp thức này). Chẳng hạn, một người lướt qua một bài thơ trên mạng trên giấy hay thoáng nghe qua ai đó đầu đó, rồi quên hẳn, *quên tuyệt đối*, đến mức có ai hỏi từng đọc những câu thơ này chưa, cũng không nhớ. Không. Chưa hề. Bỗng một ngày nhân sự kiện tương đồng với bài thơ mình từng đọc dội đến, nhà thơ khởi ý làm một bài thơ. Bật ra tú. Nhà thơ mang giấy bút bắt đầu nghiêm túc nghĩ được mấy dòng, lại nghĩ, lại viết. Từng câu từng chữ đều từ óc mình nặn ra. Lúc bài thơ khá trọn vẹn, nhà thơ đọc lại, thấy vẫn còn vài chữ chưa ưng ý, lại suy nghĩ, thay từ này từ kia, đổi đến mấy lần mới chuẩn. Nhưng. (Điều không ngờ, trí thì có thể quên, song a-lại-da thức thông qua những dạng camera tự động (như mắt), nhào cái đã lưu đến từng âm tiết, từng tiếng

động nhỏ, từng chi tiết cực vi, kể cả những thông tin mà tai, mắt, mũi không hề tiếp xúc). Nhà thơ không ngờ, duyên tương đồng khởi hiện cũng là lúc thông tin từ a-lại-da thức giấc, được lôi ra mà trí não không hề hay biết. Tác giả sẽ rất ngạc nhiên lúc người ta đưa đến một bài thơ của người khác giống đến khó tả. Y như cùng một khuôn. Phản đối. Đây là bài thơ tôi làm trăm phần trăm. (Dĩ nhiên). Tôi chưa hề đọc bài thơ này. Chính bài thơ này mới đạo của tôi. Thế là sôi dư luận. Người ta tị hiềm, công kích, cay nghiệt lên án. Người ta nhằm lẫn giữa chống cái xấu cái ác với khuếch trương bản ngã, tự cho mình cái quyền phán xử trong lúc không thể nhìn rõ chân tướng sự việc. Luận về nghiệp, lại càng không. Dẫu người ta lời chứng cứ rành rành. Oan! Mà không oan. Đến đây, nhà thơ sau bao thời gian không tin nổi chuyện đã xảy ra, mới lắng tâm suy xét. Trí não bỗng kích hoạt, hình như, hình như có lần nào đó mình có lướt qua bài thơ này đâu đó. Vấn đề lại ở trí não. Mà không phải trí não. Chính là a-lại-da khởi "tác dụng". Quy cho cùng, đó cũng là *Nghiệp*. Dẫu vậy, trong họa có phúc. Giả như ta dư nghiệp, ắt gặp hoạn nạn. Nạn đến (thông qua sự mất mát về tiền tài, danh vọng, bệnh tật v.v.), tức ta đang đẩy ra khỏi mình một ít nghiệp. Ta tạo ác, công nghiệp, mà nạn không hay chưa mò tới; một là vẫn còn phước đỡ giùm (phước đỡ từng nào đương nhiên lại phát sinh thêm nghiệp), hai là, mạng chung!, nhẹ hơn cũng sống không bằng chết. Đây cũng là một vòng quay mới của nghiệp. Nhờ sự chết còn hơn sống, nhờ sự chết bất đắc kỳ tử này, [hồn, thức] ấy qua bên kia sẽ nhẹ gánh, dễ được lôi vào một thân tướng khá ổn như thân người hoặc trời (không đọa xuống súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục); còn người ấy với số phận như thế nào lại là một chu trình nghiệp khác nữa tùy vào duyên khởi và chính sự tin hiểu mức nào về chân lý vũ trụ.

Thức a-lại-da đã được khoa học hiện đại chứng minh. Nó, như một *file* lưu giữ mọi thông tin kiếp người. Càng minh chứng điều hể trong không gian này có một tỉ thông tin, thì nó đều tiếp nhận và lưu kỹ, song những thông tin được tai mắt kiểm soát mới dễ bị kích động kích hoạt. Hãy so sánh với ông Google. Lúc ta để trong ngoặc kép một dòng tên nhân vật nổi tiếng hay một địa danh, một sự kiện..., chưa tới một giây có khi ông Google cung cấp hàng triệu thông tin liên quan. Trên Youtube cũng vậy. Chẳng hạn *search* về bốn chữ "A-di-đà Phật", liền hiện ra hàng loạt *clip*. Tắt máy, mai ta mở lại Youtube, trên màn hình đã tự hút thêm về những tin tức mới nóng về "A-di-đà Phật". Đáng nể. Một cỗ máy do con người sáng chế đã làm được nhiệm vụ thu thông tin một cách tự nhiên như vậy, hướng hồ chính bản thân con người. A-lại-da thức của ta chứa hầu như mọi thông tin thế gian và vũ trụ (nếu tính cả những tiền kiếp). Tại kiếp này, ví như tác giả nọ muốn viết về đề tài X., lập tức trí não sẽ tự lôi mọi thông tin đã lưu trữ,

quan trọng nhất vẫn là lượng thông tin "vô hình" được lưu sâu trong tàng thức, nó sẽ tuôn ra như suối khiến ta ngạc nhiên đến sững sốt. Ở góc độ Phật pháp mà nhìn, chỉ cần con người khởi ý về Z., mọi thông tin liên quan đến Z sẽ được quy tụ; là người có tâm lực mạnh, nhất là người với công phu hành pháp cao, những thông tin "mật" độc đáo dưới dạng từ trường, sóng, năng lượng [vô hình] sẽ được hút về, tác động lên não bộ. Những vị sư thâm hậu có thể giảng một bộ kinh chú giải kinh lên tới hơn một ngàn giờ mà không hề chuẩn bị. Cứ đến là giảng, xong một lần vài tiếng thì gấp lại làm việc khác (đã xếp kín thời gian trong ngày), mai giờ ra giảng tiếp tục tại. Điều này thật sự vi diệu. Cũng thật sự nguy hại đối với người không hành chánh đạo, mà trước hết không sống đời phạm hạnh; bởi vọng tâm vốn dĩ *sở bất thiện* luôn lẫn át *sở thiện*, ý nghĩ xấu thường nhiều gấp bội tốt. Một người trú trong ngôi biệt thự, hầu như không [cần] có nhu cầu ra ngoài, ngập chìm trong chiếc điện thoại nối mạng, suốt ngày xâm nhập thế giới đối trụy, nghiện bạo lực và sex đến mờ mắt vẫn còn mê. Đó là người tạo tội nặng khôn kể đối với thế giới và vũ trụ; với nghiệp ấy chỉ cần một thời gian ngắn, tuổi thọ do tổn phước bị rút xuống thảm hại, điều này thực không quá. Nghĩ xấu, vô vàn ý niệm xấu tương đồng từ khắp mọi phương sẽ cùng chiêu tụ về trong khoảnh khắc, tạo thành một trường lực tăm tối bao quanh. Chưa nói đến thiện vốn rất siêu tuyệt, ngay những người tu khí công cao họ đã nhìn thấy vầng ánh sáng tựa hào quang nơi mỗi người, nếu chỗ nào lõm khuyết tức chỗ đó bệnh. Trong nhà Phật, bậc chứng Sơ thiền sẽ nhìn thấy sắc màu ở từng người, dao động theo tâm ý khởi sự. Những kẻ sát nhân đôi khi đơn giản khởi niệm xấu, bỗng chiêu niệm la-sát hội tụ, thế là sát khí tăng gấp bội, gấp tỉ lần. Ta đứng xa thấy người này đánh người kia, phân định phải trái rõ ràng, song dẫu sao đó cũng là cái nhìn thấy một phần tỉ nguyên nhân; đằng sau người khởi sự đánh ấy là con tàu nghiệp lực hàng vạn toa chở vô số oan gia trái chủ lao tới hòa với người kia tạo nghiệp. Điều này những bậc tu đắc quả thánh ắt thấy. Họ còn thấy hàng trăm kiếp mình từng trải; a-lại-da đối với họ lúc ấy như hồ sơ lưu giữ thông tin sống động suốt quá trình họ nổi trôi luân hồi.

Mọi thông tin trên trái đất này đều có trong tàng thức mỗi người, mấu chốt là ta chưa thể biết có mà thôi, nhưng muốn cũng có thể cảm nhận. Ai một lần du lịch nước ngoài hay đến vùng đất lạ trong nước, họ đứng ngẩn ra, ô sao nơi này quen, thân thiết quá, đến muốn ở lại luôn; đơn giản bởi những kiếp nào đó ta từng sống nơi đây. Nguyên lý để ta yêu hay ghét một sự vật hiện tượng, trước hết là: căn (nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) tiếp xúc với trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), ví như mắt (nhân căn) tiếp xúc với sắc; mũi (tỷ căn) tiếp xúc với thanh; thiệt (lưỡi) tiếp xúc vị v.v., tâm sẽ khởi lên sự thích hay không. Sắc hương vị ấy ví như

thông tin, thông tin phải qua người lính gác cổng ý thức; ý thức chuyển thông tin vào *mạt-na* (tức người có quyền dưới một người trên vạn người); vị này mới đưa thông tin ấy dâng lên ông-vua-tàng-thức; nếu thông tin từng được lưu lại như một kỷ niệm đẹp trong quá khứ, nó sẽ thích. Thích, a-lại-da liền gặt đầu với mạt-na, mạt-na báo ra với tên-lính-ý-thức, ý thức bây giờ mới tác động lên trí não để sai khiến chân tay miệng làm nô lệ. Vòng quay từ lúc căn tiếp xúc với trần rồi đến vua, vua gặt đầu chuyển ra ngoài sự yêu hay ghét chỉ trong sát-na, có thể là một phần tỉ giây. Hoàn toàn trí não không kiểm soát. Lại tỉ dụ. Sau một tuần công tác về, ta tới quán gọi ly cà-phê. Nhấp một ngụm, nhăn mặt. Không ngon. Không ngon không hẳn ly cà phê lúc đó không ngon, mà nó không ngon đúng như ký ức ta lưu về một ly cà phê trước đây. Ăn một món cũng vậy. Nó dở trước hết bởi không giống như ta từng ăn món này được nấu rất ngon. Ký ức [tham] lưu toàn vẹn sự ngon đó một cách sâu sắc. Nghe bản nhạc cũng tương tự. Cô này hát dở. Dở là chính ta đang so sánh với ca sĩ khác hát trong quá khứ, trong tiền kiếp với dòng nhạc tương tự; rồi nếu bài này được gắn với một kỷ niệm tình thì ký ức đạt đỉnh. Nhạc sen có cần không? Khẳng định có. Một nhạc sĩ thiên tài nhiều lúc vẫn lắng nghe một bài nhạc sen. Họ lục lại ký ức, hồi đó từng ngồi với nàng nơi đó nghe bài này rồi chia tay... nàng đã khóc. Bài nhạc sen trở thành món đặc sản tinh thần đối với một nhạc sĩ có tâm. Nói xa hơn, hiện tượng *đồng tính* nếu khế lý kinh cũng không khó hiểu. Anh [là đàn ông] bây giờ, kiếp trước mang thân nữ. Kiếp này dầu đàn ông song ký ức lưu giữ về một cá tính nữ quá mạnh, quá sâu, quá lâu, quá trội vượt, nên kiếp này [đầu thai] mang thân nam, những cá tính lưu trong a-lại-da là nữ ấy cứ dâng tràn. Anh [với tính nữ] chỉ muốn yêu một người nam. Nỗi đau này đến trời cũng không cảm thông nổi. Lại gọi đích danh là *nghiệp*.

Làm sao chế ngự nghiệp lực. Duy chỉ con đường: Tu. Mục tiêu là khiến tâm trụ lại một điểm. (*Rồi mới tiến đến mức tối thượng thừa và Vô Trụ*). Có thể đó là ngôi quán hơi thở vô ra, đó là nhiếp tâm tụng kinh, trì chú, niệm Phật. Trì chú tụng kinh hay niệm Phật đều phải tâm khởi (dầu là khởi thầm) tai luôn nghe rõ, gọi là *tánh* nghe; giống như ta tưởng đến một tiếng chuông và nghe trọn vẹn nó vậy. Như vậy mới hầu mong bạt được vọng niệm, quy thuận vọng niệm, *cảm hóa* vọng niệm, dần dần định, dần tiến đến có niệm mà không niệm. Vọng niệm cũng như một cơn cảm cúm, đến rồi nó sẽ tự trôi, không nhất thiết phải dùng thuốc. Mỗi khi cơn giận khởi, chỉ nên “cười trừ”. Trong những thứ “đồ giả” bắt chợt ủa tới, cũng có thể xem là Phật, Bồ-tát đang thử tâm mình. Mỗi quan hệ giữa ta với bà hàng xóm từ lâu vẫn rất hiền hòa, tự dưng một ngày bà vu ta thế này thế kia; ngay lập tức không dễ an nhiên, song mấy giây sau nên quán, Bồ-tát xúi bà thử tâm mình có



định lực không đó; chẳng những thế, chính bả là Bồ-tát hiện tượng. Rồi hướng ngay vào nội giới, tâm lần theo từng chữ A-di-đà Phật. Như vậy, từ vô vàn con người ta gặp (kể cả qua hình ảnh [tĩnh và động], qua giấc mơ), những ảnh đó đều từ vọng tâm phóng chiếu; ta đã nâng lên được tầm giải ngộ cao hơn trong hành trình quán chiếu, rằng họ chính là Bồ-tát hiện tượng để thành tựu cho *chỉ một mình ta thôi*, không ai khác. Vẫn tức, vẫn muốn đòi co phản bác, muốn đánh họ cho hả? Sao được. Sao có thể chửi Bồ-tát, sao có thể đánh Bồ-tát chứ! Chú tâm vào câu A-di-đà Phật đi thôi. Niệm Phật đi thôi! Mỗi chữ hồng danh đều mạnh mẽ như tiếng chuông vỡ trong khuya, loang dẫn trong huyết quản; phiền não sẽ tan như sương dưới nắng mai chan hòa. Từ lý này đến sự có thể là quăng đường ngút mắt, nhưng hẳn là thước đo của sự thăng tiến công phu; cho thấy tâm ta đang ngày một “hao hao” tâm Phật.

Ở cấp độ khác, tu là sửa mọi hành vi cho đúng với quy luật vận hành của vũ trụ. Nếu sống theo đúng giới luật Phật chế, chính là sống trong pháp luật của vũ trụ, không vi phạm pháp luật vũ trụ. Là sản phẩm của một gia đình - bạn đang tự hạn chế mình. Ta là sản phẩm của một nước - bạn đang tự hạn chế mình. Là sản phẩm của toàn cầu - bạn cũng đang tự hạn chế mình. Đúng ra, con người là sản phẩm của vũ trụ. Cả vũ trụ ở trong tâm, nhưng ta không biết. *Nhập lưu* rồi toàn vũ trụ nằm trong chân tâm bốn tánh. Một niệm có thể trùm khắp không gian vượt khỏi dải Ngân hà và đi hoài vô tận. Chúng ta tin hay không thì điều này vẫn tồn tại. Chúng ta tin chết không phải hết hay không? Tin chết rồi thức [a-lại-da] có thực đầu thai vào một trong các nẻo lục đạo hay không? Tin địa ngục hay không? Tin hay không tin nó vẫn tồn tại. Dầu bạn theo bất cứ tôn giáo nào cũng không nằm ngoài quy luật vũ trụ. Quy luật vũ trụ luôn thông dự vào cuộc đời ta trong từng ý niệm. Đức Phật *đơn giản* là người phát hiện quy luật này nhờ vượt qua cả *bát định* tiếp nhập lực thiền thậm thâm trong mệnh mang Niết-bàn. ■

Một định nghĩa ngắn gọn về Ý niệm

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã khảo sát những giả thuyết có thể chấp nhận được về ý niệm trong gần bốn chục năm qua, và một định nghĩa mang tính khái niệm về thuật ngữ này cũng đã thường xuyên được duyệt lại, được làm sáng tỏ hơn trong suốt thời gian ấy. Điều mà ngày nay chúng ta gọi là “niệm” trong những lãnh vực khoa học có liên hệ đến tư duy, và những kỹ thuật tương ứng của việc rèn luyện kỹ năng ấy, có nguồn gốc từ những phương pháp thực hành tâm lý nội quan, đặc biệt là nền tâm lý học Phật giáo, vốn đã nói đến khái niệm này từ trên 2.500 năm qua. Niệm hay niệm tâm (*mindfulness*) là một thuật ngữ dẫn xuất từ ngôn ngữ Pali; ở đó, niệm (*sati*) được phối hợp với sự liễu hội (*sampajana*, được hiểu là sự hiểu biết trọn vẹn, *clear comprehension*), và thuật ngữ này đã được các học giả phương Tây chuyển dịch để chuyển tải ý nghĩa về sự hiểu biết, sự thận trọng, sự ghi nhớ, sự biện biệt. Những cách diễn đạt mang tính ngữ học này đã được các học giả cân nhắc để gợi ý rằng niệm có nghĩa là nhớ nghĩ việc phải chú tâm đến điều đang xảy ra trong kinh nghiệm tức thời của một người, với sự cẩn thận và có sự biện biệt. Khi khái niệm về “niệm” dần dần được du nhập vào lãnh vực khoa học tâm lý của Tây phương, nhiều người nghĩ rằng niệm cùng với phương pháp thiền định liên quan đến nó - thiền định là một phương pháp được áp dụng để phát triển niệm tâm - mang tính cách

bí truyền, gắn liền với những niềm tin tôn giáo, và là một khả năng chỉ có một số rất ít người có thể đạt tới được. Tuy nhiên, sau nhiều thập niên nghiên cứu có phương pháp và sau những phát hiện có tính cách khoa học, huyền thoại về sự bí truyền đã bị xóa bỏ. Ngày nay, giới khoa học đã nhìn nhận một cách rộng rãi rằng niệm là một phẩm chất vốn có của ý thức con người. Nghĩa là, đó là một khả năng chú ý và nhận biết hướng tới khoảnh khắc hiện tại, thay đổi theo mức độ bên trong từng cá nhân và giữa các cá nhân, và có thể định giá về mặt thực nghiệm, độc lập với những niềm tin văn hóa, tâm linh hay tôn giáo.

Một trong những định nghĩa về niệm được biết đến nhiều nhất ở phương Tây là định nghĩa do Tiến sĩ Jon Kabat-Zinn đề nghị. Ông cho rằng niệm là “sự chú ý theo một cung cách đặc biệt, có chủ ý, vào khoảnh khắc hiện tại, và không mang tính phê phán”. Cách sử dụng thuật ngữ niệm của ông đã được coi là một cột mốc trong việc định nghĩa về niệm mang tính cách khái niệm, thế nhưng những định nghĩa có tính cách khái niệm tương tự cũng tiếp tục được đưa ra theo sau quan điểm của Kabat-Zinn.

Những định nghĩa ấy có thể được kể ra như sau:

a. một sự chú ý phóng khoáng có thể tiếp thu nhằm hướng tới, và một sự nhận biết về, những gì đang xảy ra trong khoảnh khắc hiện tại.

b. một sự nhận biết thông qua việc chú tâm theo một phương cách phóng khoáng, sẵn sàng tiếp thu, và có



DAVID S. BLACK
NHƯ TÂM dịch

phân biệt về bất kỳ điều gì đang xuất hiện trong khoảnh khắc hiện tại.

c. một sự chú ý có khả năng tiếp thu toàn thể một lãnh vực nhận thức và duy trì trong một trạng thái cởi mở khiến cho sự chú ý có thể hướng tới những cảm giác, tư tưởng, tình cảm và ký ức hiện hành; và

d. sự tỉnh thức trước một cuộc sống vốn vẫn trôi đi theo một sự hướng dẫn vô thức và dựa trên việc phản ứng theo thói quen.

Một chủ đề chung được chia sẻ giữa những định nghĩa mang tính khái niệm nêu trên là một khả năng tiếp thu tổng quát và một sự dẫn thân trọn vẹn vào khoảnh khắc hiện tại. Để hiểu rõ hơn định nghĩa về niệm, người ta có thể xem xét nó ở khía cạnh tương phản với những kinh nghiệm của tâm thức xuất hiện trong lúc sự chú ý và khả năng nhận biết bị phân tán bởi sự bận tâm trước những ký ức quá khứ, những ước vọng tương lai, hay những mối lo toan; là những điều dẫn tới sự giới hạn khả năng nhận biết và sự chú tâm trước những kinh nghiệm trong khoảnh khắc hiện tại.

Mặc dù những định nghĩa nêu trên đã tỏ ra có một sự hữu dụng lớn lao để xây dựng nhận thức của công chúng về giá trị của niệm và làm gia tăng sự ứng dụng của nó trong lãnh vực chăm sóc sức khỏe, mối quan tâm đúng mức của giới khoa học về niệm cũng chỉ đạt được gần

đây khi khái niệm này được thể hiện thành một điều có thể định lượng; hay nói khác đi, thuật ngữ này được định nghĩa lại theo tính cách vận động. Những tiến bộ quan trọng đã được thực hiện chỉ trong vòng thập niên vừa qua để mang lại một định nghĩa có giá trị mang tính cách vận động về niệm.

Quả thật, các học giả trong suốt thập niên vừa qua đã tận tụy tìm kiếm một định nghĩa mang tính vận động dựa trên nghiên cứu thực nghiệm về niệm. Chẳng hạn, vào năm 2003, một loạt những nghiên cứu phát triển có tính cách định lượng về tâm lý đã cung cấp những sự đo lường khả tín và có giá trị về niệm dựa trên tính khí, được gọi là Thang Nhận biết do Chú ý Sâu sắc (Mindful Attention Awareness Scale), Những phép định lượng khác cũng có giá trị kể từ cuộc nghiên cứu mang tính cách cột mốc này. Những phép định lượng đó bao gồm Bảng kê những Kỹ năng về Niệm của Đại học Kentucky (Kentucky Inventory Mindfulness Skills), Thang Niệm của Đại học Toronto (Toronto Mindfulness Scale), Thang Niệm về Xúc cảm và Nhận thức (Cognitive and Affective Mindfulness Scale), Vấn Đề lục về Năm Khía cạnh của Niệm (Five Facet Mindfulness Questionnaire), Bảng kê về Niệm của Đại học Freiburg (Freiburg Mindfulness Inventory), hay Thang Niệm của Đại học Philadelphia (Philadelphia Mindfulness Scale). Mỗi kỹ thuật định lượng nêu trên đều đóng góp một khả năng lớn lao hơn cho việc nghiên cứu về Niệm trên một mức độ khoa học. Những kỹ thuật định lượng ấy cũng cho phép các nhà nghiên cứu định lượng một cách hợp lý về niệm theo một chuỗi những phương cách khác nhau - như một đặc điểm mang tích cách thiên hướng (một đặc điểm tương đối tồn tại lâu dài), như một kết quả (một trạng thái nhận biết có được nhờ sự thực hành niệm) và như một sự thực hành (tự thân hoạt động thiên về niệm). Những phép định lượng này đã khiến cho việc nghiên cứu về sự kết hợp và những ảnh hưởng của niệm trên những biến số thuộc xã hội, hành vi, sinh học, hay tâm lý là việc có thể thực hiện được; cho đến nay, những phát hiện tỏ ra có nhiều hứa hẹn. Tóm lại, nhờ vào những cố gắng nổi bật để định nghĩa niệm cả về mặt khái niệm lẫn về mặt vận động, ngày nay, những giả thuyết có thể được thừa nhận về niệm đã cung cấp một lãnh vực đầy hứa hẹn cho việc nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, ta cần nhớ rằng ngành khoa học về niệm vẫn còn non trẻ và vẫn còn rất nhiều những điều chưa được hiểu rõ về khái niệm này. ■

Nguồn:

A Brief Definition of Mindfulness, David S. Black, đăng tải trên Mindfulness Research Guide, địa chỉ: citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1...

David S. Black là Giáo sư Diễn giảng tại trường Y khoa Keck thuộc Viện Đại học Nam California, chuyên về Y khoa Phòng ngừa.

Luật để làm gì

LÊ HẢI ĐĂNG

Luật *Sở hữu trí tuệ* hiện hành được Quốc hội thông qua vào ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2006. Qua mười năm *đi vào cuộc sống*, những nội dung liên quan đến luật *Sở hữu trí tuệ* dường như vẫn nằm uể oải trên giấy, chưa chịu phát huy tác dụng nhằm lay chuyển thói quen và nâng cao ý thức pháp luật của người dân. Tình hình vi phạm bản quyền, tác quyền vẫn diễn ra hết sức sôi nổi, phổ biến.

Theo “Chương II, nội dung, giới hạn quyền, thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan”, Mục 1: “Nội dung, giới hạn quyền, thời hạn bảo hộ quyền tác giả”, Điều 18: “Quyền tác giả” quy định: Quyền tác giả bao gồm quyền thân nhân và quyền tài sản. Về quyền thân nhân, Điều 19 viết: Quyền thân nhân bao gồm các quyền: “1. Đặt tên cho tác phẩm, 2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm... 3. Công bố tác phẩm... 4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm...”.

Còn Quyền tài sản, Điều 20 viết: “Quyền tài sản bao gồm các quyền: a. Làm tác phẩm phái sinh; b. Biểu diễn tác phẩm trước công chúng; c. Sao chép tác phẩm; d. Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao...”. Ngoài ra, cũng trong điều luật này, khoản 3 còn quy định: “Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 điều này và khoản 3 Điều 19 của luật này phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả”.

Như vậy, tính riêng hai khoản về quyền “Đứng tên thật hoặc bút danh” và “quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả” đã thấy tình trạng vi phạm bản quyền hết sức phổ biến. Đơn cử về quyền “Đứng tên” tác giả chẳng hạn, hàng loạt website, như Nhaccuatui.com, Nhacso.net, Imusik, Zing mp3, Rap.vn, Nghe nhạc vang, Tình khúc bất hủ... chẳng hề có thông tin về tác giả. Việc tìm kiếm tên tác giả một tác phẩm bất kỳ trên website nghe nhạc online có khi phải thực hiện rất nhiều động tác mới may ra tìm thấy tên. Đó là suy xét dưới góc độ quyền “Đứng tên”, còn lợi từ “Tổ chức, cá nhân khi

khai thác” được trả bằng hình thức tiền nhuận bút, thù lao thì chặng đường này còn gian nan hơn và thường bắt đầu sau mỗi vụ kiện kết thúc! Ngay cả nhiều chương trình truyền hình cũng không ngần ngại “đạo phim”, phớt lờ nghĩa vụ trả nhuận bút, thù lao, như chương trình Chào buổi sáng, kênh Youtube của VTV... mà tạp chí *Nhịp cầu đầu tư* số 472 (bài viết: *Cuộc chiến với những kẻ vô tình hay cố ý* của tác giả Trường Bùi) đã đăng tải. Theo Điều 8, “Chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ”, “Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với lợi ích công cộng”, giới hạn trong phạm vi Điều 19, cả hai quyền và lợi của tác giả đều đã bị xâm hại.

Trong suốt nhiều năm qua, thỉnh thoảng nổi lên vài vụ kiện đình đám có liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực âm nhạc, như vụ của nhạc sĩ Trần Tiến, Lê Vinh, từ thế kỷ trước, vụ của nhạc sĩ Phú Quang, Vũ Quốc Việt, Trần Lập... Các vụ kiện ấy sở dĩ gây đình đám là vì tính chất hiếm hoi của chúng, chứ không hề có tác động mạnh mẽ đến phạm vi xã hội, cũng như khả năng lay chuyển thói quen và giảm thiểu nguy cơ tái phát. Sau mỗi vụ kiện, tình trạng vi phạm bản quyền, tác quyền “*Nguyễn Y Vân*”, thậm chí còn phổ biến hơn. Mới đây, một vụ kiện về xâm phạm sở hữu trí tuệ công nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk liên quan tới nhà sáng chế Hoàng Thịnh không khỏi khiến người ta ngán ngẩm. Tác giả (Hoàng Thịnh) đã theo đuổi vụ kiện suốt tám mới có được kết quả. Mặc dù chứng cứ rành rành, nhưng con đường đi tìm công lý mất tám

năm. Chúng ta thấy được điều gì đang xảy ra trên đất nước mình? Đó là luật pháp bị lu mờ và luật rừng phát triển. Luật rừng đẩy cuộc sống vào tình trạng phải đối diện trước nguy cơ “chọn lọc tự nhiên”, “cá lớn nuốt cá bé”, chân lý thuộc về kẻ mạnh... Tình trạng luật rừng phát triển, luật pháp đi vắng biến xã hội thành mảnh đất màu mỡ cho tội phạm, bạo lực... Bạo lực với những khía cạnh đa dạng thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau mà theo giáo sư Nguyễn

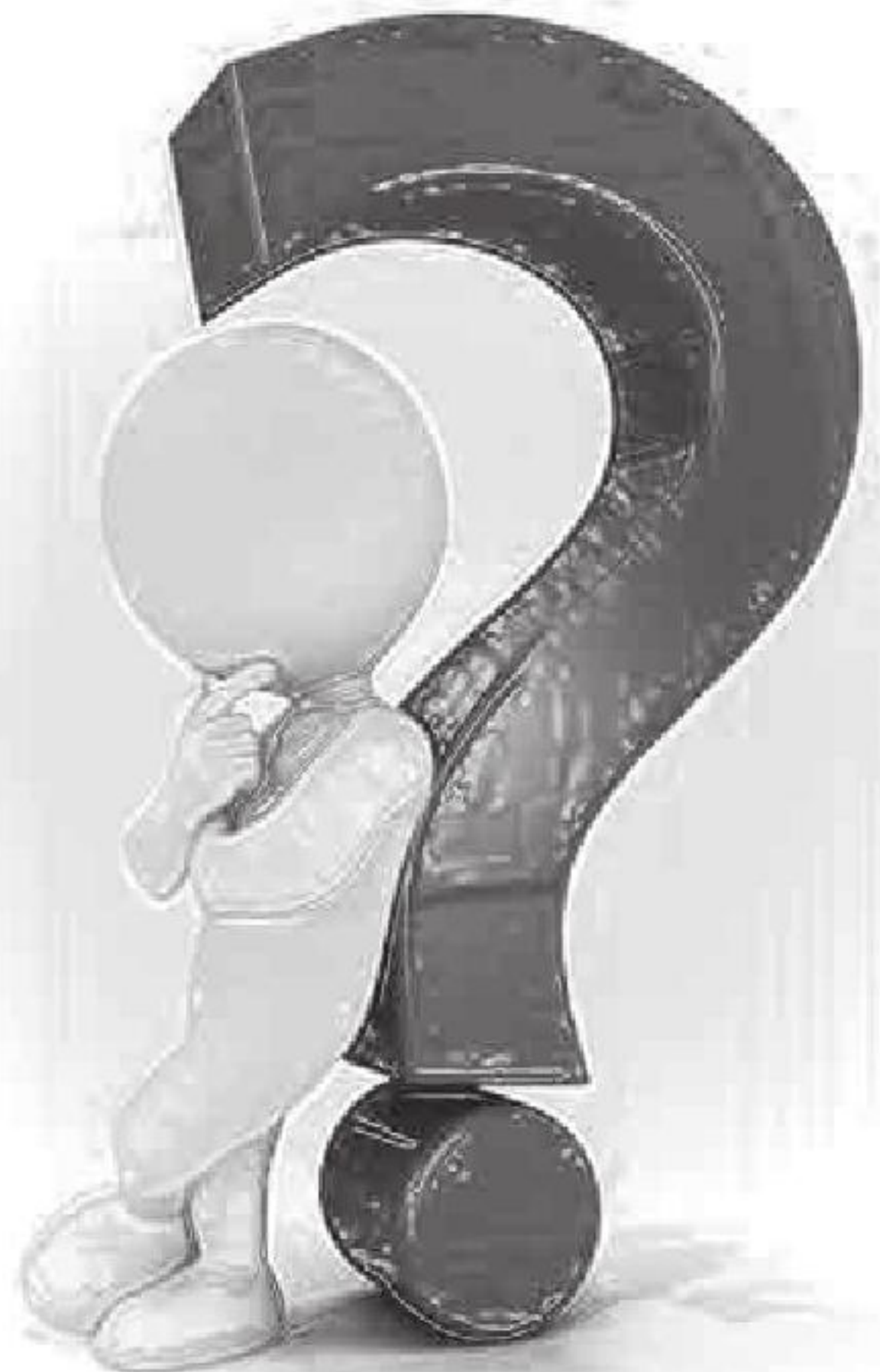


Tường Bách: “Chửi rửa là bạo lực trên ngôn ngữ. Tham nhùng là bạo lực trên mặt kinh tế... Đất nước chúng ta đi từ bạo lực của chiến tranh tiến thẳng đến một nền kinh tế sơ khai” (*Đường rộng thẳng thang*, Nguyễn Tường Bách, Nxb Hồng Đức). Bởi vậy, tình trạng chup giật, cướp đoạt, chiếm đoạt công khai mà ít bị trừng phạt, trừng trị nghiêm khắc. Thói quen ăn bám, gặm nhấm vào “miếng bánh có sẵn”, tinh thần ăn thật, làm giả phổ biến. Thực trạng này trói buộc con người vào hành vi nô lệ, dừng lại ở giai đoạn bắt chước, biến môi trường văn hóa, xã hội trở thành vùng bất trắc, thiếu an toàn, không tạo điều kiện cho những biểu hiện tích cực được đảm bảo, phát triển. Ý tưởng trộm cắp cứ lớn vờn, len lỏi vào suy nghĩ, thể hiện ra bằng hành động âm thầm đầu độc suy nghĩ con người và làm ô nhiễm môi trường văn hóa. Hễ thấy cảnh hờ hênh, người ta có thể ăn trộm, ăn cắp, từ đồ vật thông thường đến sản phẩm văn hóa, công trình khoa học, tác phẩm nghệ thuật. Sợ nhất là đất nước độc lập, nhưng người dân không có khả năng tự chủ, không thể trưởng thành khi phải đi kèm hệ thống giám sát. Xu hướng trên làm mai một tinh thần sáng tạo, kích thích nhu cầu sao chép, bắt chước, con đường tắt nhanh nhất để thụ hưởng thành quả không do mình làm ra... Đối với sự phát triển của một đất nước, không thể cứ mãi đi “ăn giở”, “ăn xin”, ăn trộm từ ý tưởng đến sản phẩm, biến vùng lãnh thổ thành công xưởng gia công hàng dỏm, hàng nhái. Chưa tính đến khả năng đột phá trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, chấp pháp, mà chỉ dừng lại ở những gì Nhà nước đã ban hành thì tình trạng trên thể hiện rõ sự yếu kém, thiếu trách nhiệm của cơ quan quản lý. Nhiều quan chức, nhà nghiên cứu... đã đề xuất chuyển đổi chức năng quản lý nhà nước theo hướng kiến tạo, phát triển. Để làm được việc đó, trước hết cần bắt đầu bằng cách củng cố môi trường pháp lý. Sở dĩ kẻ phạm pháp coi thường luật, vì luật pháp chẳng đáng sợ, trong nhiều trường hợp chúng còn bị vô hiệu hóa. Để tránh những cái giá đắt phải trả cho những hành vi coi thường pháp luật, cần nhanh chóng đưa cuộc sống vào luật. Luật pháp phải hiện diện trong đời sống, chứ không thể ngủ yên trên văn bản dùng để đối ngoại hay trang sức cho “thương hiệu” đất nước pháp quyền.

Trên đường hướng phát triển văn hóa chung, dường như nhiều người quên mất mục tiêu phấn đấu của cả nền văn hóa, bao gồm phẩm chất “tiên tiến” và tính chất “đậm đà bản sắc.” Nếu nền văn hóa đậm đà bản sắc, nhưng chưa tiên tiến thì cũng không được. Không thể nói bản sắc văn hóa Việt Nam thuộc hình thái chiếm đoạt hay cưỡng bức, cũng không thể coi kiểu dáng công nghiệp, nhãn mác thương mại, giống cây trồng, công trình khoa học, tác phẩm văn chương, nghệ thuật thuộc “sở hữu toàn dân”... Cùng với quá trình hội nhập, phải sớm đưa đất nước thoát khỏi cảnh

này mới mong tránh được những vụ kiện liên quan đến Luật Sở hữu trí tuệ. Hiệp định TTP cũng dành một chương (chương QQ) để cập đến Sở hữu trí tuệ/Quyền sở hữu trí tuệ. Như vậy, bên cạnh luật của quốc gia sở tại, chúng ta còn phải tuân thủ công ước, hiệp định quốc tế với những nguyên tắc đã ký kết.

Các nước láng giềng của Việt Nam, như Singapore, Thái Lan, Philippines... đều là những quốc gia tuân thủ nghiêm luật liên quan tới sở hữu trí tuệ. Ở Singapore, tất cả trang mạng sử dụng sản phẩm vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đều bị phạt rất nặng và sau đó không còn đất sống ngay cả trên không gian ảo. Việc làm ấy góp phần đảm bảo quyền của người sáng tạo, đồng thời xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh, tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo... Trong thời kỳ hội nhập, những công ty uy tín không thể đầu tư vào một đất nước tiềm ẩn nhiều rủi ro, coi thường luật pháp. Nếu muốn nắm cơ hội trong thách thức, không thể không bắt đầu từ việc hiện thực hóa luật pháp như bộ công cụ hữu hiệu để luật thực sự hiện hữu trong đời sống, có tác dụng điều chỉnh hành vi con người, đảm bảo quyền lợi của người sáng tạo, đồng thời tạo điều kiện cho những biểu hiện tích cực phát sinh, phát triển. ■



Lang thang trong chữ

Cấu tạo thành ngữ mới



HỒ ANH THÁI

Thành ngữ tục ngữ dân gian thường dùng cách nói vần vè. Sử dụng hợp cảnh thì gây được ấn tượng. Cách nói vần vè, cũng như ghép vần thành thơ, là một trò chơi với chữ cổ điển bậc nhất của nhân loại, từ khi chưa có chữ viết. Đây là trò chơi nguyên thủy, khi người ta cần ghi nhớ cần thuộc lòng. Thế là ra đời lối ăn nói dân gian:

Đá thúng đựng nia

Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại.

Lắng nghe dân gian, học theo dân gian, người viết vẫn có thể tự tạo ra những câu thành ngữ tục ngữ của riêng mình. Tác giả đã nhiều lần tạo ra những câu theo kiểu:

Bê bỏ đồ chậu: thành ngữ vẽ ra cảnh một người chăm người ốm, không còn việc gì phải hầu hạ bần thủ mà không đến tay.

Áo toạc rách, quần rách mông: hình ảnh những kẻ ngang tàng, theo một bụi, hoặc là kẻ rách rưới thiếu thốn.

Nhưng thành ngữ tục ngữ cũng có loại không chịu được sự xói mòn của thời gian. Nó cũng có lúc hết đất. Ở phương Tây, có người đã lo rằng rồi sẽ có lúc trẻ con thành thị không biết một con gà thực sự như thế nào nữa. Trẻ con chỉ thấy con gà khi nó đã bị chặt ra, bán trong cửa hàng thịt, chỉ còn những miếng sườn, chỉ còn những cái đùi, đầu chân cánh đều bị vứt bỏ. Ở ta càng ngày càng nhiều thanh thiếu niên từ bé chỉ sống ở thành phố, không biết nhiều về làng quê. Có bạn có thể chưa nghĩ ra ngay quả sung là quả gì, và không hình dung ra cảnh nó rụng liên tục, rụng lộp bộp như hiệu ứng dây chuyền. Cũng không biết cây chuối thân thẳng, bị phạt ngang nó sẽ đổ cả cây đánh uỳnh một cái. Không biết thì tất nhiên dù nhà văn có dùng thành ngữ sau cũng không tác động được đến họ:

Cả đoàn người ngã như sung rụng.

Ông trượt chân, ngã như cây chuối đổ.

Rồi sẽ đến lúc người ta cũng không hiểu được câu *mòn như bia đá* (trăm năm bia đá thì mòn). Những câu ví von kiểu *mòn như đế dép*, chắc dễ hiểu hơn, hy vọng là thời thế thay đổi thế nào đi nữa thì người ta vẫn phải dùng giày dép, vẫn nhìn thấy đế giày đế dép bị mòn. Cần cập nhật hơn, có thể tạo ra một thành ngữ khác: *như thế bị quẹt mòn mã vạch*. Nhưng cũng có nguy cơ

đến lúc nào đó, người ta không dùng mã vạch nữa, câu ví von lại trở nên khó hình dung.

Cái thời dân tình còn dùng băng cát-xét để nghe nhạc, thịnh hành một câu nói: ông ta quên là mình đã nói rồi, cứ *tua đi tua lại* mãi một chuyện. Ý là ông ta lảm cảm, cứ nhắc đi nhắc lại một câu chuyện đã nói nhiều lần. Nhưng thời bây giờ người ta nghe đĩa CD, nghe qua USB, iPod và nhiều thứ khác, khái niệm tua băng đã trở nên không dễ hiểu.

Rồi cái cái tên mà giới trí thức Mỹ gán cho cái máy vô tuyến truyền hình: *Idiot's Box*, cái hộp của thằng ngu. Thời chiếc tivi trông còn như một cái hộp thì ví như thế dễ hình dung. Nhưng tivi bây giờ màn hình phẳng, chẳng còn như cái hộp, thế hệ trẻ khó mà hiểu tại sao tivi lại bị gọi là cái hộp. Chắc phải gọi nó là cái bảng của thằng ngu, cái rèm của thằng ngu... Sẽ đến lúc nó là cái màn hình trong suốt treo lơ lửng giữa phòng thì không biết sẽ phải gọi là cái gì của thằng ngu nữa.

Dân gian Việt Nam nói:

Chia yên rẽ thúy, chia loan rẽ phượng.

Tôi cho rằng người đọc thời nay không phải ai cũng hiểu điển cố, không phải ai cũng biết yên với thúy, loan với phượng. Tôi nối tiếp vào đây một thành ngữ hiện đại:

Chia yên rẽ thúy, chia loan rẽ phượng, chia sim rẽ đế.

Đế là cái điện thoại di động theo cách gọi thời thượng. Cái điện thoại di động mà bị chia cách với cái *sim* thì đúng là sự chia rẽ tàn ác.

Cũng ngại người đọc chưa hình dung được con ong, rồi con cáo nữa, giống như rồi có lúc không biết con gà con vịt nguyên vẹn nó ra làm sao, tôi phải thêm vào câu tục ngữ một vế:

Nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà, nuôi ma trong máy tính.

Câu này chỉ tồn tại trong một văn cảnh của cuốn *SBC là săn bắt chuột* (2011). Trong ấy có chuyện một con chuột máy tính làm gián điệp, lấy hết thông tin trong máy báo ra cho bọn chuột ngoài đời. Nuôi ma trong máy tính là như vậy.

Cũng có khi tôi phỏng theo cách dân gian mà tạo ra tục ngữ mới. Để chỉ kiểu nhan sắc hơi man man thổ dân, hơi Di-gan Tác-ta như cách nói bình dân, tôi viết:

Loại dung nhan như cô, giai Tây không bỏ qua, giai ta không khoái.

Thế là được thêm một tục ngữ. Tây không bỏ qua, ta không khoái. ■



Da á la ãg

KIM CHUNG

C huyến xe Thiên Trang vào mừng một Tết đông nghẹt người. Một người đàn ông gầy gò đang chậm chậm leo lên xe trông dáng vẻ mệt mỏi với chiếc áo sơ-mi và chiếc quần tây đã nhàu nát, bạc màu. Tay xách chiếc túi không mấy sạch sẽ, ông loay hoay không biết đặt nó ở đâu...

"Chú ơi, hình như chú ngồi nhầm ghế của cháu".

"Ghế của tôi số 35 mà", ông vừa nói vừa lấy vé trong túi áo đưa cho tôi xem.

Tôi bật cười vì câu trả lời thật thà, hồn nhiên của ông.

"Ừa, sao số ghế của cháu cũng 35, vậy chắc có sự nhầm lẫn nào đây", tôi trả lời.

Qua sắp xếp của phụ xe, tôi ngồi gần ông, số ghế 36.

Xe bắt đầu lăn bánh, trên xe dần ổn định trật tự, chỉ còn tiếng nói cười của các bạn nam nữ công nhân vẫn tiếp tục râm ran với những nụ cười rất tươi, hồn nhiên tuổi trẻ. Những kế hoạch vui chơi, thăm viếng gia đình, bạn bè được các bạn bàn bạc, thảo luận sôi nổi... Trên xe hầu hết là công nhân về quê ăn Tết trẻ, chỉ có tôi và ông là những người đã qua tuổi thanh niên rất lâu.

Ông ngồi lặng thinh trong suốt chuyến đi, chỉ xuống xe khi có việc cần và chỉ ăn một ổ bánh mì được lấy ra giữa chặng đường đi. Tôi thấy ông không buồn, không vui, không bày tỏ cảm xúc cũng không nói chuyện với ai trên xe, tò mò tôi hỏi:

"Sao hôm nay chú mới về? Chú về đâu?"

"Tôi tính không về nhưng mấy hôm nay ngủ không được... Tôi về Bình Sơn".

"Chú vào thăm con hay có việc gì?"

"Tôi không có gia đình, tôi vào miền Nam phụ người

bạn đóng bàn tử, ở tận Năm Căn, tôi làm thợ mộc".

Qua chuyện trò, tôi biết chú chỉ mới gần 70, là sĩ quan chế độ cũ, không đủ thời gian học tập cải tạo nên không được đi theo diện HO.

Chú đã có vợ con trước năm 1975, là hoa khôi trường cấp ba thời còn ở quê nhưng cô đã lấy chồng khác khi chú còn đang học tập cải tạo, con gái đã lấy chồng Việt kiều Mỹ, lâu nay không thấy tin tức gì... Mẹ chú cũng đã mất gần bảy năm nay, chú vào miền Nam tá túc với vợ chồng người bạn cùng quê, cùng binh chủng với chú khi còn tại ngũ ở Quảng Ngãi.

Ái ngại nhìn người đàn ông gầy gò, tôi hỏi:

"Chú về quê có việc gì? Chú còn người thân nào ở ngoài quê không?"

"Tôi về thăm mộ mẹ và thắp hương cho mẹ ở chùa, mẹ tôi giờ hình ở đó. Tôi còn đứa em trai út ở ngoài".

"Sao chú không lập gia đình lại?"

"Hồi trước tôi cũng quen với vài người nhưng cũng không đi đến đâu", chú buồn buồn trả lời.

Nhìn những ngón tay gân guốc, chai sạn vì lao động của chú tôi thấy lòng lặng đi... Có lẽ ngày xưa chú cũng một thời ngang dọc, nay đã già cỗi, hom hem, chỉ còn đôi mắt đẹp, rất buồn và nụ cười có duyên dù hàm răng đã mất đi vài chiếc...

Dù biết cuộc đời không như ý nguyện nhưng sao tôi thấy lòng cứ mãi xót xa... Chuyến đi này đã để lại trong tôi nhiều nỗi buồn, nhiều suy nghĩ...

Xe dừng lại, chú xách túi xuống xe, chào tôi với nụ cười móm mém, đi về hướng trạm xe buýt. Nhìn theo chú khuất dần với một bên vai nghiêng nghiêng, tự nhiên tôi thấy lòng nhói đau...! ■



T ha ên Coâ Na ô

CAO HUY HÓA

Hồi nhỏ tôi đã biết Côn Đảo, không phải do sách vở, do nhà trường, mà do một bài hát. Vâng, bài hát Côn Đảo đi vào thời thơ ấu của tôi không biết từ khi nào, chỉ biết mừng tượng là tôi chịu ảnh hưởng những giai điệu từ những người anh trong phong trào ca hát, vào khoảng năm 1945, tại nơi sinh quán - thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Sau này tôi mới biết người sáng tác bài Côn Đảo là nhạc sĩ Đỗ Nhuận.

Bài hát diễn tả tâm trạng uất nghẹn căm hờn của những người yêu nước, bị đày ra Côn Đảo, đang ở trên con tàu lênh đênh và sắp cập bến xa lạ giữa muôn trùng biển khơi, không hẹn ngày về quê hương.

"Kìa xa xa nơi Côn Đảo, sóng nước muôn trùng.

Chim trời bạc trắng bay qua, qua từng đàn về phương Đông

Hỡi chim ta nhẩn cùng..."

"Ngồi trên boong ta trông nhấp nhô,

Xa kìa muôn sóng thiên bực đầu.

Lòng ta thêm căm u uất đau,

Trông về xa quê hương nào đâu".

Đó là Côn Đảo trong trí nhớ của tuổi thơ ấu, còn bây giờ, về già, tôi may mắn được đến Côn Đảo, tham quan, đi chơi cho thỏa dịp may có một không hai này.

Tôi đã thăm các di tích của nhà tù, được thấy các phòng giam chật hẹp, tối tăm, nhìn các công cụ tra tấn, đàn áp; tôi đã thăm di tích Cầu Ma Thiên Lãnh, nơi vào năm 1930, thực dân Pháp bắt tù nhân lao động khổ sai vác đá để xây dựng cầu bắc qua núi Chúa, hậu quả là

356 người ngã xuống tại đây. Tôi đã đi thăm Cầu Tàu 914, vốn được xây dựng từ năm 1873, kéo dài hàng chục năm, và là thành quả của lao động khổ sai khiến người ta ước lượng có 914 người chết.

Tôi cũng đã viếng nghĩa trang Hàng Dương và mộ chị Võ Thị Sáu, tưởng niệm anh linh của biết bao anh hùng liệt sĩ hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Trong những địa điểm trên, nhà tù Côn Đảo được nhiều người tham quan nhất. Nhà tù này được chính trang lại từ thời chính quyền miền Nam, với tên là:

TRUNG TÂM CẢI HUẤN

TRẠI PHÚ HẢI

(Phú Hải là tên của Côn Đảo thời đó).

Từ cổng đi vào, chính giữa là cột cờ và nhà thờ Thiên Chúa giáo. Bên trái là Câu lạc bộ. Bảng di tích có ghi tên các nhà cách mạng đã từng bị tù như Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh,... Đặc biệt các chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Ngô Đức Kế cũng đã bị đưa vào đây, và tôi nhớ lại mình đã được học bài thơ "Đập Đá" của cụ Phan Châu Trinh; thời đó tôi tưởng tượng cụ bị khổ sai đập đá tại một mỏ đá trên đảo, không ngờ đến đây mới biết, cụ đập đá tại một khu đất trong trại giam. Tôi xúc động đọc lại những vần thơ khí khái của người, tại nơi người bị khổ sai năm 1908:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn

Lừng lẫy làm cho lở núi non

Xách búa đánh tan năm bảy đồng

Ra tay đập vỡ mấy trăm hòn

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi

Mưa nắng càng bền dạ sắt son

Những kẻ vá trời khi lỡ bước

Gian nan chi kể chuyện con con.

Những người tù nơi đây, có người không chịu nổi hành hạ phải lìa trần, có người nuôi chí lớn làm cách mạng, có người bôn ba rồi trở về đời thường, và rất nhiều người không biết đi đâu về đâu... duy chỉ có cây bàng là bền vững. Trong sân trại giam, có tám cây bàng cổ thụ đã được dựng bằng "CÂY DI SẢN VIỆT NAM". Thời gian tôi đến đây, vào đầu xuân, cây rụng lá, trừ một cây rụng lá chậm và đang ở thời kỳ lá đỏ rất đẹp. Nhưng tất cả đều đẹp ở gốc, mạnh khỏe, sần sùi, lan xa...

Đi thăm các di tích lịch sử và cách mạng là một phần của chuyến đi Côn Đảo của tôi. Phần còn lại là đi và cảm nhận về Côn Đảo ngày nay, một Côn Đảo bình yên, tươi mới, mát lạnh.

Côn Đảo hay trước kia có tên Côn Sơn, Phú Hải, Côn Lôn, hay xa hơn nữa là Poulo Condor, ở phía Đông nam của Tổ quốc, là hòn đảo chính với diện tích 51,52km², với 15 đảo nhỏ bao quanh, có tổng diện tích quần đảo khoảng 76km². Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cách thành phố Vũng Tàu 97 hải lý, cách Sài Gòn 120 hải lý, cách sông Hậu 45 hải lý và nằm ngang với mũi Cà Mau. Khu dân cư nằm trên thung lũng ở phía Đông nam, trông ra biển, ba phía còn lại là núi với rừng nguyên sinh mệnh mông.

Tôi đến Côn Đảo với tâm trạng háo hức của người sẽ được đặt chân đến một hòn đảo xa tít tận phía Nam với cái tên Côn Lôn ám ảnh thời thơ ấu, lại bằng phương tiện máy bay chỉ cần 45 phút từ Sài Gòn để đến nơi. Hưởng thụ du lịch Côn Đảo không chỉ khởi sự từ khi đặt chân lên đảo, mà ngay cả từ trên cao. Khi máy bay sắp hạ cánh, ta thấy rõ Côn Đảo xanh giữa biển xanh, giữa những hòn đảo xanh và không pha lẫn công trình kiến trúc nào. Chỉ có trời, mây, biển và đảo, cho đến khi máy bay tiếp giáp mặt đất, thì cũng chỉ hiển hiện sân bay thoáng rộng trên vùng núi bao la.

Con đường từ sân bay về khu dân cư dài khoảng 12km là con đường nhấp nhô, chạy ven biển, nhiều đoạn núi cao vực sâu có vẻ giống với đường đèo Hải Vân. Theo tôi, đây là con đường đẹp nhất từ sân bay về đô thị, so với các con đường như thế ở các thành phố khác. Một điểm nhấn là khi xe vừa rời sân bay thì khách nhận ra hai bên đường được tô điểm bằng hai hàng đào nở hoa phớt hồng trong nắng xuân.

Từ Sài Gòn ra đây, tầm mắt được giải phóng khỏi cảnh xe cộ nườm nượp, thoát khỏi ô nhiễm vì bụi và khói, thoát khỏi nhà cao tầng che tầm mắt, để cái nhìn vươn xa biển cả, núi non, để hít thở không khí trong lành và da thịt hưởng nắng và gió. Côn Đảo là nơi nghỉ dưỡng lý tưởng, thời tiết mát mẻ, cho dầu buổi trưa, cái nóng gần 30 độ vẫn được hóa giải nhờ gió biển, như đưa ta vào giấc nồng.

Đường sá khá rộng, mới, trải nhựa phẳng lỳ, lẻ rộng, và khá vắng, vì xe hơi và xe gắn máy không nhiều. Có lẽ hệ thống đường sá đã đi trước một bước so với sự phát triển của đô thị, và có nhiều con đường mới mở tiến vào những nơi bụi rậm, cây cối hoang sơ. Con đường đẹp

nhất cũng là dài nhất, rộng nhất, chạy ven biển quanh co. Trong khi ở đất liền, người ta không chuộng cây bàng, thì ở đây, cây bàng được trồng phổ biến (hoặc mọc lên tự nhiên), có cây đã hàng trăm năm, thuộc loại di sản. Trái bàng được dân thu hoạch và sản phẩm nhân trái bàng được bán ra thị trường như một đặc sản.

Dân cư không nhiều, hơn 6.000 người, nhà cửa tương đối nhỏ, kiến trúc đơn sơ, kinh tế vườn không đáng kể, chợ búa không trù phú, tuy nhiên các công trình nhà nước và một số cửa hàng khá khang trang. Trường học có đầy đủ, từ tiểu học đến trung học phổ thông; trung tâm y tế phục vụ dân sở tại và du khách. Mạng lưới viễn thông, internet, wi-fi tốt như ở thành phố trong đất liền. Có một hãng taxi phục vụ nhu cầu đi lại trên đảo.

Như là một thói quen, đi đến đâu, tôi cũng tìm quán cà-phê, vừa thư giãn buổi sáng, vừa quan sát đời sống nơi xa lạ. Nếu bạn có đi cà-phê ở Côn Đảo, bạn hãy đi sớm, vì 9 giờ sáng là phần lớn quán đẹp rồi. Nhưng cũng may, nhờ thế mà tôi đi lang thang trên những con đường vắng, và bất ngờ gặp một quán cà-phê bề thế - cà-phê Cây Dừa. Quán rộng, vườn đẹp, ít khách, nhạc của Hoàng Thi Thơ nghe hơi... sến mà dễ thương, người bán niềm nở mà nhỏ nhẹ. Nếu ở bờ biển thì gió chướng mùa này có thể phản phật, nhưng ở đây, gió đã lọc qua những hàng cây, cho nên rất dễ chịu. "*Dân ở đây hiền lắm, không có chuyện cướp giật, trộm xe...*", chủ quán cho biết như thế.

Công trình nào ở Côn Đảo là hoành tráng nhất? Thú thật tôi không biết gì về các công trình quốc kế dân sinh to lớn ở đây, chỉ thấy các khách sạn, cơ quan, nhà dân đều không cao, nhà lầu thì ít tầng, có lẽ vì chủ trương để cho Côn Đảo thoáng đảng giữa trời mây. Trong ba ngày tham quan, nếu bạn hỏi tôi câu hỏi trên, thì xin thưa: Ngôi chùa! Cổng tam quan phía ngoài chùa ở một bên con đường chính của đảo, hướng ra biển, nhưng chùa thì ở trên non. Từ dưới đi lên có hàng trăm bậc đá, ngó lên như dốc khá dựng đứng, điều này khiến người già và người yếu sức khỏe có thể chôn chân, không dám lên. Không sao đâu, cứ thông thả, đi là đến, có niềm tin là đến, và chẳng bậc cấp bằng đá vững chắc, lại có cây hai bên che nắng. *Vân Sơn Tự*, chùa trên núi trên mây! Công trình xây dựng trên núi cao là quá khó khăn, thế mà thành quả lại đồ sộ. Chùa xây theo kiểu chùa miền Bắc ngày nay. Từ tam quan thứ hai đến tôn tượng Quán Thế Âm, hai nhà chuông trống hai bên, đến chánh điện, nhà Tăng, nhà khách, tất cả đều cao, lớn, vững chắc. Đây là một thắng cảnh tại một hòn đảo xa xôi của Tổ quốc. Bốn bề núi xanh giữa biển xanh, trong gió núi và mây trời lồng lộng. Một địa chỉ du lịch hấp dẫn nhất của Côn Đảo, mà du khách lại đủ các miền Bắc Trung Nam, cùng hòa hợp, cùng thành kính trước Phật.

Tiếng chuông chùa ngân vang, lan xa giữa bốn bề thình không như làm tăng thêm sự bình yên cho hòn đảo bình yên. ■



Hoài niệm ngõ đá

PHAN NAM

*Sông Tiên nước chảy ngược dòng
Ai về Tiên Phước cho lòng vấn vương...*

Câu ca dao ấy đã thấm vào mạch nguồn bao đời nay của người dân miền trung du xứ Quảng. Dòng sông Tiên quanh co uốn lượn qua những đồi núi chập chùng, luôn tạo nên nỗi khắc khoải trong tâm tưởng của mỗi người dân xứ này về một làng quê thanh bình, yên ả. Làng quê cổ tích đắm chìm trong miền đá rêu phong đủ làm cho bước chân người lữ thứ dù chỉ một lần in dấu cũng đã ngất ngây. Trầm tích đất mẹ đã hình thành một nền văn hóa vô cùng độc đáo tạo nên linh hồn xứ Tiên; đó là “văn hóa đá” như cách gọi của nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển.

Là một người con chôn nhau cắt rốn ở mảnh đất này, chẳng biết tự bao giờ đã lấp ghép trong tâm hồn tôi những phiến đá vô tri mà ẩn chứa linh hồn của quê hương xứ sở.

Đá trong tiềm thức của tôi là một vật liệu để đúc nhà, làm bếp tạo nên dáng dấp làm nơi xây dựng tổ ấm.

Tôi còn nhớ thuở xưa quê tôi người dân làm nhà bằng đất sét nện liên kết với đá, để khô làm nên tường nhà thật cao và vững chãi, tường đất giương ra với đất trời chờ che bao phận người qua mưa nắng giá rét. Nhà chính tường đất; nhà phụ phen tre, mái tranh; bậc đá là lối đi về... chính là hình hài của kiến trúc lâu đời ở Tiên Phước quê tôi. Nhà nào khá giả hơn thì gỗ mít ba gian thờ phụng nhưng nhất quyết không thể thiếu sân gạch ngõ đá quay ra mặt tiền nơi đất trời tụ hội làm nơi đón tiếp khách phương xa.

Đá còn được dùng để phân cách địa giới rất rõ ràng, ở quê tôi hiện vẫn còn lưu giữ rất nhiều những bậc đá được chất cao vút giữa các vườn tược để phân cách ranh giới. Các bậc đá rêu phong ẩn nấp dưới bóng mát cây trái bốn mùa phì nhiêu, từng tảng đất đá còn có tác dụng chống



hương đất mà sao lòng lại nhớ để thế! Bạc đá, ngô đá lặng lẽ in hằn cho mình một đời sống cùng với con người xứ Tiên có thể phải lặng lẽ chìm vào quá khứ “vô tri vô giác” đúng như lúc khai thiên lập địa. Làng cổ Lộc Yên quê tôi được nhiều người biết đến với những ngôi nhà cổ sống mãi với thời gian, không gian ngô đá bao bọc làng quê vương cái hồn, cái tình chân chất, mộc mạc của cư dân ven con sông chảy ngược. Đi trong bóng mát của hương bưởi, hàng cau lưng lửng mùi quê, thoang thoang vị ngọt thanh trà, những chùm bòn bon phác họa nên một bức tranh mà trong mỗi giấc mơ tôi như lạc bước thời gian.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thượng Hỷ trong một tham luận tại hội thảo quốc tế đã chỉ ra rằng: Tiên Phước là “vùng đất trung du, có giá trị về lịch sử văn hóa, cùng với không gian kiến trúc làng cổ còn tương đối nguyên vẹn, dự định cho phát triển du lịch sinh thái”.

Mong sao dự định này sẽ sớm trở thành hiện thực để giá trị làng cổ được phát huy và bảo tồn.

Nói lan man như thế vì trong mạch máu của tôi, hình ảnh về ngô đá, mái đất, nhà tranh, phen tre... sẽ không bao giờ mất đi như tâm hồn hương về cội nguồn của biết bao lớp người. Những người ra đi, những người ở lại không bao giờ mong muốn những giá trị hiện hữu nhạt nhòa trong hoài niệm. Bề dày tầng vĩa văn hóa của miền trung du “có con cò trắng đậu cành thương thương” đã nuôi dưỡng bao lớp người lớn lên và họ đã sống, chiến đấu và xây dựng cho quê hương.

*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.*

Hai câu thơ của Chế Lan Viên còn vang vọng trong tâm thức của nhiều người. Thế nhưng, khi tôi đứng đây ngay tại quê nhà, tôi vẫn cảm thấy tâm hồn mình hụt hẫng qua từng lớp bụi thời gian, tôi luôn có cảm giác bao hình ảnh nơi tôi sinh ra sẽ chìm mãi vào cõi vĩnh hằng.

Ngô đá ơi! Ngô đá! Người đã bao lần làm ta trầy xước, chảy máu khi vấp ngã thời ấu thơ thơ dại, nhưng sao khi ta lớn lên rồi lòng ta lại nhói đau nhiều hơn khi cái cũ dần mất đi để nhường chỗ cho cái mới. Miền đá rêu phong ẩn hiện trong những mảnh rời ký ức tạo nên bức tranh của tuổi thơ tôi với biết bao hoài niệm.

Nhiều lần dạo bước ở quê nhà tôi được hít hà không gian hài hòa ngập ngụa trong tâm hồn. Trong không khí đó vẫn vương hương lúa ngào ngạt, đọng đầy mùi rơm rạ thấm vào tiềm thức của bao người dân chân lấm tay bùn. Bao sương gió của miền đá phần nào khắc họa lên cái tình phong sương của những tâm hồn hiếu khách của một miền quê êm đềm. Hy vọng nền “văn hóa đá” thấm sâu vào hồn thiêng đất cổ sẽ được tự tay người dân bảo tồn và duy trì để người ta có thể cảm nhận được thời gian vỡ trên từng phiến đá. Không hiểu sao mỗi lần lạc trên bước đường quê hương, miền đá tuổi thơ như thì thầm vẫy gọi tôi chìm vào mảnh cảm xúc vừa hư vô, vừa sâu thẳm. ■

xói mòn và lở đất. Tuy nhiên, hiện giờ dấu vết của những bậc đá không còn nhiều, vườn tạp phần lớn được chuyển đổi để thâm canh được cao hơn. Ngô đá vẫn vậy, vẫn muôn đời vẫy gọi con cháu tha phương quay về chốn cũ.

Người dân xứ Tiên lưu giữ ngô đá góp phần hài hòa kiến trúc hiện đại phần nào đã được phủ bê-tông giúp cho nơi lưu trú cứng cáp hơn trước, còn góp phần gìn giữ cốt cách tâm hồn con người xứ Tiên luôn được thanh thản, sống hài hòa với thiên nhiên. Mặc dầu bây giờ cuộc sống phát triển, không gian hiện đại đang dần phủ bóng làng quê, người dân cũng dần thích nghi với cuộc sống mới nhưng sao hiện hữu trong tôi vẫn một chút man mác buồn. Rồi đây, những ngôi nhà “lá mái” sẽ dần mất đi, ngô đá cũng sẽ bị phá vỡ, nhường chỗ cho ngô “bê-tông” để các phương tiện có thể di chuyển lên xuống thuận tiện.

Ngày xưa được leo lên leo xuống ngô đá tỏa ngát



Buổi sáng, trước hiên nhà...

MANG VIÊN LONG

Khu xóm Kẹo chỉ mười ba nóc nhà; sau gần sáu tháng chọn rộn chuyện mở đường, thiết lập khu dân cư mới về phía Tây nam thị xã, tranh giành quyền sở hữu ruộng đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, nay đã tạm yên vắng; buổi sáng giữa mùa xuân trở nên trong lành, tươi mát lạ thường, trong con hẻm ít chân người lui tới.

Từ ngày trôi dạt, nấn ná về tạm trú ở khu xóm này, tôi vẫn thường ngồi ở chiếc ghế đá trước hiên nhà với bình trà nóng và tách cà-phê đón ngày mới từ bốn giờ sáng. Nhà đối diện, bên kia vuông sân rộng, cũng đã thức dậy; người vợ chuẩn bị quang gánh ra chợ, còn ông chồng cũng đã nổ máy, bắt đầu chuyến xe thô đầu ngày.

Buổi sáng bắt đầu bằng những tiếng chim gọi nhau đầu đó trên hàng cây sanh cao bên góc trái sân, hay trên ba cây trướng cá góc bên phải trước hiên nhà, vang lên - vô tư, thanh thản, êm ái. Tiếng chim mỗi lúc một rõ, nhiều - trong và vui! Giữa thình không lờ mờ ánh sáng im vắng, tiếng chim làm bừng dậy trong tôi những buổi sáng yên lành, đầm thắm của một thời tuổi thơ, rồi của những năm tháng lưu lạc đó đây ở những ngôi chùa quê xa; khiến tôi như sống lại một đời dài truân chuyên hơn bảy mươi năm. Tôi uống từng hớp trà đậm nóng, đốt thêm một điếu thuốc, rồi đưa mắt liếc nhìn lên bầu trời vừa nhuộm màu ửng hồng trên cao, mà nghe lòng xuyên xao, bùi ngùi...

Bất giác, tôi nhớ lại mấy câu thơ của nhà văn Võ Phiến đã viết ở tuổi già nơi đất khách, mà thêm thương cảm:

... Múa may mãi, chẳng ra gì
Mỗi lâu thêm một cách ly rã rời
Thân tàn, đất lạ - chơi vơi
Trông lên chỉ thấy bầu trời là quen!

Tâm trạng của nhà văn lúc đang lưu lạc quê người là vậy, nhưng sao tôi, đang sống ở quê nhà, mà vẫn luôn cảm thấy "trông lên chỉ thấy bầu trời là quen"? Cảm giác cô độc giữa quê mình luôn theo tôi từ năm lên tám tuổi - mồ côi cha mẹ, nghèo khó, lận đận! Nỗi mất mát to lớn ấy kéo dài đến cả đời người vậy sao?

Tôi lắng nghe tiếng chim; bao buổi sáng rồi, vẫn là những âm thanh vang rộn rã, trong trẻo, yên bình. Tôi sức nhớ, từ bao lâu, tôi đã không được nghe tiếng chim hót, đã quên bằng tiếng chim, để chất đầy trong lòng những âm vang của nỗi bất hạnh, đắng cay, và ưu phiền từ lúc nào chẳng hay! Nỗi thiếu vắng ấy thường khiến tôi luôn cảm thấy hụt hẫng, chơi vơi, mà chẳng thể tự lý giải được. Tiếng chim mầu nhiệm và quyến rũ quá! Thiên nhiên đã ban tặng cho con người bao món quà quý giá, thiêng liêng, mà ta đâu có hay; cứ mãi kiếm tìm xa xôi, bị cuốn hút bởi sự phù phiếm, ảo ảnh...

Gần đến cuối đời, nhà văn Võ Phiến cũng đã cảm nhận từ sự "mộc mạc", gần gũi:



... Con trâu, con chó, con gà
Đàn cò, lũ sẻ - đều là cố tri...

Tôi chú ý đến bầy gà mái, gà con, vừa vỗ cánh thoát ra từ những chiếc chuồng to kê sát vách nhà người đối diện. Rồi những chú gà trống bay xuống từ vài cành cây sanh cao. Tiếng gáy của những chú gà trống khua động một góc sân, làm buổi sáng trở nên vui hơn; trong lúc chị gà mái "cục cục" bắt đầu lục tục dẫn đàn con đi kiếm mồi. Vừa mới mở mắt, trời còn mờ ẩm hơi sương, bầy gà đã cúi xuống, chăm chỉ kéo nhau đi bươi tìm miếng ăn còn sót của chiều hôm trước trong khoảng sân rộng... Dường như suốt ngày, bầy gà luôn cắm cúi, nhẫn nại, tìm kiếm miếng ăn. Nhìn những chị gà mái đầu đầu tìm mồi cho đàn con riu rít theo sau, tôi nghĩ đến những người mẹ. Người mẹ đã chẳng phải bươn chải ngay từ khi bước chân xuống giường vì đàn con, vì sự no ấm của gia đình hay sao? Họ cặm cùi, lục đục, nhẫn nại giống như chị gà mái trước mặt tôi kia. Tôi nghĩ đến sự đói khổ của đời người. Có phải suốt một đời, chúng ta đã lặn lội bươi tìm miếng cơm, manh áo, cho đến ngày xa lìa cõi sống? Đã vậy, sao còn có nhiều kẻ tham đắm trong thừa thãi, bon chen, giành giật, mà quên mất đời sống hữu hạn đang ngấn dần? Tôi chợt nhớ đến lời thơ trong bài Gậy Già của Nguyễn An Đình:

... Nhớ con của cái ốc
Mẹ lụi cùi ngoài đồng
Giờ gậy già tay chống
Lập cập suốt mùa đông...

Tiếng kêu của hai chú heo từ trong chuồng ở góc rào phía trên đột ngột vang lên làm tôi phải quay nhìn chúng. Trong khoảng đất vườn rộng, gia đình người mổ heo đã làm nơi nuôi tạm và xẻ heo mỗi sáng. Hai

vợ chồng và cậu con trai đã thức dậy từ ba giờ sáng để mổ xẻ hai con heo cho các gian hàng thịt ngoài chợ kịp bán sớm. Mấy ngày đầu về ở trong xóm này, tôi thường bị đánh thức bởi tiếng kêu thét, gầm gừ, rên la của những chú heo bị thọc huyết, hay bị đập búa vào đầu bôm bốp. Tôi không thể chợp mắt lại được sau tiếng rên la thảm thiết của những chú heo bị đập chết. Một thời gian, tôi phải dùng hai viên thuốc an thần trước khi lên giường, để có được giấc ngủ quên kéo dài qua ba giờ sáng.

Một chú heo đang rượt cắn một chú heo được nhốt cùng chuồng. Có lần, bầy heo đang bị nhốt chờ mổ đã rượt cắn nhau, vì tranh giành thức ăn nước uống, hay vì "không chịu" nhau, làm một con phải ngã lăn ra chết trước buổi sáng. Theo dõi cuộc rượt đuổi mỗi lúc một hăng của chú heo bị, tôi nghĩ đến số phận của cả hai vào lúc ba giờ sáng hôm sau mà chúng không hề hay biết! Cái chết gần kề trong vòng chưa được 24 giờ, mà còn tranh giành, thù hận, cắn hại nhau vậy sao?

Mặt trời đang sáng rõ hướng đầu hẻm, những tia nắng vàng tươi đầu ngày đang trở lại trên dây phố - cuộc đời lại sẽ bắt đầu hoạt cảnh cũ, sau một đêm dài im lìm chìm đắm trong bao cõi mộng...

Buổi sáng trước hiên nhà của tôi ngày nào cũng vẫn như thế! ■





Cơm chay sinh viên

Bài & ảnh: NGUYỄN NGUYỄN AN

Một buổi trưa tôi đi ăn cơm chay ở quán *Huế Thương*, số 96 đường Bà Triệu, TP.Huế. Thật bất ngờ khi thấy các em sinh viên sắp hàng mua vé, nhận cơm, đông vui và trật tự.

Tôi đã ăn ở quán cơm chay này cách đây mấy năm khi quán còn ở số 2 đường Tố Hữu, TP.Huế. Lời anh La Thế Quang còn vang trong tôi: *"Thấy nhiều em học sinh, sinh viên nghèo khổ nhưng vẫn nỗ lực học tập, mình không khỏi chạnh lòng. Vì vậy ý tưởng giúp các em vững bước trong học tập và trong cuộc sống, không gì thiết thực hơn để các em ấm lòng trong chính những bữa ăn thường nhật"*.

Một quán cơm chay trong trên dưới mười quán cơm chay ở Huế, không đặt nặng vấn đề kinh doanh, mục đích tạo một điểm phục vụ cho học sinh, sinh viên nghèo đang học tập trên địa bàn thành phố Huế.

Chính vì thế, quán chỉ thu một suất ăn 5.000 đồng, một ly sữa đậu nành 1.000 đồng. Nếu các em mua vé phụ thu thêm 1.000 đồng tiền hộp xốp. Các em có thể ăn thêm một chén cơm nếu chưa no.

Nhân viên ở quán gồm hai chị nấu bếp, chị Thanh Nhân và chị Hòa. Chị Thanh Nhân trước đây là giáo viên trung học cơ sở, chị nghỉ hưu làm ở quán từ hồi quán mới mở ở đường Tố Hữu. Có năm sinh viên nam thường trực ở quán, cùng các em sinh viên tình nguyện. Các em lo xay đậu nành làm sữa, quét dọn, trông coi quán trong giờ quán đóng cửa, rồi cùng ba em sinh viên tình nguyện ở các cư xá đến. Các em làm trong giờ nghỉ học, đến bán vé chia cơm, phục vụ cho các em sinh viên ngày hai bữa ăn chính.

Bình quân mỗi ngày quán bán được hơn hai trăm suất cơm, trong đó còn có 10 đến 15 suất cơm miễn phí cho các cô chú bán vé số và các mẹ neo đơn cơ nhỡ có nhu

cầu ghé quán ăn cơm. Tôi ngồi ăn chung với chị Nguyễn Thị Hoa, bán vé số; nhà chị ở chợ Sam, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang. Chị đi loanh quanh bán vé số, đúng bữa ghé ăn một suất cơm và một ly sữa, ngày hai bữa. Chị nói: *"Chị là hộ nghèo, chồng chết, phải nuôi hai con ăn học. Sư cô Phước Thiện bảo lên đây ăn cơm miễn phí"*.

Cạnh bàn chúng tôi có các em sinh viên năm thứ II, khoa Du lịch Đại học Huế. Em Hồng Thương nói: *"Cơm ngon, giá rẻ"*.

Em Huỳnh Anh Tuấn sinh viên năm thứ I, Đại học Y Dược Huế nói thêm: *"Thức ăn ngon, phong phú"*.

Sau khi ăn xong, tất cả mọi người đều tự tay rửa chén bát, sắp xếp gọn gàng rồi mới rủ nhau về cư xá nghỉ ngơi.

Tôi trực tiếp gặp em Hoàng Thị Dạ Thảo sinh viên năm thứ II Đại học Sư phạm Huế đang bán phiếu cơm: *"Con là sinh viên tình nguyện, con nghỉ buổi sáng con ghé quán lật rau, sơ chế, dọn dẹp rồi ngồi bán phiếu cơm, ăn trưa xong con đạp xe đi học. Có khi bụng về con cũng bị lạ, nhưng con không buồn vì đó là các cô dì chỉ dạy cho con"*.

Trước đây, quán cơm chay Huế Thương do thầy Từ Thông ở chùa Từ Hiếu thành lập, xuất phát từ ý tưởng muốn trợ giúp cho các sinh viên nghèo hiếu học, được đưa vào hoạt động từ quý III năm 2012. Đến tháng 9 năm 2014, thầy Từ Thông bận công tác Phật sự ở Thái Lan, đã bàn giao cho Sư cô Phước Thiện quản lý.

Sư cô Phước Thiện cho biết: *"Hiện nay quán đã được nâng cấp lên nhiều mặt. Hàng tháng đều có ít nhất là bốn mạnh thường quân hỗ trợ tài chính để quán tiếp tục duy trì, phát triển bền vững hơn. Đặc biệt là sự chung tay góp sức rất hiệu quả của đội tình nguyện viên là các bạn sinh viên đến từ các trường đại học thành viên, thuộc Đại học Huế. Ngoài năm sinh viên nam thường trực, ăn ở tại đây, quán còn có một lực lượng tình nguyện viên lên đến cả chục người"*.

Bình quân, mỗi tháng quán tiêu thụ 800kg gạo và khoảng 1.200kg thực phẩm rau, củ, quả. Để có nguồn kinh phí ổn định giúp quán hoạt động bền vững lâu dài luôn là bài toán nan giải, làm người quản lý phải luôn tìm tòi, suy nghĩ để có hướng đi thích hợp. Và, duy trì được một quán chay từ thiện có chất lượng, phải có những người giàu lòng từ ái như Sư cô Phước Thiện cùng hai chị đầu bếp giỏi: như chị Hòa, chị Thanh Nhân; các chị luôn sáng tạo ra những món ăn ngon, từ đó thực đơn cho sinh viên và khách hàng được phong phú. Được biết, trước khi đến quán, hàng ngày chị Hòa đều tụng một biến kinh từ rất sớm; trong ngày nghỉ cuối tuần chị thường được mời đi tụng kinh ở các đạo tràng, nấu cơm chay cho các khóa tu Bát quan trai, hoặc đám giỗ chay nào đó.

Chị nói: *"Tôi tự học nấu chay ở sách vở và ở những lần đi nấu thực tế với mục đích tự hoàn thiện mình để phục vụ cơm chay sinh viên ngày càng tốt hơn"*.

Sư cô Phước Thiện cho biết thêm: *"Chúng tôi đang tính đến việc thuê thêm tầng trên để mở rộng diện tích, đáp ứng nhu cầu phục vụ các cháu sinh viên nghèo ngày một tốt hơn. Tất cả vì một hạnh nguyện: góp phần nhỏ bé giúp các sinh viên nghèo có thêm nghị lực học tốt, để sau này thành người có ích cho quê hương, đất nước"*.

Tạm biệt quán cơm chay Huế Thương, trong lòng tôi con lưu giữ hình bóng trong sáng và thánh thiện của các em sinh viên tình nguyện. Các em tất tả chia phần cơm, chạy tới lui phục vụ các bạn ăn không hề biết mệt mỏi... ■





Nguồn: bato.quangngai.gov.vn

Chùa làng

BÙI SỸ CẦN

Trên đất nước ta, hẳn là vẫn còn nhiều làng quê giữ được những ngôi chùa cổ kính tôn nghiêm, khác hẳn với nhiều ngôi chùa ở thành phố, khá nhiều chùa đã trở thành thương mại hóa, to cao sừng sững, gạch lát sáng choang, và khách thập phương đi lễ đều phải bỏ giày dép ở ngoài hiên để vào lễ Phật.

Ở quê tôi, đình làng nằm giữa trung tâm của làng, còn chùa làng thì nằm giữa cánh đồng, trên một gò đất cao, trông xa như lưng con rùa khổng lồ.

Ngôi chùa khiêm nhường và u tịch, xung quanh có lũy tre bao phủ. Ở hai bên cổng chùa là hai cây táo cổ thụ xòe tán xanh; một cây táo mật, một cây táo muối thân mỗi cây phải tới bốn người ôm mới xuể.

Vào mùa xuân, cây táo muối ra hoa trắng ngát, còn cây táo mật ra hoa vàng tươi, hương hoa thơm ngát theo gió bay xa.

Càng tiến sâu vào vườn chùa, nào là những cây mít, cây nhãn, cây hồng, cây trám đen và cây trám trắng... cây nào cây ấy già cỗi cách, da dẻ sần sùi, u bướu. Bước đến sân chùa thì thấy sân được lát bằng gạch Bát Tràng cổ có màu nâu xỉn, bước lên mát lạnh cả chân. Vào chùa, cả một không khí trầm mặc thâm nghiêm.

Ngôi chùa được làm bằng gỗ lim tự bao đời vẫn giữ được những nét cổ kính. Ở những bệ thờ, những pho tượng được tạc bằng gỗ mít đã bạc thếp theo năm tháng. Cả khuôn viên nhà chùa nằm trong một quần thể cây xanh cổ thụ, hoa lá xum xòa.

Bên phải có giếng chùa được xây bằng đá ong, nước trong leo lẻo. Các cụ cao niên trong làng truyền lại, vào những năm trời làm đại hạn, giếng làng cạn kiệt nhưng giếng nước trong chùa vẫn đầy ăm ắp, xanh trong. Dân làng kéo nhau ra giếng chùa xin nước về dùng.

Bên trái có ao chùa, gọi là ao, chứ thực ra đó gần như một cái "giếng làng" xung quanh được kè bằng đá ong từ đáy lên cao. Ao chủ yếu chứa nước mưa nên rất sạch có thể dùng để ăn được. Bên cạnh bờ ao là một cây vối già. Cứ vào ngày mồng năm tháng Năm hàng năm, sư cụ lại cho người bẻ lá phơi khô để đun nước uống hoặc tiếp khách thập phương. Cây vối có lẽ cũng đã được bảy tám mươi năm tuổi, cành lá che rợp một góc ao. Xa xa bên bờ ao là hai cây gạo đỏ, thân mỗi cây cũng phải đến ba người ôm; vào tiết tháng Ba, hoa gạo nở rực một khoảng trời; lúc này, lũ chim chào mào, sáo sậu, sáo đá, liếu điếu... bay về ồn ã suốt cả ngày.

Không gian chùa vắng lặng, yên tĩnh là nơi tụ tập của từng đàn chim kéo về trú ngụ và xây tổ. Trên những cành cây già bị chết là nhà của lũ chim gõ kiến; chúng dùng những chiếc mỏ sắc lẹm khoét vào cành khô một cái lỗ tròn làm nơi đẻ trứng và nuôi con. Còn trên cao là tổ của lũ chim chào mào, sáo sậu, thậm chí còn có cả những tổ cò, tổ cốc; những loài chim này chỉ dựng những chiếc tổ sơ sài bằng những cành cây gác lên nhau; đứng ở dưới đất nhìn lên có khi còn nhìn thấy cả cò con.

Có lần, lũ trẻ trong làng tinh nghịch, kéo nhau ra bắt chim non. Tiếng chó cắn ran. Khi sư cụ tiến ra thì đã có mấy anh đang vắt vèo trên cành cây. Sư cụ ôn tồn gọi xuống rồi vào chùa lấy hoa quả ra cho ăn, xong lại nhẹ nhàng giảng giải: *"Nhà các cháu đang yên lành, có người kéo đến phá, các cháu có tức không? Các cháu bắt chim non về nuôi, không kiếm đủ thức ăn cho chim thì chim chết; chi bằng cứ để mẹ chúng chăm cho chúng có tốt hơn không? Hết lúa này lớn lên lại lúa khác lớn lên; chúng kéo về hót véo von suốt ngày có phải vui không?"*.

Từ đấy, chẳng còn ai ra vườn chùa bắt chim nữa.

Ngôi chùa khiêm nhường chỉ có sự cụ trụ trì và một chú tiểu chăm sóc, quét dọn. Vào những trưa hè, chúng tôi thường kéo ra đây ngồi hóng mát, hoặc chơi trò giải anh, đánh cờ chân chó, hay chơi ô ăn quan. Nhiều hôm, chúng tôi bắt gặp sư cụ và chú tiểu ngồi ăn bữa cơm trên chiếc chông tre; mâm cơm chỉ có đĩa rau luộc, bát tương và đĩa muối vừng. Vào những ngày Tết, tôi mới thấy mâm cơm có thêm đĩa đậu phụ, hoặc luộc hoặc om tương.

Từ tháng Mười trở đi, sương sa bằng lăng quất quýt bên những cây cổ thụ. Cảnh chùa trông như thực như mơ. Gặp những dịp nông nhàn, mẹ tôi cùng các cụ bà trong làng áo nâu tay lấm trảng hạt rủ nhau ra chùa tụng kinh niệm Phật đúng vào những ngày mồng một hay hôm rằm. Chỉ đến dịp Tết mới thấy có những cô thôn nữ áo gụ quần lĩnh kéo ra vãng cảnh chùa.



Cánh cửa chùa mở ra là cả một cánh đồng bát ngát quê tôi. Vào những trưa tháng Sáu, tôi thường ra chùa chơi. Sư cụ hỏi han trình độ học vấn của tôi rồi khẽ khàng vào trai phòng, lấy ra một cuốn *Kiểu cổ* bằng chữ Nôm mà bìa đã lên màu nâu bóng.

Sư cụ từ tốn đọc rồi giải nghĩa cho tôi. Lời sư cụ thông thả, đĩnh đạc mà tôi thấy còn hay hơn lời thầy giáo giảng ở trên lớp. Cứ thế, chất văn ngấm dần vào trong tôi lúc nào không hay, để sau này, tôi cũng có một chút kiến thức về văn học.

Bây giờ, lâu lâu tôi mới về làng. Tôi vẫn thấy ngôi chùa làng quê tôi lặng lẽ chìm trong màu xanh cây cối. Chùa vẫn trầm mặc, trang nghiêm, khiêm nhường; chỉ có khác là sư cụ đã viên tịch; về thay sư cụ là một nhà sư trẻ.

Ngôi chùa làng tôi cũng là nơi trú ngụ của bao kiếp tâm linh. ■

Chung quy cũng một chữ Của mà ra

HOÀNG TÁ THÍCH

*Từ khi tìm được chữ Không,
Tôi nghe nhẹ những bụi hồng vẫn vương.
Chữ Không làm gối đầu giường,
Ru tôi vào giấc vô thường mỗi đêm.*

Hai ông bà giáo sư đại học có đứa con trai duy nhất tròn sáu tuổi vừa chết trong một tai nạn xe cộ. Nỗi đau khổ nói không cùng, nhất là vì họ là những người trí thức, nên những ray rứt về sự khổ đau lại càng không đơn giản như những người bình thường khác.

Nghe nói trong một ngôi chùa ở ngoại ô thành phố có một vị hòa thượng nổi tiếng là uyên bác, hai ông bà tìm đến và cầu xin sự giúp đỡ về mặt tâm linh. Vị hòa thượng cười một cách hiền hòa: *"Dù tôi có phép thần thông cũng không thể nào làm sống lại đứa con của ông bà, và dù có giỏi mấy đi nữa, cũng không thể nào làm chết đi nỗi đau khổ ông bà đang gánh chịu. Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, một lần có một người đàn bà đã đến cầu xin Ngài cứu sống lại đứa con đã chết. Đức Thế Tôn bảo người đàn bà này vào trong làng và kiếm cho ra một bát tro trong bếp của bất cứ ngôi nhà nào chưa có người chết, thì Ngài sẽ dùng tro đó làm cho con bà sống lại. Người đàn bà đã đi khắp làng và không thể nào tìm ra một ngôi nhà nào chưa có người chết. Lúc đó bà mới ngộ ra một điều là không ai có thể tránh khỏi cái chết, và một khi đã chết thì dù có phép thần thông cũng không thể nào cứu sống lại được".*

Và vị hòa thượng nói tiếp: *"Cho dù hai vị có thấu hiểu được cái lẽ vô thường của nhà Phật, tôi nghĩ cũng không dễ gì có thể giúp đỡ ông bà nguôi ngoai sự đau khổ này được. Điều đó chỉ có tự bản thân hai vị suy nghĩ và tự giải thoát mà thôi".*

Vị hòa thượng kia chỉ biết an ủi hai vợ chồng giáo sư nọ, và giải pháp duy nhất ngài đã nghĩ ra là đề nghị hai ông bà nên kiếm một đứa trẻ cùng trang lứa với đứa con đã qua đời về làm con nuôi, cố gắng chăm sóc thương yêu nó như con của hai ông bà vậy.

Hơn ba năm sau, một hôm hai vợ chồng giáo sư nọ đã tìm đến thăm vị hòa thượng với một bé trai chừng 9, 10 tuổi. Họ đến để cảm ơn vị hòa thượng này đã giúp họ thoát khỏi nỗi đau đã mất đứa con ruột nhờ đứa con nuôi, và họ đã trút tất cả tình yêu thương vào đứa

con nuôi, để bây giờ, thấy chẳng khác gì con ruột của họ và nguôi ngoai được sự mất mát mấy năm về trước.

Hai vợ chồng vị giáo sư kia đau khổ vì đã mất đứa con trai của họ, và họ cũng bớt phần nào đau khổ nhờ đứa con nuôi của họ. Sau một thời gian nuôi nấng, họ thấy đứa trẻ mồ côi này cũng có những đức tính tốt chẳng khác gì đứa con đã mất đi của họ, và họ đã trút hết tình thương vào đứa con nuôi này rồi dần dần quên mất nỗi đau mất mát trước đây. Bây giờ thì đứa trẻ may mắn này chẳng khác gì con ruột của họ.

Người ta sung sướng vì có được những gì của họ có, và đau khổ vì bị mất những gì của họ. Chung quy cũng chỉ vì một chữ Của mà ra.

Nhiều người Mỹ về Việt Nam xin những đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi hoặc thất lạc trong chiến tranh để làm con nuôi. Chuyện xin con nuôi cũng không phải đơn giản gì. Họ phải về tận Việt Nam, làm thủ tục đôi khi mất nhiều thời gian, phải tốn công tốn của để có được một đứa trẻ đang còn trong nôi hoặc mới chập chững đem về nuôi nấng. Nhiều cặp vợ chồng đã có con thì còn có chút kinh nghiệm, nhưng những cặp vợ chồng hiếm muộn mà xin con nuôi thì họ phải chịu khó rất nhiều với chuyện nuôi con dại. Họ thương yêu và gầy dựng tương lai cho những đứa con nuôi chẳng khác gì con ruột, nhưng đến khi chúng khôn lớn, họ không những không bao giờ ngăn cản mà còn giúp đỡ phương tiện khi những đứa con nuôi của họ muốn trở lại Việt Nam tìm lại cha mẹ ruột. Khi nuôi con nuôi, họ vì lòng nhân đạo, nhưng công sinh không bằng công dưỡng, nên họ thương yêu chúng chẳng khác gì con ruột. Tuy vậy, họ vẫn ý thức được những đứa trẻ đó không phải là Của họ, trước hết là sự khác biệt một cách rõ ràng giữa màu da, nên họ không đau khổ khi những đứa con nuôi rời bỏ họ. Tuy nhiên, nếu trường hợp không tìm được cha mẹ ruột, chúng sẽ trở về với cha mẹ nuôi và những người này vẫn yêu thương chúng như những đứa con ruột. Đó là những người sáng suốt, phần nào ý thức được chữ Của một cách rõ ràng.

Lại có những người tuy nghèo, nhưng khi nhặt được một số tiền quá lớn của ai đó làm rơi, hoặc những người tài xế taxi tìm thấy những món đồ giá trị khách bỏ quên trong xe của họ, đã tự nguyện đem đến cơ quan chức trách nhờ trả lại cho những sở hữu chủ. Họ

là những người không tham lam và ý thức được chữ Cửa một cách rõ ràng: tài sản đó không phải của họ. Dù những trường hợp như vậy rất hiếm có, nhưng không phải là không có.

Một người bị mất của cải. Những người đến thăm viếng chia buồn đều an ủi: *"Thôi đừng buồn, chỉ là ngoại thân chi vật. Của cải hay bất cứ gì, có mất đi cũng chỉ là chuyện vô thường mà thôi"*.

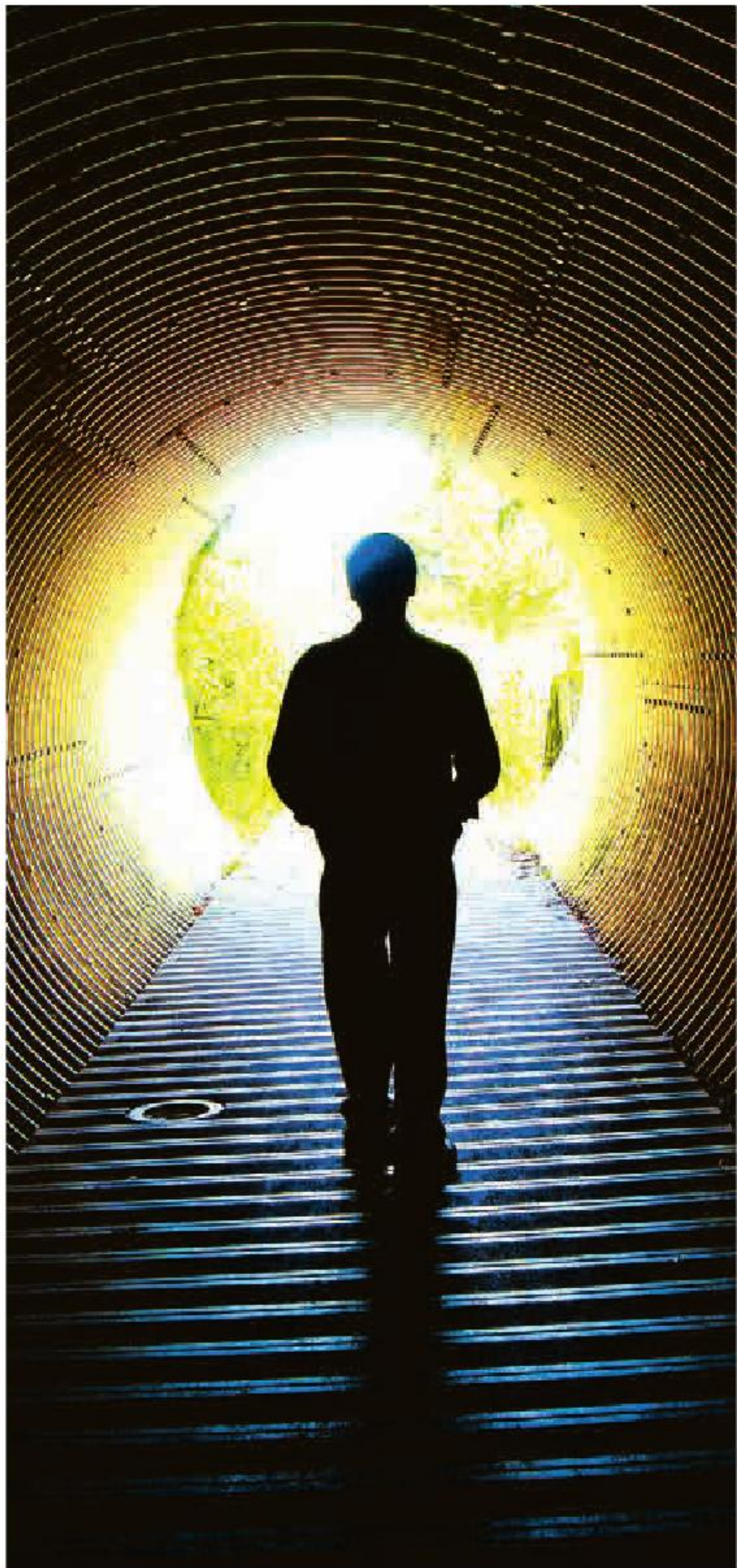
Câu nói an ủi thật đúng và có ý nghĩa, nhưng của cải bị mất đi không phải là của người thốt ra câu an ủi đó, mà là của người bị mất. Hai cái "Cửa" khác nhau, một là của mình, hai là của thiên hạ. Câu an ủi người khác thật dễ nói, chỉ có an ủi chính mình thì lại không phải dễ. Cửa cải còn làm ra được, nên có thể thấy được quả thật là vô thường thì có thể bớt đau khổ và sẽ cố gắng làm lại, nhưng mất đi một người thân thì lại thấy khó lòng với hai chữ vô thường hơn.

Người ta có thể hiểu cái lẽ vô thường một cách đơn giản. Vô thường nghĩa là không có cái gì có thể tồn tại mãi mãi: của cải, sinh mạng... Tuy nhiên có mấy ai không có chút tiếc của khi chính mình bị mất mát. Người ta có thể khuyên nhủ người khác hiểu cái lẽ vô thường để khi mất đi một người thân mà bớt khổ đau, nhưng trong trường hợp chính họ mất người thân, họ có đủ bình tĩnh sáng suốt để hiểu cái lẽ vô thường mà không khổ đau không? Cho nên nói thì dễ, nhưng ngộ được, nghĩa là phải quán được cái nỗi khổ đó, may ra mới có thể tự giải thoát được, và cũng chỉ có thể tự giải thoát mà thôi.

Tham - sân - si là ba nghiệp lớn của chúng sanh, tham ái, sân hận, si muộn đều là bể khổ. Mọi thứ đó đều do một chữ "Cửa" mà ra cả. Thấy được mọi thứ đều là vô thường thì mới được an lạc, nhưng không dễ dàng gì thấy được như thế. Người đã gửi thân mình vào cửa chùa có thể nghĩ được như thế, nhưng cũng có những người đã đi tu mà vẫn còn ao ước sở hữu một ngôi chùa cho riêng mình thì lại không như thế, dù mục đích sở hữu chỉ để hoàng pháp, hướng chỉ những người đời thường đang sống trên đồng của cải, hưởng thụ mọi thú vui trên đời này, chuyện đó lại càng khó khăn hơn nhiều.

Cái khó không phải chỉ vì tham luyến của cải, mà là tham luyến hưởng thụ những thú vui do của cải làm ra. Từ bỏ của cải vật chất cũng có thể không khó, nhưng có những thứ khó lòng từ bỏ hơn, như tình yêu, tham vọng hay quyền lực chẳng hạn. Chỉ có khi nào con người có thể từ bỏ được mọi thứ dục vọng trên đời này, không cần thấy cái gì là Cửa mình cả thì may ra mới có thể tìm được an lạc. Nhưng điều đó không phải đơn giản.

Xét cho cùng, nếu không chấp vào cái Tôi thì sẽ không chấp vào cái Cửa tôi. Giáo lý vô ngã của Đức Phật quả là cần thiết cho mọi người suy ngẫm, tìm hiểu, tu tập và thực hành. ■



Địu dàng hoa trầu tinh khôi tìm về...

QUYÊN VĂN



Độ cuối tháng Ba đầu tháng Tư âm lịch, trong lúc hầu như người người, nhà nhà xao xuyến trước vẻ đẹp đỏ thắm của hoa gạo, nét yếu điệu của hoa xoan, hay phong cách thướt tha của hoa ban... thì cũng không ít người dành một niềm yêu đặc biệt với bông hoa trầu.

Hoa trầu, cái tên thoát đầu nghe thật lạ lẫm nhưng lại quen thuộc đối với những người mến yêu núi rừng. Hoa hội tụ hương sắc quyện hòa, thổi bùng sức lên sức sống tinh khôi và rạng ngời. Một lần thôi, nếu ai đi ngang bắt gặp cũng xao động cả tâm hồn.

Hoa trầu, cái tên nghe có vẻ thô kệch, nhưng lại e lệ hé nụ dưới những chùm lá to bản màu xanh thẫm. Nếu hoa không mọc thành chùm để khoe hương lẫn sắc, hẳn đứng từ xa khó thể nào chiêm ngưỡng được vẻ đẹp mong manh, dịu dàng của chúng. Nhờ có sự che chở của những tán lá rộng, vẻ đẹp nửa kín nửa hở của hoa mới mang đến sự thích thú, tò mò cho du khách. Dưới những tán lá xanh thẫm to bản, hoa trầu toát lên vẻ đẹp lộng lẫy, ấn tượng nhưng cũng không kém phần kín đáo, nhẹ nhàng. Những ngôi sao năm cánh nhỏ xinh xòe ra trắng muốt nép mình dưới thảm lá màu xanh thẫm, được lọc qua cái nắng mới của núi rừng tháng Ba, trong như ngọc. Hoa trầu trắng một màu tinh khôi, thuần khiết đến nao lòng. Một vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc điểm thêm vào mảng màu xanh quen thuộc sắc trắng ngần hay thay sắc màu xám xanh buồn bã. Nếu có người ví von rằng những bông hoa trầu như nụ cười thiếu nữ đang độ mười sáu thì sự ví von ấy cũng chẳng sai chút nào. Nụ cười ấy tinh khôi đến ngỡ ngàng.

Chắc có ai đó sẽ hỏi, rằng điều gì khiến lắm người say đắm, mến yêu hoa trầu đến vậy? Đó là vẻ đẹp dịu dàng, mong manh, tinh khôi của nó? Phải rồi, nhưng chưa đủ.

Người ta yêu mến hoa trầu bởi hoa còn mang hương thơm đặc biệt. Đứng giữa muôn vàn loài hoa đẹp khác, hương hoa trầu không thể lẫn vào đâu được. Hương hoa trầu bay xa trùm phủ lên xóm làng, núi rừng, lẫn khuất trong từng hốc cây ngọn cỏ, bay lên cả mái nhà hay vấn vương trên mùi tóc của những người con gái dân tộc đi rừng lấy củi. Sau những cơn mưa cuối xuân đầu hạ, hương hoa trầu phủ tràn cả vùng rừng núi bát ngát. Những bông hoa trầu cứng cỏi, ngay cả khi đã rơi xuống mặt đất vẫn tươi nguyên nét rạng rỡ ban đầu. Ngắm nhìn hoa trầu, người ta có thể thấy yêu hơn đất trời và cuộc sống nơi họ từng đi qua. Và để rồi dù có đi xa tận đâu, cứ đến tháng Tư nhiều người lại tìm về với núi rừng nơi hương hoa trầu dịu dàng thoảng khắp không gian.

Đi giữa rừng hoa trầu, không ít người tìm về những ký ức xưa. Khẽ hái lấy một bông hoa trầu, bạn hãy nhẹ nhàng đặt lên tay, có thể bạn sẽ ngẩn ngơ nhớ về bao hẹn hò xưa cũ. Nhưng, hãy gửi những tiếc nuối dần vạt theo cơn gió kia cùng hương trầu ngan ngát thơm. Chắc chắn, lúc ấy bạn sẽ thấy lòng an nhiên một cách kỳ lạ. Hãy xem những điều đã qua là quá vãng. Đừng vương bận nghĩ suy vụn vặt, sân si. Hãy rũ bỏ ngổn ngang tâm sự, để tâm tìm lại chút nhẹ nhàng...

Với nhiều người, mùa hoa trầu còn là mùa của những phiên chợ tình vùng cao. Ai còn nhớ đến ai đã cùng nhau rong ruổi phiên chợ tình Khâu Vai, Du Già - Đường Thượng? Hay phiên chợ vùng cao nguyên đá Đồng Văn hùng vĩ? Đã bao người tới phiên chợ tình với tiếng khèn réo rắt gọi bạn, dưới màu trắng tinh khôi của hoa trầu.

Hẳn vẫn còn đó trong lòng ai đó, khúc tình ca "Mùa hoa trầu mùa của lứa đôi" của nhà thơ Thanh Sơn:

*Chợ tình gần xa ngày đêm gọi bạn
Khúc lượn Sluơng níu bước chân về
Người từng yêu nhau gần lòng, xa núi
Người đang yêu, hoa trầu nở trong lòng.*

Đến với phiên chợ tình, chẳng phải vì người ta cô đơn lạc lõng, mà vì những cảm giác lạ lẫm, những tiếng khèn ngân vang, những nụ cười của trai thôn gái bản bên cạnh những nụ cười tinh khôi đến ngỡ ngàng thể hiện trên những bông hoa trầu quyện làn hương thanh khiết hòa với miên man mùi của núi.

Nhiều người vẫn không nghĩ hoa trầu chỉ là một loài hoa dại. Họ bảo đấy là một người bạn hoa, điểm tô cho núi rừng một vẻ đẹp tinh khôi, trong trẻo với mùi hương dịu ngọt làm say đắm lòng người. ■

Đừng tự làm xấu mình để nổi tiếng

NGUYỄN THANH VŨ

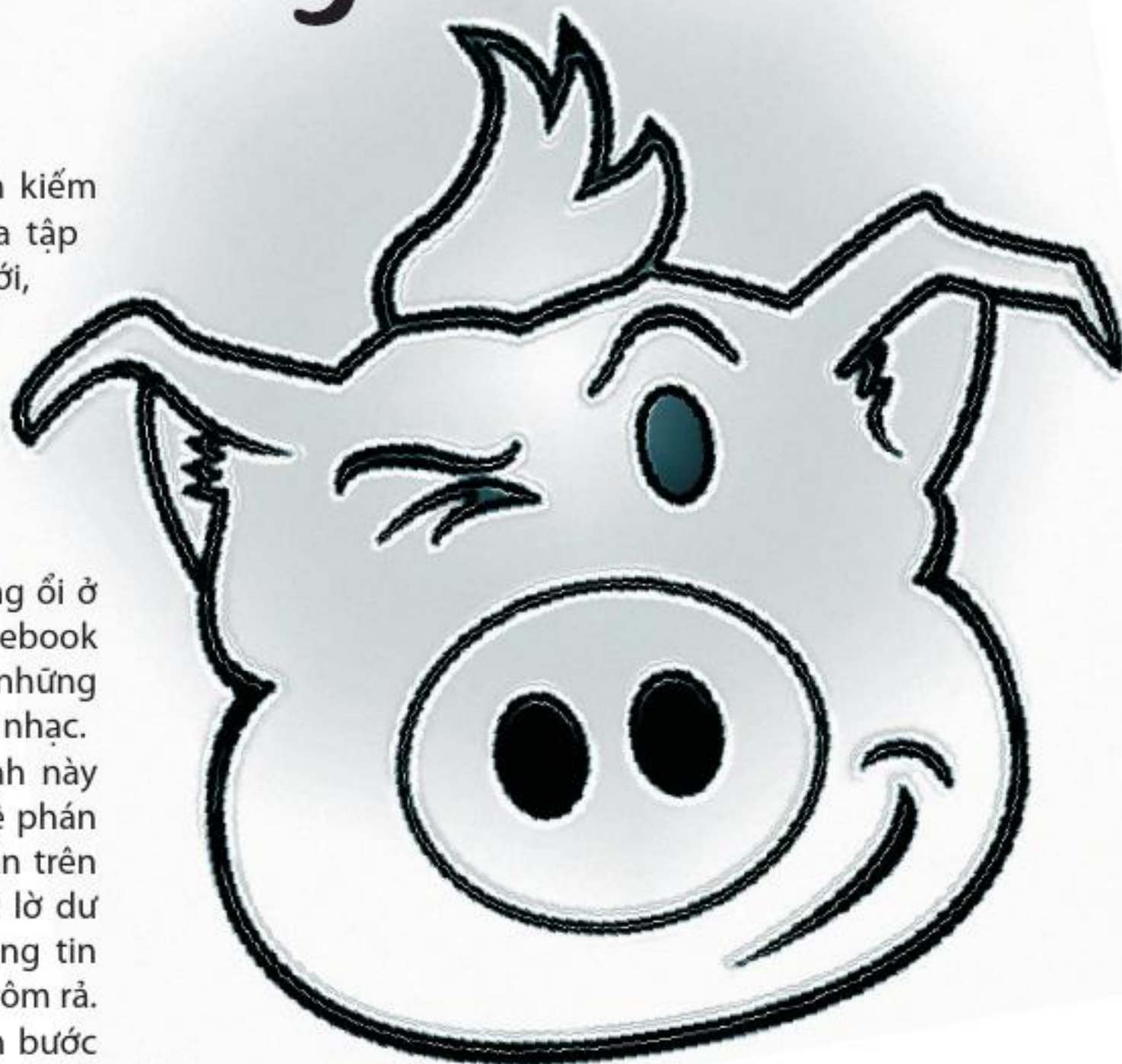
Ngay càng nhiều bạn trẻ biết cách kiếm tiền từ trang chia sẻ Youtube của tập đoàn Google. Chưa kể đến thế giới, chỉ tính riêng Việt Nam thôi đã thấy phong trào ngày càng rầm rộ. Rất tiếc là đã có không ít bạn trẻ muốn nổi tiếng từ những chiêu trò “không giống ai”. Đại khái là tự làm xấu mình, theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Hắn mọi người còn nhớ đến anh chàng trông ối ở Hải Dương, với tài khoản trên Youtube là L R, Facebook là C S L R. Anh tự phong mình là ca sĩ, hát theo những ca khúc nổi tiếng, đang “hot” trên thị trường âm nhạc.

Ai từng nghe qua cũng biết chất giọng anh này như thế nào. Mặc nhiều người đã xúm vào phê phán với những ngôn từ khó nghe, *tag clip* ngập tràn trên mạng. Thế mà anh vẫn hát đều đặn, vẫn phớt lờ dư luận. Nhưng cũng nhờ thế mà báo mạng, trang tin điện tử, đài truyền hình vào cuộc, đăng các tin rôm rả. Từ đấy, bỗng dưng LR nổi tiếng, nghiêm nhiên bước chân vào thế giới *showbiz* Việt, mặc dù không có chút năng khiếu cũng như thông qua trường lớp âm nhạc, lẫn điện ảnh.

Không riêng gì L R, rất nhiều bạn trẻ chạy theo “trào lưu” tự làm xấu mình trên mạng. Như “*hotgirl*” chuyển giới LD làm mưa làm gió trên Youtube và Facebook bằng những clip chửi thề. Cô thấy chuyện gì bực là chửi, chửi không từ một ai. Lướt truy cập ở trang cá nhân của cô lúc nào cũng vài ngàn *view*, *like* và không dưới một ngàn lượt chia sẻ. Dù rằng cô không sinh lợi trực tiếp từ Facebook hay Youtube nhưng thông qua đó cô bán được mỹ phẩm, phụ kiện thời trang nhờ nhiều người biết đến.

Hãy tài khoản Facebook của bạn TS đang ồn ào trong giới trẻ chơi Facebook khi bạn đăng clip tự làm xấu mình như: giả gái, trang điểm lòe loẹt, múa may quay cuồng, nhảy sông, đu cột nhà, leo cây... Tất nhiên điều đó khiến các thành viên trong “tường nhà” bạn thích thú, cười nghiêng ngả. Họ dùng những danh xưng mỹ miều như hoa hậu, người đẹp, mỹ nhân, công chúa, tiên nga,... với ý châm chọc và đồng thời cũng là cách vỗ về bạn để bạn xuất bản thêm nhiều clip mới.



Tuy nhiên đừng nghĩ rằng TS có vấn đề về tâm lý, người ta đang chế giễu, cười cợt mà không biết. Được trò chuyện riêng với bạn mới hiểu hết nỗi lòng. Bạn chia sẻ rằng mình không được đẹp, phải nói là quá xấu nên không có bạn tâm sự. Nhưng nhờ những clip như thế bạn trở nên nổi tiếng, nhiều người quan tâm, tìm đến nơi để gặp mặt... TS biết rằng mình chỉ mua vui bằng việc làm xấu cho họ xem, để họ thư giãn, *tag clip*, ảnh lung tung trên mạng. Nhưng, “thà xấu được nổi tiếng còn hơn đẹp mà bị lãng quên”, bạn nói thế.

Dù biết rằng việc tự làm xấu mình trước mọi người trên mạng là có mục đích. Nhưng xin các bạn trẻ đang mãi mê trong thế giới ảo đừng tự đánh mất giá trị tâm hồn của mình. Những điều đó chỉ là phù du, thực dụng. Bởi sau một thời gian ngắn, rồi thì cũng sẽ chìm vào quên lãng, khi bạn không còn “đắt dụng võ” hoặc hết chiêu trò. Bằng chứng là LR, chỉ một năm áo quần bảnh bao “Nam tiến” thì lại quay về với nghề trông ối ở quê nhà. Hãy tự khẳng định mình theo cách riêng, trí tuệ, năng khiếu và phải lành mạnh. Điều đó sẽ bền và chắc theo thời gian. ■

Thơ Mới, những sắc màu ảo giác

PHẠM HỌC

Hàn Mặc Tử từng tuyên bố: *"Tôi làm thơ? Nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng..."*. Không chỉ riêng Hàn Mặc Tử mà nhiều nhà Thơ Mới, nhất là giai đoạn tượng trưng, siêu thực đã sử dụng ánh sáng, sắc màu đầy hư ảo.

Các nhà Thơ Mới trong giai đoạn cuối đã nhìn sự vật bằng con mắt tâm linh. Sắc màu không gian không phải là của cảnh vật bên ngoài nữa mà là không gian hư ảo, cao viễn, không dò thấu nổi. Không gian nghệ thuật dày đặc những sắc màu được *tâm linh hóa*. Thơ họ ngập tràn những luồng sáng trong trẻo, cao khiết. Sắc màu siêu thoát hiện ra trong không gian *"sáng láng cả mọi miền"*, hay

*Một chiều xanh một chiều xanh huyền hoặc
Sáng bao la vẫy lút cả thiên không.*

Thi nhân ngây ngất trong màu trắng để rồi bùng nổ *"Cắt nghĩa hết những anh hoa huyền bí"*.

Hàn Mặc Tử đã tâm linh hóa không gian tương tự để thành cả một *"Trường tương tư"* dưới những quảng sáng bí ẩn của thế giới siêu nhiên. Thi nhân muốn rằng rịt mãi mối tình thiết tha, đã cố hết sức diễn giải những sắc thái tinh vi trong nỗi đau tương tư. Năng lực sắc

màu còn được Hàn Mặc Tử cũng như các nhà Thơ Mới đẩy đến tận cùng:

Máu của sao, tùy của nguyệt bao giờ

Chảy sũng sốt như phong vàng anh ánh.

(Hàn Mặc Tử - *Hồn qua đêm*)

Đỗ Lai Thúy cho rằng: "Nhờ tinh thần tôn giáo-vũ trụ, các bài thơ xuân của Hàn Mặc Tử như: *Mùa xuân chín*, *Xuân đầu tiên*, *Đêm xuân cầu nguyện*, chẳng những giữ được vẻ trinh nguyên của đất trời mà còn đượm một cảm giác huyền bí thiêng liêng của muôn đời. Ánh sáng, sắc màu tan chảy mơ hồ thành *'nắng ửng'*, *'sóng cỏ xanh'*, *'bờ sông trắng'*... Không gian nghệ thuật thơ Hàn Mặc Tử đầy màu trắng hòa quyện cùng với tình yêu. Sắc màu trong thơ họ Hàn được lý tưởng hóa thành màu trắng, màu của mọi màu, ẩn hiện khắp nơi. Đó là ánh thiếu quang khác lạ của thơ xuân Hàn Mặc Tử so với thơ xuân của các thi sĩ cùng thời". Không gian thơ Bích Khê là *"bể sáng tràn lan"* tỏa ra từ *"lòng trắng mật"*, *"nắng vàng thơm"*, *"đỏ mi hoa"*, đến *"sắc đẹp giai nhân"*... Sắc màu được khúc xạ trong cái vô hình vô thể: *"Mộng sao mộng lạ, trắng như ngà"*; *"Mộng rất xanh, mộng rất xanh"*. Những sắc màu tự nhiên không còn thực hữu nữa mà trở nên huyền vi, nói lên tiếng nói trong sâu thẳm tâm thức của chính nhà thơ.



Những sắc màu trong Thơ Mới đầy ám thị, đưa người đọc vào một thế giới lung linh, chập chờn giữa hai bờ hư-thực. Sắc màu đó là kênh giao tiếp dẫn dắt người đọc đến với sự phong phú đa dạng của cái tôi trữ tình mệnh mông không bờ bến. Chính những cái tôi ấy đã nhận ra những sắc màu ảo giác: “Sao bông phượng nở trong màu huyết”, “Gió rít tầng cao trắng ngà ngửa / Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô”, “Chết rồi xiêm áo trắng như tinh” (Hàn Mặc Tử); “Nguồn trình tiết gầy hồng tươi sắc thắm”, “Nụ cười ai trắng như pha lê / Trắng xóa bên kia vùng trời Phan Thiết”, “Những vú non đôi cong thon nhỏ nhỏ / Với hàng sữa trắng như tinh” (Bích Khê).

Màu vàng chiếm ưu thế nổi trội trong thơ Hàn Mặc Tử. Nhưng đó không phải là màu vàng đơn thuần mà là màu của không gian ân ái, gắn với thân thể ngọc ngà của giai nhân và nốt cùng cảm xúc. Màu vàng đó lan tràn không gian từ “mái nhà tranh lấm tấm”, “trăng bọc vàng”, “tiếng vàng rơi”, “thu vàng”, “nhạc vàng”, “hào quang vàng”, “mặt người tựa khối vàng”, “nắng vàng con mắt” đến cả buổi chiều cũng vàng hiu hắt. Đó là màu vàng ảo giác phối pha trong hoài niệm cùng những dáng hình xưa cũ:

Em tôi thì hồng hén

Áo xiêm lấm tấm vàng.

(Sáng trăng)

Tiếng thơ Bích Khê còn thể hiện khao khát đắm đuối của tâm hồn thoát tục để đi vào lĩnh vực thơ tượng trưng:

Vườn thơm khua sắc mát

Rồng uốn vóc từng cong

Áo bạch mai khoát khoát

Môi đào chờ khoát lạc

Hồn tôi như đỉnh hương.

(Xuân tượng trưng)

Màu sắc (vàng, trắng) biến thành âm thanh (im lặng, không tiếng) âm thanh biến thành nhịp điệu (nhịp nhàng) nhịp điệu thành ra hương vị rồi thành mơ, thành thơ. Chính trên cơ sở đó Bích Khê mới viết được: “Ôi nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc”, hoặc “mát như xuân và ngọt tựa hương”. Cái đẹp của Bích Khê là cái đẹp thị giác hay đúng hơn là cái đẹp đang vượt thoát ấn tượng thị giác (do sự ưa thích một loại vật liệu đưa lại) để lên chỗ siêu việt: “Mộng? / Thiên tài / Trên hồn động khóa thân / Đẹp tỉ mỉ hơi rung động truyền thần”. Cái nhìn nhất thể hóa các giác quan dẫn thực tế nhập vào những chiêm bao như là một vật có thể sờ mó được trong một trạng thái tỉnh mê lẫn lộn.

Bích Khê và Hàn Mặc Tử xem thiên nhiên là một khách thể có đầy đủ các giá trị. Họ đã cảm thụ thiên nhiên bằng tổng hợp tất cả các giác quan tạo nên những khám phá kỳ diệu. Trong thơ họ, ánh sáng ôm trùm lên vạn vật tạo ra những sắc màu ảo diệu, những hình khối nhạt nhòa. Thiên nhiên trong thơ Hàn Mặc Tử là một thế giới tràn ngập sắc màu, vận động, “phiếu

diễm” trước mắt ta. Thiên nhiên là cánh cửa khép hờ để tinh thần nhà thơ sẽ chạm đến thế giới huyền bí, thiêng liêng. Ranh giới thực - ảo, tỉnh - mộng, cảm giác - ảo giác trở nên rất mỏng manh. Đây thôn Vĩ Dạ cũng có sự hoà quyện thực-ảo. Hiện thực là xứ Huế đầy kỷ niệm, còn ảo mộng là hình ảnh cô gái trong mơ tưởng của thi nhân được cách điệu hoá: “Lá trúc che ngang mặt chữ điền”. Gió ở đây cũng không còn là gió thực, ánh trăng cũng là ánh trăng huyền ảo:

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chờ trăng về kịp tối nay.

Người con gái xuất hiện nhưng lại mờ nhạt ảnh bị bao phủ bởi sương khói thời gian:

Ai biết tình ai có đậm đà?

Những sắc màu ảo giác, ảo ảnh sẽ chi phối làm cho bài Thơ Mới tưởng như không còn tính liên tục:

Quỳnh hoa chiều đọng nhạc trầm mi

Hồn xanh ngát chờ dấu xiêm y.

(Nguyễn Xuân Sanh - Buồn xưa)

Thơ tự do đẩy những sắc màu ấy đến biên độ xa nhất: “Đất thơm. Ta tưởng tượng sự dôi dào bốc tự lòng say đất nước / Đất cũng trầm tư, cũng chuyên chú đất kiên nhẫn ta mến yêu / Ta ngợi ca hạnh phúc đơn sơ ngọn lúa / Ta cũng cảm cái thi vị chất phác những ngày mùa, họp bạn rủ nhau đi tìm lúa mới xa” (Nguyễn Xuân Sanh - Đất thơm); “Thu đã về đây, tôi làm lữ khách đi hết sông này sông khác, cả núi đèo và cả rừng, cả suối, bây giờ tôi cũng về đây để hiểu thêm một ít nhớ thêm một ít và yêu thêm rất nhiều” (Đình Hùng - Cảm thu).

Với Đoàn Phú Tứ, màu thời gian “không xanh” mà “tím ngát” - màu tím Huế thương, màu áo tím giai nhân. Thời gian được cảm nhận bằng tâm hồn yêu đương nên mang màu tím. Màu thời gian được cảm nhận không chỉ bằng thị giác, khứu giác mà bằng sự hôn phối một cách tinh tế các giác quan nên đã gợi liên tưởng đến màu tình yêu vừa cụ thể, vừa nhiều mộng mơ; vừa trần tục, vừa thanh cao thoát tục:

Màu thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngát.

Các con chữ đứng cạnh nhau, nhưng màu sắc liên nhau mà không thể liên hệ theo hình thức bên ngoài. Cái tôi cá nhân tự biểu hiện đã vứt bỏ mọi ràng buộc, đập tan mọi gông cùm bó buộc của lý trí, đạo đức mà chỉ tin vào trực giác, ảo giác, những linh cảm của bản năng. Họ cảm thấy ý nghĩa tồn tại của mình trong cảm giác về thời gian, thiên nhiên về mùa thu, âm thanh và hương vị. Màu sắc trong Thơ Mới ở giai đoạn tượng trưng siêu thực không phải lúc nào cũng sáng sủa vì nó không phát biểu cái sáng sủa của tâm linh, nó giữ phần sâu kín để nói cái vô hình. ■



Hãy thôi phản xét người khác

Sự việc nghệ sĩ M.B bị bắt tại Mỹ không chỉ làm rúng động giới nghệ sĩ Việt mà ngay cả giới truyền thông, công chúng cũng ồn ào không kém.

Mấy ngày qua trên mặt các báo in và báo mạng tràn lan tin tức nóng hổi này. Nhất là báo mạng và các trang thông tin điện tử. Cứ cách vài giờ là tin tức về M.B được cập nhật. Một số tờ báo mạng "lá cải" ra sức khai thác triệt để vụ này. Nhiều tin chẳng có nội dung gì ngoài cái nhan đề kích thích tính tò mò của bạn đọc và vài tấm hình về thông báo M.B bị bắt, nhà tù nơi M.B bị tạm giam...

Một người bạn tôi, là biên tập viên đang công tác tại một tờ báo tại TP.HCM, than thở rằng thực ra báo của anh không muốn đào sâu vụ này mà chỉ định đăng một tin cho "bằng anh bằng chị" với các tờ báo khác. Tuy nhiên công chúng "đòi hỏi" tin này phải hơn thế nữa bên buộc báo của anh phải "đu theo" để đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

Một số tờ báo mạng còn khai thác cả bệnh lý của M.B, phản ứng của người nhà anh, tài chính của anh liệu có đủ để chi cho tiền tại ngoại là 1 triệu USD... Tàn nhẫn hơn, báo chí còn phanh phui chuyện cũ của

anh vào năm 2014. Như trang thông tin điện tử về văn hóa văn nghệ N., họ cho người đến phỏng vấn những nghệ sĩ từng tố cáo anh vào năm 2014 để khoét sâu chuyện này, làm thổi bùng ngọn lửa hiếu kỳ của công chúng, lôi cuốn công chúng đến với trang web của mình nhằm thu hút quảng cáo (trong khi trang thông tin điện tử không được phép xuất bản báo chí).

Công chúng "quan tâm" M.B mọi lúc mọi nơi. Trên mạng xã hội Facebook, Twitter, blog... của người Việt đăng hàng loạt tin này, kèm theo những lời bình luận gay gắt: "*thấy cũng tội mà thôi cũng kệ*"; "*đẹp mặt chưa*"; "*làm nhục quốc thể*"; "*cho chùa cái tội*"; "*xấu người còn xấu nết*"...

Nhiều bạn còn đăng ảnh, tag clip mà đài ABC của Mỹ đưa tin M.B bị bắt kèm theo dòng status: "*Lên cả ABC luôn, nổi tiếng rồi!*". Ngay cả tài khoản Facebook của những nghệ sĩ từng tố cáo M.B nay thừa cơ hội này để khơi gợi để nổi tiếng, câu view, câu like.

Một người bà con tôi hiện đang ở Orange County, tiểu bang California, Mỹ chia sẻ qua Facebook rằng chị và những cư dân người Việt tại đây có biết vụ M.B nhưng biết rồi bỏ qua, không ai mấy may quan tâm vì còn nhiều việc để lo, chứ không ai rảnh rang theo



THÊM NGUYỄN

dôi. Chị còn nói thêm, Facebook của cộng đồng người Việt ở nước ngoài ít ai bàn về chuyện này, xem rồi bỏ qua thôi.

Trong khi một số người Việt ta lại thích “dìm” người khác khi họ phạm lỗi. Chỉ một tuần thôi, lên mạng xã hội, báo mạng, trang thông tin điện tử tràn ngập tin M.B với lời lẽ không tốt. Nhiều diễn đàn hay dòng bình luận trên các trang báo mạng đều “tấn công” M.B bằng những câu nói cay nghiệt.

Câu chuyện tai tiếng này cũng được đưa lên bàn ăn, cà-phê sáng, buổi tán gẫu... của những người thích buôn chuyện. Cũng đã có nhiều bạn trẻ đưa hình nghệ sĩ hài M.B vào trò chơi bóng đá trực tuyến, thông qua việc ghép ảnh.

Báo chí ngoài chức năng cung cấp thông tin chuẩn xác, còn định hướng dư luận. Nhưng thật sự tôi rất thất vọng vì họ đã làm quá vấn đề chỉ vì lợi nhuận, dẫn M.B vào bước đường cùng. Sự việc sâu xa không chỉ dừng lại ở M.B mà còn gia đình anh.

Chúng ta có hiểu rằng mấy ngày qua gia đình M.B mất ăn mất ngủ, tâm trạng lo lắng, hoang mang tột độ. Nhất là mẹ M.B, người phờ phạc như xác không hồn. Một nghệ sĩ hoạt động ở công ty của M.B cho biết,



mẹ anh ta sa sút sức khỏe, tinh thần thấy rõ từ khi hay tin anh bị bắt. Các cháu của anh vì thế cũng mặc cảm khi đi học, bởi bọn bạn trêu ghẹo, hoặc có những ánh mắt xem thường, ái ngại. Thử tưởng tượng, chẳng may chúng ta rơi vào trường hợp đó mà bị dư luận công kích, liệu có đau không?

Còn nhớ đầu tháng 3/2016, nữ ca sĩ H.N.H cũng bị công chúng đả kích kinh khủng khi tay nhiếp ảnh nào đó đã châm ngòi căm ghét bằng cách cho đăng bức ảnh cô cười lúc đi dự đám tang nhạc sĩ Lương Minh. Thực sự không ai hiểu H.N.H đã cười những gì, nhưng một số nhiếp ảnh cho rằng có lẽ cô đang cười xã giao với người hâm mộ (thói quen của các nghệ sĩ), cộng với góc chụp đó, hoặc do động tác cơ miệng “khó hiểu” nên trông nữ ca sĩ này cười tươi như hoa.

Đồng cảm với H.N.H, ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng đã nói “*Cười chưa chắc đã vui, khóc chưa hẳn đau buồn*”. Cũng may, nữ ca sĩ H.N.H có ý chí mạnh mẽ nên vượt qua được tất cả thị phi. Đã có nhiều nghệ sĩ, do không vượt qua những miếng đời cay nghiệt, buộc dẫn đến hành động dại dột.

Nhân vô thập toàn, ai không một lần mắc phải sai phạm trong đời. Nhất là với giới nghệ sĩ, càng nổi tiếng thì công chúng càng đòi hỏi họ phải hoàn hảo hơn.

Trở lại với câu chuyện của nghệ sĩ M.B, có lẽ người ta chỉ “nhớ” đến anh khi anh vướng vào vòng lao lý. Trong khi nhiều năm qua, anh miệt mài đi thiện nguyện, giúp đỡ nhiều nghệ sĩ hài có đất diễn trên sân khấu nhưng báo chí, công chúng chẳng ai quan tâm.

Phải chăng thời đại bây giờ người ta có thói quen cười, sỉ vả, chà đạp trên nỗi đau người khác? Chúng ta đang a dua cho kiểu “tư duy kền kền”, chỉ chờ ai đó có tội là nhào vô miệt thị nặng lời?

M.B có tội, hãy để luật pháp trừng phạt. Chúng ta không có quyền phán xét bất kỳ ai, dù kẻ đó chẳng ra gì. Đừng cố đẩy người khác xuống đáy vực sâu tuyệt vọng trong khi họ đang cần một cánh tay từ tâm đón lấy để họ được làm lại cuộc đời.

Như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã nói trong ca khúc *Để gió cuốn đi*:

Sống trong đời sống cần có một tấm lòng...

Hay nhà Phật thường dạy Phật tử:

“Sống phải biết vị tha”. ■



Gửi thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt

TRÀM THANH TUẤN

Chiều thăm thiền viện,
chuông ngân mười phương.
Rủ niềm tục lụy,
vào cõi vô thường.

Thông lẫn vào sương
Đầm đăm nhựa gỗ
Ngoài trần giông tố
Lối nặng niềm Thiền

Trúc Lâm! Trúc Lâm!
Trút hết muộn phiền
Chân Như ngưng đọng,
Vào lòng cao nguyên.

Thôi về! Đà Lạt
Chuông ngân tiếng Thiền.
Bụi đường lả tả
Nghe đời hồn nhiên.

Mai nở muộn

NGUYỄN SĨ CẨM

Chậu mai khuất xó thêm
Gốc tàn, người lãng quên.
Xuân qua còn nở với
Cùng đời, một cảnh thêm.

Lão ông ngắm mai cười
Người bên hoa ửng tươi.
Trời thương cho thêm tuổi
Việc gì mà hỏ người.

Trên đỉnh Tóc Tiên

NGUYỄN MINH ĐỨC

Sương trắng bông bênh mây núi chan chan
Chân bước đều nhau hàng nhịp nổi hàng
Lom khom leo dốc đường lên văn cảnh
Tóc Tiên chốn ấy ngọa thiền tâm sang...!

Chuông rung cảnh thông chùa am sương sớm
Cỏ đá chen nhau dờn cánh bướm vàng
Lác đác chú tiểu nâng cành gom củi
Nặng lên Tóc Tiên hoang tím ngổ ngàng...!

Bao nỗi lo toan xin gửi lại đời
Người tìm về núi người lánh chơi thôi
Từ đây xe ngựa con đường ở lại
Mặc sức tu tâm thanh văn kiếp người...!

Mình về quê chơi thôi...

Mình về chơi với ánh trăng
Chơi chung bạn cũ dung dăng cuối trời
Ngày xưa ơi hỡi xưa ơi!
Chùa bên tiếng mõ đưa nôi vỗ về
Bà ru mẹ, mẹ ru quê
Tảo tần trưa nắng dầm dề chiều ngâu
Mắt cười xanh mướt bãi dâu
Chấm cò trắng muốt về mau cuối làng
Lao xao đồng lúa mơ vàng
Lũ chim chiến chiến hoà vang tiếng chào
Triền đê vì vút sáo diều
Diết da quê cũ bóng chiều thu phai...
Đại khôn trong một cõi người
Về quê mới thấu một đời đại khôn!

Tôi và chú

VŨ HUẾ

Đều nghe chung một tiếng chuông chùa
Tôi trong làng cũng nghe như chú
Chuông thỉnh lên nghe hết bụi trần
Chú ơi, tôi lại nghĩ ra rằng
Làng đâu chỉ có tôi và chú
Chùa làng ta ba trăm tuổi có rồi
Chuông là “nước” rửa đi trần tục
Ba trăm năm là mấy triệu người
Chính vì thế mà chùa trụ vững
(Mặc gió mưa, mặc bom đạn một thời)
Ba trăm tuổi thời gian đâu phải ít
Tiếng “tử bi” sao mến thế chú ơi.

Đường lên Yên Tử

ĐÀO NGUYỄN LỊCH

Áo tím

TỊNH BÌNH

Hình như... cơn gió nào đi lạc
Nôn nao tia nắng muộn chiều
Chút buồn giăng ngang khung cửa
Lưng chừng nỗi nhớ âm u...
Áo tím đợi người năm trước
Bên xưa nào hẹn tao phùng
Mỗi bận trăng về hiên vắng
Thương ai nhòa lệ rưng rưng...

Đường lên Yên Tử dẫu gian lao
Vượt thác, trèo non có ngại nào
Đến với Cõi tiên nơi tĩnh mịch
Về cùng Phật tổ chốn thanh tao
Mịt mờ sương phủ hòa rừng thẳm
Lồng lộng gió lửa quện núi cao
Đã tới chùa Đồng ngời nét đẹp
Dừng chân lòng bỗng thấy xôn xao.

Ngẫm nghĩ

NGUYỄN TỪ

Một năm lại đến, lại trôi qua
Mây chốc thanh xuân hóa tuổi già
Vui đây buồn đây mang lấy mãi
Một mình ngồi bệnh quán thân ta

Bao nhiêu năm tháng đã trôi đi
Thế cuộc vùn xoay chẳng tiếc gì
Dâu bể chuyển dời luôn vẫn thế
Cuộc đời bốn đoạn để tâm chi

Bài kệ nằm lòng: quán xác thân
Tuổi đời đâu tránh khỏi canh tàn
Thân này bệnh tật sao lìa được
Cõi biệt rồi đây sẽ đến gần

Rồi lại trở về nơi cuộc thế
Khổ đau tám loại vướng mà thôi
Nghệp trần tốt xấu do mình tạo
Luân quần loanh quanh với sự đời.



Chim bay về núi..

BUI QUANG DUNG

Bình minh; những chú chim bay từ núi về, đậu đầy trước hiên nhà. Chúng cất lên tiếng hót lạnh lạnh, trong veo; nghe như tiếng suối, tiếng gió đang chảy tràn trong lồng ngực cô giáo và người dân buôn làng. Một ngày mới đã bắt đầu; những giọt nắng đầu tiên rẽ mây, rẽ lá chiếu xuống mảnh sân chênh vênh.

Cô giáo Hạnh cố nằm thêm, lòng bẽ bộn nghĩ suy mệt mỏi không muốn dậy. Đã mười năm rồi, có bao giờ cô giáo dậy muộn thế này đâu. Đám học trò được bố mẹ dắt đến trường sớm hơn, đứng đầy ngoài sân, ngóng vào bậc cửa. "Ờ hay đi?" câu hỏi ấy cứ vang lên trong trí óc.

Chiếc bậc cửa đã cũ mòn. Phải! Đã mười năm rồi còn gì nữa. Tuprông Nim thở dài. Nhớ hôm đầu tiên cô giáo bụng mang dạ chửa từ xuôi về với buôn làng. Mùa ấy; hoa ban nở trắng rừng, nhà nhà ngô lúa đầy bồ. Tết năm ấy cô giáo trở dạ, phải ở nhờ nhà già làng, nhà Tuprông Nim. Ở gần có con suối, nước lên lưng chừng, bầy chim rừng thi nhau tắm gội bộ lông đủ sắc màu. Cả buôn nghe tin cô giáo sắp đẻ nhốn nháo cả lên; người thì đi gọi bà đỡ, người đi gọi thầy cúng, người nhanh tay mổ con gà, người vội vã đi khâu tã lót, người leo dốc kiếm cây thuốc lành cho cô giáo... Cả buôn đón đứa trẻ ra đời; đứa bé mắt đen lay láy, hai bàn tay nắm chặt, khóc thét lên một tiếng rồi im bặt.

"Uống nước buôn làng Cơ Ho, ăn gạo người Cơ Ho trồng, lớn lên thành người Cơ Ho con nhé!

"Lớn nhanh; tao dạy đi săn con thú, đi bẫy con chim rừng; nhưng phải sống thật bụng, không được làm điều ác".

"Ấy dà! Mắt mày thế này, lớn lên chết gái buôn thôi".

Cô giáo vừa mới lên đến buôn đã đẻ. Dù chưa được học chữ nào nhưng lũ trẻ vẫn quần quýt bên cô, thương đứa trẻ mắt đen lay láy. Chúng giắt giũ, thổi cơm, trông em... cho cô ra suối chải mái tóc dài vương cánh hoa rừng đầu nguồn chảy xuống; vì người lớn bảo chúng phải thương cô không chống, đứa bé không có bố "mồ côi mồ cút".

Sinh con được một tháng cô giáo đã đến lớp. Tuprông Nim cùng thanh niên trong buôn dẫn gỗ làm lớp, trẻ con thì cắt gianh, đàn bà chẻ lạt. Lớp học gần

đồi. Một bên đóng mấy bộ bàn ghế làm bàn học cho lũ trẻ, một bên làm chỗ cho cô giáo ở. Để cô khỏi phải đi con đến lớp, sương núi độc lắm, lại sợ đi không quen cái chân, cái đầu lại nản. Cô giáo mà bỏ về xuôi thì khổ lũ trẻ, khổ cả người già. Báo nhà nước phát về buôn, chỉ nhìn tranh không ai biết đọc, chẳng biết chính phủ nói những gì.

Hạnh đang dạy lũ nhỏ vẽ tranh, tô màu thì Tuprông Nim lách cửa lớp học vào, mặt hầm hầm, quăng con dao phát rẫy xuống:

"Có người tìm cô giáo đấy. Không phải người của buôn".

Hạnh chột dạ; đã mười năm nay ngoài người dân buôn làng ra cô làm gì đi đâu mà quen ai chứ, chẳng lẽ Tuprông Nim lại lừa mình.

"Ai mà thèm lừa cô giáo, người ta bảo lên đón hai mẹ con về nhận con, nhận cháu. Cô giáo mà bỏ đi thì cũng chỉ là người xấu bụng mà thôi".

Hạnh ù tai. Người xuôi lên ư? Đã lâu lắm rồi cô không còn nghĩ mình là người xuôi nữa, chẳng ràng buộc gì với ai cả. Hạnh mồ côi, con Hạnh cũng mồ côi bố, không họ hàng thân thích với ai cả. Thành Phươn lớn lên từ núi rừng, là con của núi rừng này. Không đi đâu hết. Nước mắt Hạnh chảy ròng ròng. Mấy đứa học trò không hiểu chuyện gì, sợ quá bám váy cô; có đứa thấy Hạnh khóc cũng ì ì khóc.

Vừa lúc ấy có người đàn bà lấm ló ngoài hiên lớp, tay vịn vào tà áo, ôm một bọc quần áo và linh kinh đồ đạc đặt cạnh gốc bương lấy nước của lũ học trò. Dù đã mười năm nhưng Hạnh vẫn nhận ra đấy là Nhi, em gái Thuận. Chính là người đã lấy đòn gánh đuổi đánh Hạnh ngã sấp ngã ngửa, khi cô ôm bụng bầu về nhận bố mẹ chồng. Lúc ấy Thuận mới mất, Hạnh nghĩ đến đứa con trong bụng mà "vì cây dây cuốn". Nhưng cả nhà Nhi dựng đứng lên, mắng té tát vào mặt cô:

"Mày ăn nằm với thằng nào, bây giờ nó ruồng rẫy, mày thấy con tao vừa nằm yên dưới mộ, mày vác đến đây ăn vạ à?"

Nhi ngày ấy dữ tợn; còn bây giờ thì trông tiểu tụy quá. Hai hốc mắt trũng sâu, thâm quầng, mặt đầy

tàn nhang, đôi bàn tay gầy gò, nổi những đường gân xanh như vừa qua một trận sốt rét. Dù còn giận nhưng Hạnh thấy thương thương “làm gì mà ra nông nổi này không biết...”.

Hai người đàn bà dắt nhau xuống suối gội đầu. Thành Phươn nghe bọn trẻ con trong buôn bảo “người xuôi lên đón mây” thì lăm lì không nói, không cười, đến bữa giục mãi chẳng chịu ăn. Thấy mẹ và người lạ ra suối nó cũng lén theo ra, trốn trong bụi mần tang cách đó không xa. Hạnh dắt Nhi lội ra giữa suối, làn nước trong veo quần lấy hai bắp chân, mát lạnh. Ánh nắng trưa hè chiếu xuống những viên đá cuội, lấp lánh như sao đêm quang mây. Hạnh vốc nước lên tóc Nhi, mái tóc cũng đã già đi quá nhiều rồi, nghĩ xót xa cho số kiếp đàn bà.

“Sao chồng lại bỏ Nhi đi, mà đi đâu mới được chứ?”

“Đi làm công nhân dưới tỉnh, nghe nói gặp con chủ cửa hàng ngay sát bên cạnh chỗ làm, mới bị chồng bỏ, thế là quần lấy nhau”.

“Không giữ được à?”, Hạnh thở dài.

“Không giữ; mà muốn giữ cũng không được. Nhà chồng em bạc lắm, chửi bới suốt. Con đi kia nó nịnh bợ gì, thấy giàu có thì tối mắt lại, xán vào. Em tui phận bỏ về nhà. Dù gì thì anh Thuận mất rồi, nhà chỉ còn bố mẹ; em về ở cùng, cũng chẳng thiết gì chồng con nữa, nhưng mà buồn lắm Hạnh ạ”.

Hạnh định nói một câu gì cay nghiệt nhưng lại thôi, để mà làm gì nữa, ai cũng đi gần hết nửa cuộc đời, mỗi người một con đường, “âu cũng là cái số”.

Khi hai người đàn bà ngẩng lên ra về, thì đã thấy thành Phươn đứng trước mặt:

“Con không về xuôi đâu, cô đừng có mà dụ dỗ”.

Hạnh quay sang Nhi, bắt gặp ánh mắt tội nghiệp đang cúi gầm xuống đất. Hạnh nhẹ nhàng kéo con vào lòng, chẳng biết phải nói gì. Ấy thế mà chiều đã buông xuống lúc nào không biết nữa. Chiều trên xứ sở heo hút núi rừng này càng thêm ảm đạm. Ba người ngược dốc về nhà thì mặt trời cũng đang trườn xuống núi, nằm cuộn tròn ngủ yên như con rắn lục.

Hạnh đã ngồi hẳn dậy, cũng không thể để lũ học trò ngồi ngoài kia chờ mãi. Đêm qua cả buôn kéo nhau đến ngồi quây quần ở nhà già làng. Để bàn cái việc cô giáo sắp bỏ buôn về miền xuôi rồi, lấy ai dạy con chữ cho người già người trẻ bây giờ. Già làng cho gọi Hạnh đến nhưng cô lại chạy về phía suối ngồi khóc một mình. Cô bỗng nhớ lại cuộc đời mình với cả chuỗi ngày buồn vô định. Sinh ra, lớn lên vốn



đã không còn mẹ; cha thì ốm yếu, nhưng cô vẫn quyết học hành. Vừa học xong trường cao đẳng ở tỉnh mở, cô về nhà giúp bố thu hoạch vụ mùa thì lại đem lòng yêu Thuận, người con trai chăm chỉ, hiền lành, tốt bụng. Đã trót trao cả đời con gái cho người ta rồi mà vẫn chưa một lần ra mắt gia đình. Bố mất rồi ông trời cũng cướp cả Thuận đi bỏ lại Hạnh bụng mang dạ chứa bơ vơ giữa cuộc đời này. Cứ nghĩ đến những ngày đón đau tui nhục, cơ cực ấy cô chỉ muốn chết quách đi chứ nói gì đến việc ôm con về xuôi nữa. Còn ai để mà về, có lẽ cũng phải đưa mộ bố mẹ lên đây thôi. Dù gì thằng Phươn con cô cũng thành con của buôn làng mất rồi.

Ngày đầu khi chuyển công tác về đây, cô toàn ăn nhờ người trong buôn. Đến cả ngọn rau, miếng thịt con nai, con sóc nấu cháo cho con cũng hết nhà này đến nhà khác sai con xách cho. Mùa đói nhất Hạnh cũng đã từng được buôn làng bao bọc. Mà nếu không có những mùa đói ấy chắc gì cô đã yêu cái buôn làng này nhiều đến thế. Năm ấy không có một giọt mưa

nào đổ xuống ruộng đồng. Hạt chưa kịp gieo xuống đất đã thối vì nóng quá. Bao hạt giống gieo khắp cánh đồng mà không một chiếc mầm

nào nhú lên khỏi tầng đất khô cằn, nóng bỏng. Ngô lúa trong bồ cũng đã hết, tháng Ba, tháng Tư năm nào cũng khổ, nhưng năm ấy cái đói dài dài khiến cả buôn buồn như có đám quanh năm. Trẻ con không đến trường nữa, bàn ghế, lớp học trống không. Sáng sáng chỉ có con chim bay vào bậc cửa réo rắt đến náo gan, náo ruột. Hạnh phải đến từng nhà mang học trò về lớp. Rồi nhờ sự hỗ trợ của huyện và sở giáo dục mà mùa đói ấy cũng đã đi qua lâu lắm...

Hạnh cột lại tóc gọn gàng, vén màn cho Nhi và con trai, rồi mở cửa bước ra ngoài. Phía bên ngoài bậc cửa là lũ trẻ; có đứa bố mẹ đánh thức sớm quá, vẫn còn buồn ngủ, nên ngồi ngủ gật. Già làng cũng đến. Tuprông Nim nhìn Hạnh chăm chăm. Phía xa xa thấy bóng một cụ già đang công cháu leo dốc về phía lớp.

"Sao hôm qua cô giáo không đến họp? Xem ra cái bụng cô giáo muốn đi thật rồi!"

Hạnh vẫn im lặng, chạy lại đỡ thằng nhỏ trên vai bà cụ. Làm sao cô có thể dứt bỏ nơi này mà đi được, làm sao mà nói với mọi người rằng hôm nay cô sẽ xuống núi đây. Nhưng còn Nhi, còn thằng Phươn, còn ông bà nội nó thì sao... Đánh kẻ chạy đi chứ ai đánh người chạy lại, dù gì cũng là con cháu người ta. Lúc già người ta muốn được nhìn mặt đứa cháu, chẳng lẽ mình lại...

Tối qua Nhi có than:

"Bố mẹ chắc cũng chẳng sống được bao lâu; ông bà cũng ân hận vì ngày xưa đã đối xử với hai mẹ con chị thế. Nay sắp về thế giới bên kia cũng chỉ mong gặp mặt chị và cháu cho đỡ tui!"

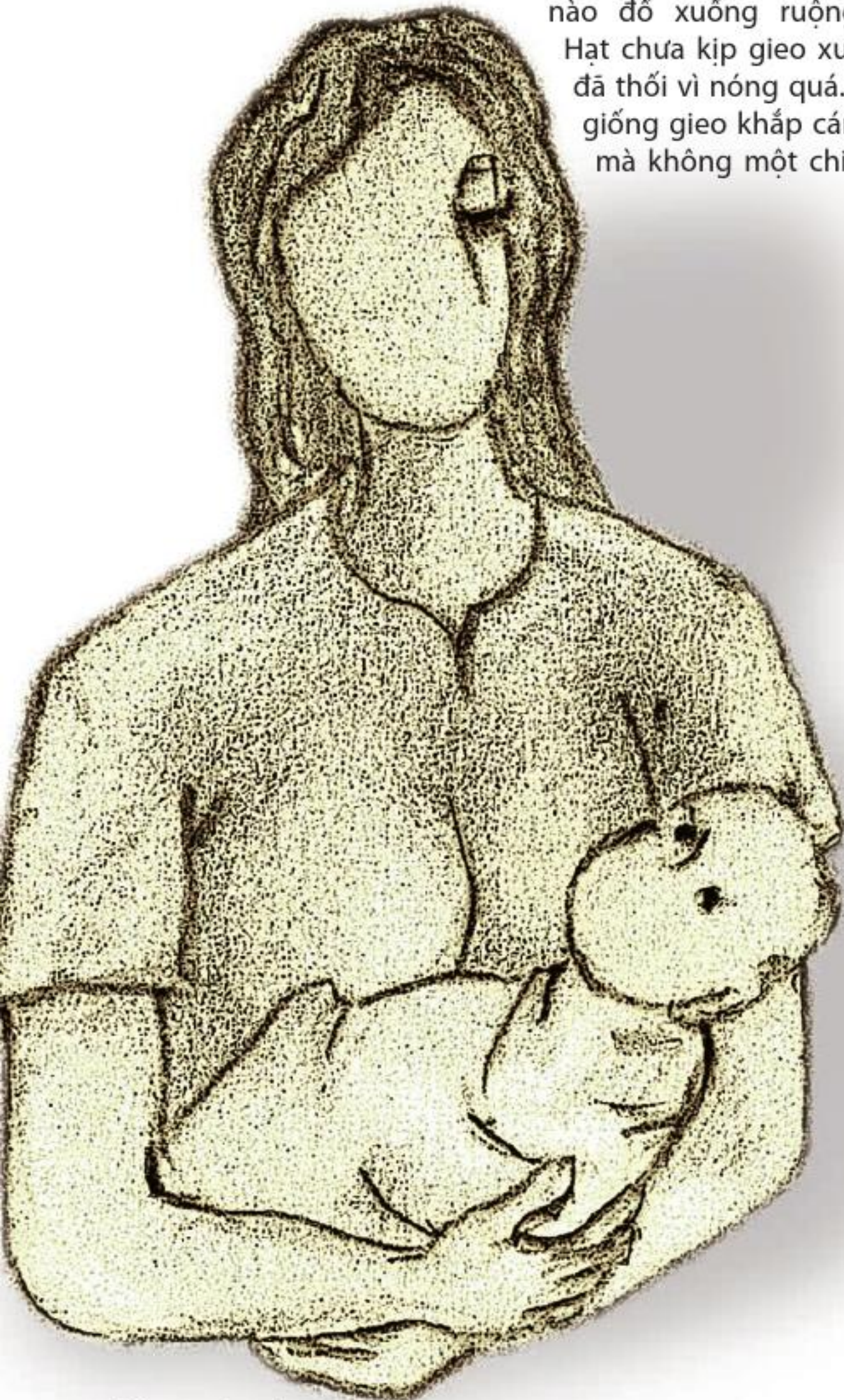
Sao Tuprông Nim cứ nhìn Hạnh thế này; sao mọi người cứ nhìn Hạnh mãi thế... Bỗng từ trong nhà Nhi rũ rượi bước ra:

"Chị Hạnh đừng khổ tâm nhiều, em biết mọi người ở đây đã cứu mang hai mẹ con chị lúc khó khăn nhất. Xem chừng thằng Phươn cũng giống lũ trẻ của buôn làng Cơ Ho rồi, thôi thì... Hay chị cứ đưa cháu về thăm ông bà ít bữa rồi lại lên đây dạy học. Lúc ấy chị đi đâu em cũng không giữ, mà có muốn cũng không giữ nổi!"

Nghe Nhi nói Hạnh chỉ khóc, thằng Phươn đã dậy tự lúc nào cũng ôm cột khóc. Già làng thở dài:

"Thế cô giáo định thế nào, để người dân trong buôn còn biết. Thôi thằng Tuprông Nim còn đứng đấy làm gì, về nhà dọn đàn bà thổi xôi, đàn ông bắt con gà, chặt ống măng làm quà cho cô giáo. Để mấy hôm nữa cô giáo còn biết mùi mà tìm đường lên với buôn làng!"

Con đường xuống núi hôm nay sao mà nặng như ngược dốc thế này. Dù Hạnh không quay lại thì vẫn biết phía sau là tiếng thút thít khóc của mấy đứa học trò, là người già tựa cột nhìn, và chắc chắn Tuprông Nim đang ngồi trên đỉnh núi mà tâm hồn thì đi theo Hạnh mãi. Thằng Phươn túm áo mẹ vừa đi vừa ngoảnh lại. Hạnh cứ thắc thỏm mãi là chưa chào được con chim núi, mỗi bình minh lại bay vào bậc cửa, líu lo gọi con chữ về với buôn làng. ■



Con đường rợp sắc hoa chuông đỏ

BÙI TRƯỜNG TRÍ

Tháng tư về, phố dài thênh thang ngập tràn sắc nắng. Sống ở xứ sở phương Nam này mà muốn cảm nhận cái nắng nồng nàn và rõ rệt nhất là ở tháng tư. Nắng tháng tư nóng hằm hập như muốn nổ tung trên đỉnh đầu. Nắng gay gắt, phủ hàng trăm sợi nắng dính vào người đến nỗi lúc về đến nhà thay áo ra rồi vẫn còn thoang thoang mùi khét nắng. Vòng xe của tôi lại thích lăn tròn đều, muốn đi qua hết mấy tuyến đường của phố vào một ngày đầy nắng. Cái thành phố tưởng chừng nhỏ gọn một nắm tay, thế mà vòng xe tôi cứ loay hoay hoài dưới những cung đường nắng. Thành phố trăm năm hiền hòa nằm bình yên quanh con sông Đồng Nai. Trưa nắng, hướng mắt nhìn ra xa, con sông. Đồng Nai mênh mông dài như dải lụa mềm màu trắng.

Thành phố Biên Hòa không có những con đường rợp bóng cây cổ thụ như ở Sài Gòn hay Hà Nội. Nhưng tôi biết và nhớ có một cây phượng già trên con đường ngày trước có tên là Nguyễn Thái Học. Cây phượng cổ thụ đã biết bao năm rồi mọc ngay trước cổng trụ sở của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, hình như là để hàng năm loan báo tin mùa hạ đến rồi mùa hè tan. Tôi đã nhiều lần đứng trốn nắng tháng tư dưới tán phượng chìa cánh rộng. Hoa phượng xòe cánh đủ rộng, thế mà cũng không che chắn nổi muôn ngàn giọt nắng nóng xuyên qua kẽ lá rơi xuống nền đường bỏng rát. Đứng dưới gốc phượng ngẩng đầu nhìn lên cao, tôi thấy chùm hoa chỉ mới là những tím nụ đỏ. Tôi chợt nghe có tiếng ve kêu như để râm ran đánh thức giao mùa. Giữa thành phố xô bồ xe bụi, chợt nín thở lắng nghe tiếng ve trong trẻo ban trưa mới thấy lòng nhẹ lâng, bớt đi chút hanh hao nắng bám gầy thân xác. Nhưng buồn thay, từ khi con đường

Nguyễn Thái Học được đổi tên thành đường Nguyễn Văn Trị thì cây phượng già cỗi cổ ngày nào không hiểu có tội tình gì đã bị người ta chặt bật ngọn, bứng tận gốc rồi còn đâu. Vòng xe tôi giờ qua con đường ấy, tiếc nuối cho một bóng cây. Vắng bóng cây phượng thì tôi đâu còn nín thở để đợi chờ một tiếng ve nữa làm gì. Khoảng trống gốc phượng hiện giờ chỉ còn là vũng nắng gay gắt mà thôi.

Tôi lại băng ngang qua đường Cách Mạng Tháng Tám. Hai bên vỉa hè của con đường này, bắt đầu từ ngã tư Bửu Long kéo dài đến Mũi Tàu, là một dãy sắc hoa đỏ chót liên tiếp nối dài xa tít tắp. Một người bạn nói với tôi đó là cây hoa chuông đỏ. Lần ấy nghe bạn nói tên cây, tôi quá đỗi ngạc nhiên. Tôi tự trách mình sao không bao giờ để ý rằng ở thành phố Biên Hòa lại có một con đường dài trồng duy nhất một loài cây hoa chuông đỏ. Loài hoa chỉ cần đợi mùa nắng tháng tư về để cùng rủ nhau bung khoe sắc màu thắm đỏ như những đốm lửa gọi hè. Tôi không biết hàng cây hoa chuông đỏ dọc hai bên vỉa hè con đường này được trồng tự bao giờ để cho tôi mỗi lần đi ngang qua đều phải nán lại đứng nhìn chuỗi sắc đỏ song song, kéo dài xa xa.

Con đường Cách Mạng Tháng Tám sắp tới sẽ mọc lên nhiều nhà cao tầng của dự án Cải tạo Cảnh quan và Phát triển Đô thị ven sông Đồng Nai. Không biết số phận của những cây hoa chuông đỏ sẽ ra sao? Chúng có bị người ta chặt bỏ hay bứng gốc dời đi nơi khác không? Tôi đã một lần tiếc nuối cho bóng cây phượng già, chẳng lẽ lại phải thêm lần nữa đứng thẫn thối tiếc nuối cho cung đường sắc màu đỏ thắm như những đốm lửa giữa ban trưa của hàng cây chuông đỏ? ■

Tra unfolded h

NGUYỄN VĂN ĐÓN



Sao hai cha con anh phải kỳ cù vuốt vuốt, dán dán vát và làm vậy? Điều vải bán sẵn chỉ mười nghìn một con”.

Nghe vợ nói vậy, anh ngược lên khẽ cười, rồi đáp:

“Anh đang trả nợ tuổi thơ, em ạ”.

Vợ anh thoáng chút ngạc nhiên. Dường như cô không hiểu ẩn ý trong câu nói của chồng mình nhưng rồi cũng không hỏi gì thêm. Cô chỉ khẽ mỉm cười lại với anh, xoa đầu cậu con trai nhỏ rồi quay vô bếp chuẩn bị nấu cơm chiều.

Công trình “trả nợ tuổi thơ” của hai cha con anh cũng sắp hoàn thành rồi. Một con diều quạ với đầy đủ mỏ, đuôi đã thành hình; chỉ còn phải cân chỉnh lại dây lèo và cho bay thử nữa là xong. Ngoài kia, cái nắng tháng Tư đang dịu dần vào chiều. Gió lùa vào hiên nhà, thổi tung những lọn tóc mềm mượt của con như đang thổi lên trong anh một niềm vui, một sự háo hức xen lẫn hồi hộp khôn xiết.

“Xong rồi. Ta cho diều bay thử con nhé”.

“Dạ”.

Con anh mừng rỡ cầm lấy con diều rồi nhảy chân sáo theo anh ra con đường đất đỏ trước nhà.

Vốn là chiều qua, khi vừa đi làm về đến ngõ, anh thấy con đang đứng ngẩn ngơ nhìn lên bầu trời trước sân. Tò mò anh nhìn theo.

“Ô diều!”, Anh khẽ thốt lên.

Trước mắt anh, trên cao kia là những con diều vải “ba đuôi” với đủ loại màu sắc sặc sỡ đang chao lượn trên nền trời xanh dịu dịu. Anh nhìn vào mắt con. Chao ôi! Cái ánh mắt ngẩn ngơ, ao ước kia sao mà quen thuộc đến thế. Bất chợt cả một vùng ký ức tuổi thơ như sống dậy trong anh.

“Con có thích thả diều không?”- Anh hỏi con.

“Dạ thích”. Cu cậu trả lời ngay tắp lự.

“Được rồi. Mai là thứ bảy, ba và con sẽ cùng làm một con diều thật đặc biệt. Thế nhé”. Anh nói với con mà giọng bỗng trở nên xa xăm lạ thường.

Sáng nay anh dậy sớm hơn thường khi. Anh ra vườn lựa trong bó tầm vông phơi nắng đã lâu một khúc thật suôn, thật già và thật khô để chẻ nhỏ vuốt nan diều. Giấy báo cũ, hồ dán đã có sẵn; anh chạy ù ra chợ mua thêm dây dù, thế là đã đầy đủ nguyên liệu. Con trai ăn sáng vừa xong là hai cha con bắt tay ngay vào công việc. Vừa làm anh vừa hướng dẫn con từng bước một cách thật tỉ mỉ. Tất nhiên, đêm qua anh đã lên mạng

tra *gu-gồ* cách thức làm điều quạ thật kỳ rồi. Ôi giá như ngày xưa cũng có *in-tơ-nét* thì tốt biết mấy.

Ngày xưa ở quê, nhà anh nghèo lắm. Cha mẹ anh quanh năm suốt tháng “đầu tắt mặt tối” ngoài đồng nên ít quan tâm tới những niềm vui nho nhỏ của con trẻ. Tất nhiên trẻ quê ngày ấy chỉ lấy những trò chơi dân dã như đánh khăng, đánh đáo, thả điều... làm vui thôi; mùa nào thức ấy. Trong khi đám bạn cùng trang lứa thường được anh chị hay cha mẹ làm đồ chơi cho thì anh luôn phải tự mày mò làm lấy vì anh là con đầu lòng. Lụi cụi tự làm tuy rất khó khăn và mất thời gian nhưng vốn có sẵn chút sáng dạ cộng với tính nhẫn nại cao nên món gì anh cũng làm được. Duy chỉ một con điều giấy hình trăng lưỡi liềm, hay còn gọi là điều quạ thì anh vẫn còn mãi mắc nợ tuổi thơ mình.

Làm điều quạ là một công việc rất khó khăn ngay cả với người lớn chứ đừng nói gì tới một đứa trẻ mới lên năm, lên bảy và mới chỉ được nhìn sơ qua “nguyên mẫu” như anh lúc đó. Công việc đó đòi hỏi một sự tỉ mỉ, khéo léo và chính xác cao ngay từ khâu vuốt nan cho tới khâu buộc dây lèo và dán giấy. Mặc dù đã thử làm rất nhiều lần nhưng những con “điều quạ tuổi thơ” của anh vẫn không được cân xứng nên khi thả luôn bị quay chong chóng rồi cắm mỏ xuống đất. Cứ mỗi lần thất bại như thế, anh buộc phải bằng lòng với việc chạy thả loại “điều con cóc” làm vui. Loại điều này làm rất đơn giản; chỉ cần gấp hai đầu của tờ giấy hình chữ nhật lại, khoét lỗ ở hai góc mép rồi xỏ chỉ vào cột lèo, dán thêm một cái đuôi thật dài phía sau nữa là xong. Trăm con “điều con cóc” loại này đều bay ngon lành, nhưng chỉ có điều là nó bay thấp tẹt, và nếu gió lớn một chút là bị “rách môi” liền, coi như xong. Ngày ấy, đứa nào có được một con điều quạ để thả là cả một niềm sung sướng lớn bên cạnh sự ganh tỵ, ao ước và thèm thuồng của đám bạn quê cùng trang lứa.

Có một kỷ niệm anh không bao giờ quên. Đó là vào một chiều kia; có một con điều quạ ai đó thả bị đứt dây không biết từ đâu bay lại, là là trước mặt anh. Chao ôi, với anh lúc đó, nó đúng là một món quà vô giá từ trên trời rơi xuống. Con điều mới to lớn làm sao. Anh đưa tay nắm lấy sợi dây, nó là loại dây cước cỡ lớn chứ đâu như sợi chỉ khâu nhỏ xíu mà anh len lén lấy của mẹ để thả điều “con cóc” đâu. Con điều được níu lại, căng gió bay lên vùn vụt. Sợi dây căng trĩu xuống tay anh, trong khi tâm hồn anh thì vui sướng ngất ngây như chính mình đang bay chứ không phải con điều trên cao kia. Thế nhưng “niềm vui ngắn chẳng tày gang”. Trong khi anh đang “ngất ngây” như thế thì có một đứa trẻ cỡ trạc tuổi anh, mặt mũi nhễ nhại mồ hôi, hớt hơ hớt hải chạy lại.

“Mày cho tao xin lại con điều con điều đi. Tao ở làng bên, thả nó bị đứt dây bay qua đây”. Nó vừa nói vừa thở không ra hơi.

Thú thực, lúc đó anh đã phải “đấu tranh nội tâm” dữ



lắm. Anh muốn cãi phăng đi, “Điều nào của mày? Mà cho dù là của mày đi nữa nhưng tao bắt được thì nó phải là của tao chứ. Tao không trả đấy thì mày làm gì tao!”. Nghĩ là vậy nhưng nhìn vào ánh mắt van lơn của thằng nhỏ, rồi nghĩ tới việc cha anh mà biết anh ngang ngược vậy là cái mông anh ăn “no roi” ngay, thì anh đành trao sợi dây trong tay cho nó mà lòng thì luyến tiếc và hụt hẫng vô bờ bến. Nhìn thằng nhỏ thu dây rồi cầm con điều chạy vụt đi, bóng hút dần trong ánh chiều buông mà hai khóe mắt anh đã rơm rớm tự bao giờ. Cái sự hụt hẫng đó rất lâu về sau, thỉnh thoảng vẫn còn len lỏi vào trong cả những giấc mơ của anh và chỉ chịu ngu yên khi tuổi thơ của anh không còn nữa.

Việc thả thử đã thành công mỹ mãn, anh liền xách xe chở con ra sân bóng của xã, chỉ có nơi đây mới đủ khoảng trống cho điều bay cao. Mùa khô ở miền Đông Nam Bộ tuy rất nắng nhưng vẫn có gió. Chiều về, khi cái nắng dịu đi chính là điều kiện lý tưởng cho việc thả điều. Lúc này ở sân bóng đã nhộn nhịp lắm rồi; trẻ lớn, trẻ nhỏ đủ cả. Anh để ý thấy cũng có không ít những bậc làm cha làm mẹ như anh dắt theo con theo theo và hướng dẫn chúng thả điều, tiếng cười nói ríu rít rộn cả chiều quê.

“Ba ơi thích quá! Nó lên rồi kìa”. Con anh reo lên.

Điều quạ là loại đựng gió tốt nên con anh chỉ cần buông tay, giật giật sợi dây vài cái là nó lên ào ào. Nhìn con điều giấy như vành trăng khuyết đang chao lượn trên bầu trời bên cạnh rất nhiều loại điều vải bán sẵn, trông nó thật đặc biệt; rồi nhìn vào niềm vui đang ngời lên long lanh trong mắt con, mắt anh lại chợt rơm rớm, nhưng là cái rơm rớm của một niềm hạnh phúc vô bờ bến. Vậy là anh đã trả nợ được tuổi thơ của mình.

Vuốt tre uốn lại cánh điều

Cho con thả mắt lên chiều quê hương.

Lẩn trong tiếng gió thổi xào xạc trên vòm lá cây xà cừ của một nhà dân trồng cạnh sân bóng nghiêng tràn sang chỗ cha con anh đang đứng, có tiếng anh hát lên khe khẽ. ■



Sự huyền diệu của Phật pháp

NGUYỄN BÔNG

Duyên lành tôi được theo chư vị tôn đức tham gia trong việc hộ trì Phật pháp từ năm 1989-1999 (Tổ In ấn Thành hội) và quy y với Hòa thượng thượng Giác hạ Quang, hành trì theo pháp môn “*Thiền Tịnh song tu*” của ngài Tổ sư Nguyên Thiều. Sau khi về hưu, vâng theo lời dạy của Sư phụ, tôi xin cộng tác với tờ báo đạo để mong góp phần công đức.

Tôi xin vào làm việc tại một tạp chí Phật học. Được Ban Biên tập và anh chị em trong tòa soạn tin tưởng, tôi được giao nhiệm vụ trợ lý Trị sự kiêm phụ trách phòng Quảng cáo. Công việc của tôi được suôn sẻ, đạt một số thành công. Trang quảng cáo của tạp chí ngày càng phong phú, số phát hành cũng tăng, tạo được nguồn thu nhập đáng kể.

Đam mê công việc, tôi thiếu phần nghỉ dưỡng nên cái thân vô thường yếu dần với thời gian mà tôi không

hay! Đến một ngày, vì muốn đáp ứng thời gian hoàn thành ba bài báo PR của chùa và nhà hàng chay, chiều thứ Ba tôi viết hoàn chỉnh một bài, đến buổi tối một bài và sáng sớm hôm sau viết tiếp một bài. Sau khi nộp bài cho tòa soạn, tôi cảm thấy trong người choáng mệt, đầu xe không nổi và khi về đến nhà, tôi cảm thấy sức khỏe yếu dần, đầu tôi đau buốt bên trái, con tôi đưa đến phòng cấp cứu ở Bệnh viện 115.

Tại đây, tôi nằm gần hai giờ mới có bác sĩ đến xem bệnh, chụp CT, rồi lại nằm chờ, chứng kiến cảnh người bị tai nạn, bị bệnh hiểm nghèo; rồi họ qua đời hoặc bị bác sĩ chê, vô ra liên tục; tôi có phần bị kích xúc nên quyết định ra về. Hôm sau, tôi đến khám bệnh tại phòng mạch Tiến sĩ Bác sĩ Nguyễn Huy Thắng; bác sĩ cho biết tôi bị tai biến mạch máu não, cần chụp MRI để xác định rõ hơn sự tổn thương và kết quả phim cho thấy, tôi bị đứt ba tia máu ở đầu.



Bác sĩ cho hay chỉ cần đứt một tia máu là phải nằm liệt một chỗ, nên dặn tôi phải hạn chế đi lại. Nhưng hai ngày sau, bệnh tôi mới phát tác nặng: tay và chân phải bị co rút lên, miệng méo, lưỡi tụt rất khó phát âm và mắt chỉ còn nhìn thấy lơ mờ... thân thể không di chuyển được. Nhưng trong tâm thức của tôi vẫn minh mẫn, an nhiên lạ thường, không cảm thấy bị quan mà chỉ thầm nghĩ phải chăng đã đến lúc nghiệp quả mình phải trả.

Ban đêm tôi bị bệnh hành. Nhưng không vì thế mà tôi chịu đầu hàng bệnh tật, quyết chí phải vượt qua.

Trước tiên tôi tập trung tư tưởng vào đề mục quán: *"Quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, quán thọ thị khổ"*.

Tiếp theo, mật niệm thánh danh Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn - cho đến khi mệt thiếp đi và ngày cũng như đêm tôi liên tục mật niệm thánh danh các Ngài để cầu tha lực gia hộ, tôi nghĩ nếu có chết thì cận tử nghiệp cũng thuần thiện.

BS.Huy Thắng chẩn bệnh cho biết, bệnh của tôi muốn điều trị lành - nhanh cũng phải mất khoảng sáu tháng hoặc lâu hơn, chưa kể bị di chứng của cục máu đông. Phương pháp điều trị Tây y: khám định kỳ và uống thuốc thường xuyên kết hợp với Đông y do Thạc sĩ Bác sĩ Ngọc Tuyền ở Viện Y học Dân tộc: châm cứu, xung điện và thoa ngải cứu.

Sau khi điều trị hơn một tuần, tay chân tôi có thể rạch, nhưng tay và chân phải vẫn còn bị co rút, miệng vẫn méo và nói ngọng nặng. Tôi tự vạch chương trình cho mình một ngày mới với trình tự: Sáng sớm ngồi thiền (ngồi trên ghế để thông hai chân) - niệm Phật - điều trị với bác sĩ. Sau 15 ngày tôi có thể dịch chuyển bằng chân trái, nên hướng đến việc tụng kinh và chọn cuốn *Thủ Lăng Nghiêm* của dịch giả Tâm Minh (lâu nay chỉ để thờ). Buổi tụng kinh đầu tiên bị chướng ngại: Sau khi xong phần nghi thức khai kinh (thuộc lòng), đến khi chuyển sang tụng phần chánh kinh, mắt tôi lòa đi. Ôi thôi! Tôi không thấy chữ, trước mắt tôi là trang kinh trắng, chữ biến đâu mất!

Không nản chí, hôm sau tôi tiếp tục mở kinh ra và rất vui khi tụng được ba dòng, rồi mắt cũng bị lòa. Tôi kiên trì tụng kinh vào những ngày kế tiếp, dần dần mắt thấy được thêm một số dòng chữ; hơn một tuần là tôi tụng được một trang.

Sự huyền diệu của Phật pháp, ngày kế tiếp của tuần thứ hai tôi tụng được hai trang; sau bốn tuần là mắt ở trạng thái bình thường. Song hành, tôi luyện tập theo phương pháp *"Vẩy tay Đạt-ma Dịch căn kinh"*. Nhờ vậy nên sức khỏe tôi hồi phục khá nhanh. Bác sĩ điều trị cũng phải ngạc nhiên.

Khoảng hơn hai tháng rưỡi, tôi phục hồi các chức năng và tiến tới sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên, vẫn cảm thấy bị đau đầu, bác sĩ bảo tôi đang bị di chứng cục máu đông có khả năng phải mổ.

Tôi nguyện cầu chư Phật và Bồ-tát Quán Thế Âm xin được cứu giúp! Lòng thành cảm ứng; khoảng nửa tháng sau, máu đông tan và chảy dần xuống theo đường cột sống rồi xuất ra theo đường tiết niệu...

Mong rằng quý thiện hữu trong cuộc sống hàng ngày cần quan tâm đến phần tâm linh của mình và khuyến tấn người thân và huynh đệ cùng nhau tu học theo phương thức *"Đời - Đạo song tu"*, để nhờ khi tai ương, bệnh tật bất ngờ ập đến, ta mới kịp thời đối trị và không bị lụy.

Tham Sân Si sẽ không có đất phát khởi, khi quý thiện hữu luôn thực hành theo *"Tứ vô lượng tâm"* và tinh thần lúc nào cũng an vui, sống khỏe, tinh tấn tu hành trong ánh từ quang của chư Phật và Bồ-tát.

Sau khi vượt qua bệnh tật ngặt nghèo, tưởng như mất lòa, tai điếc, nói ngọng, chân tay co rút - nay tôi đã trở lại bình thường trong sinh hoạt và công việc. Tôi vô cùng cảm tạ hồng ân của Đức Phật và chư vị Bồ-tát, đội ơn chư vị Thầy Tổ đã chỉ dạy cho phương pháp tu hành.

Nhân *Diễn đàn Phật học Vườn Tâm* (Hộp thư Vườn Tâm, Bưu điện Trung tâm thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; liên lạc trực tuyến qua trang www.vuontam.net) có tổ chức cuộc thi *"Vượt qua nghịch cảnh"* tôi xin gửi bài dự thi với mong muốn tặng thêm phần tín tâm cho quý vị thiện hữu gần xa trong tu tập. ■

Năm con khỉ mạn đàm về chuyện Tôn Ngộ Không



Trong kinh sách đạo Phật người ta thường nhắc đến cụm từ tuyệt vời **BI-TRÍ-DŨNG**; trong mạn đàm của bài này tôi xin phép được bổ sung thêm hai từ ngữ nữa là **DỤC** và **NHẪN**.

Sở dĩ tôi muốn đề cập thêm hai chữ *dục* và *nhẫn*, bởi vì nó có liên quan đến câu chuyện *Tây du ký* của tác giả Ngô Thừa Ân về thầy trò Đường Tăng sang Tây Trúc thỉnh kinh (truyện dã sử) gồm các nhân vật: Tam Tạng, Tôn Ngộ Không, Trư Ngộ Năng, Sa Ngộ Tĩnh và một con ngựa trắng.

Mỗi khi nói đến Tam Tạng, người ta thường nghĩ đến một vị Hòa thượng khả kính, thể hiện qua đức tính: uyên thâm Phật pháp, hiền lành, tốt bụng, thương yêu mọi người không may gặp hoạn nạn, đói khổ và bệnh tật... Từ sự từ bi đó, nên chữ *Bi* lại thường được dịp xuất hiện. Khi gặp cảnh bất công, nghiệt ngã, ngang trái thì Tam Tạng chỉ biết dốc hết lòng thương yêu, muốn cứu khổ, ban vui cho sanh chúng. Nhưng vì là người phàm, xác tục nên khó phân biệt được thiện ác, gian dối của người đời, hay sự ranh ma, quỷ quái của loài yêu tinh... Vì vậy, Tam Tạng đã bao phen làm khổ cho Tôn Ngộ Không phải đỡ sống, đỡ chết vì sự thiếu sáng suốt của mình. Bởi vậy, chữ *Bi* cần phải đi đôi với chữ *Trí*, để một khi giải quyết bất cứ một việc gì, dù lớn hay nhỏ, ta cần phải cân nhắc, không nên nhẹ dạ cả tin; mà đặc biệt là những lời ngon, tiếng ngọt mê lầm sa vào chàm bẫy của kẻ gian ác, hiểm độc... Tuy nhiên, Tam Tạng với sự nhẫn nại và lập trường kiên định của mình, nên việc thỉnh kinh cũng đã viên mãn; tựu trung là nhờ vào đức *Nhẫn* vậy.

Nhắc đến Tôn Ngộ Không (hay còn gọi là Tôn Hành Giả), luôn được mọi người cảm mến khí phách, trí tuệ cùng sự uy dũng của ông ta. Đã không biết bao lần tuy bị sư phụ Tam Tạng la mắng, quở trách, do cố chấp và hiểu lầm nên hành hạ không thương tiếc Tôn Ngộ Không; như đã niệm thần chú kim-cô làm cho Tôn Ngộ Không phải chịu muôn ngàn đau đớn đến đỉnh tai, nhức óc và khổ đến thấu tận xương tủy, nhưng sư phụ Tam Tạng không mảy may xót thương, còn xua đuổi! Ông đành phải trở về động Hoa Quả Sơn. Từ khi không có Tôn Ngộ Không, Đoàn thỉnh kinh liên tiếp gặp nạn tai. Thế mới biết ai là người bảo vệ an toàn cho cuộc hành trình đi thỉnh kinh? Thử hỏi, lúc đó Trư Ngộ Năng, Sa Ngộ Tĩnh có đủ lực và mưu trí để cứu sư phụ Tam Tạng gặp nạn

hay chẳng? Ôi, biết bao khổ đau mà Tôn Ngộ Không phải gánh chịu. Thương quá là thương! Đúng là một bậc *đại trí* và *đại dũng* đã nằm trọn vẹn trong con người của Tôn Hành Giả. *Đại trí* là khi bị Thiên tướng nhà Trời, Dương Tiễn rượt đuổi, ông đã biến thành cột phước phía sau đình và khi Dương Tiễn phát hiện được thì ông đã vọt mất rồi, hay khi bị Thái Thượng Lão Quân bắt ông nhốt trong lò bát quái, lẽ ra ông bị đốt cháy ra tro, nhưng ông đã mưu trí lánh thân vào cung Tốn, là nơi có gió thổi nên khi lửa vừa tấp đến thì bị gió tạt ra ngoài; vì vậy ông không hề bị lửa thiêu đốt. Đó không phải là *đại trí* hay sao? Nhiều lần dũng cảm và mưu trí đánh dẹp biết bao trận với yêu tinh để cứu sư phụ Tam Tạng. Nói như vậy, không có nghĩa là ông không có lòng thương người, mà thương thì phải đúng người, đúng cảnh ngộ cần thiết mà thôi. Ví như, khi đến một ngôi làng bị hạn hán (lâu ngày không có mưa), ông đã vội vã đi tìm long vương và thần mưa, để nhờ sự giúp đỡ và dân làng được một trận mưa lớn kéo dài với đầy nước sử dụng, v.v... đó có phải là đức từ bi hay không?

Nói đến Sa Ngộ Tĩnh, tức Thủy Liêm tướng quân, một người có sức mạnh vô song; hành trình muôn vạn dặm đi thỉnh kinh, nhờ sức khỏe dẻo dai, vừa có sức chịu đựng bền bỉ để gánh hành lý cho cả đoàn thỉnh kinh, chẳng phải ông vừa có *Dũng* mà cũng đầy đủ sự *Nhẫn* hay sao! Mỗi khi gặp phải yêu tinh, quỷ quái, ông cùng Tôn Ngộ Không xông pha đánh trận, không nề gian lao và nguy hiểm.

Đến đây, chúng ta hãy xem có một người cũng rất khỏe, mà thiếu *dũng* là Trư Ngộ Năng. Lão Trư thì bất kỳ điều gì cũng thích, cũng ham muốn, có phải là *đại Dục* hay không? Đi một lát là phải ăn, phải ngủ, lánh nặng tìm nhẹ; đến nơi nào có phụ nữ đẹp là anh ta rất mê thích, thậm chí có lúc muốn ở lại làm rể nơi này hoặc nơi khác. Lão Trư thì gần như có *trí*, có *dũng*, có *nhẫn* nhưng đã bị che lấp vì dục vọng quá lớn, chỉ muốn hưởng thụ cho bản thân mà quên đi cuộc hành trình còn đầy đầy gian lao, cực nhọc, phải chăng chỉ có *đại dục* mà thôi!

Cuối cùng là con ngựa trắng, nguyên là một đệ tam Thái tử Long cung, vì phạm luật Thiên đình, nên bị đày làm kiếp bạch mã để đỡ chân cho Tam Tạng muôn ngàn dặm, thật là vất vả, phải đói khát; đã có lúc xuất thần cứu sư phụ đang bị yêu tinh biến thành hổ, không may bị đâm vào thân hoặc khi đi ngang qua hỏa diệm sơn bị cháy cả lông. Ôi, thật là đáng thương, rất tội nghiệp. Nhưng chú ngựa trắng chỉ biết âm thầm chịu đựng, chẳng than, chẳng nói nên lời. Đó có phải là *đại nhẫn* hay không!

Tóm lại, phàm làm người cần phải có những đức tính vô cùng quan trọng và cần phải phát huy ngày càng rộng rãi hơn. Đó là **BI-TRÍ-DŨNG-NHẪN** và tiết **DỤC**. Ở đây, có phải nhân vật Tam Tạng là đại diện cho chữ *Bi* (từ bi), Tôn Ngộ Không đại diện cho chữ *Trí* (trí tuệ), Sa Ngộ Tĩnh đại diện cho chữ *DŨNG* (đại hùng, đại lực), Trư Ngộ Năng tiêu biểu cho chữ *DỤC* (đam mê, ham muốn) và bạch mã Hoàng tử đã thoát lên mình bằng chữ *NHẪN* (kiên nhẫn, nhẫn nại).

Đến đây, chúng ta cần nhân rộng ra cho mọi người cùng hiểu biết để có một lối sống lành mạnh và tốt đẹp. Tuy rằng tánh đam mê là cần thiết, là khởi điểm để làm nên một công trình có giá trị nhất định, nhưng chúng ta cũng cần phải biết tiết chế và cũng đừng vì lòng ham muốn hay sự đam mê đó (tham-sân-si) mà gây nên nghiệp vì đã tạo sự đau khổ cho người khác.

Thiết nghĩ, chúng ta cần phải thường xuyên học tập về nhiều lĩnh vực mà thiết yếu là *văn hóa* và *đạo đức* để có kiến thức sâu rộng và trải nghiệm trong cuộc sống. Chúng ta cần phải dũng cảm, mạnh mẽ và quyết đoán hoặc có lúc uyển chuyển, mềm mỏng, tâm lý khi cần thiết và cũng cần phát triển lòng nhân ái nhiều hơn nữa, bên cạnh sự trau dồi và rèn luyện đức tính khiêm nhẫn, ắt sẽ gặt hái được sự thành công, niềm hạnh phúc cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội; tất nhiên sẽ đem lại nền hòa bình cho nhân loại toàn cầu.

Tệ-sỹ Nguyễn Hữu Nhơn

Trao giải cuộc thi viết “VƯỢT QUA NGHỊCH CẢNH”

Pháp Tuệ - Tâm Cao



Đại-đức Thích Giác Nhường, Trưởng ban tổ chức cuộc thi trao giải cho các tác giả

Sáng ngày 26-3-2016 (nhằm ngày 18-2 Bính Thân), tại Nhà hàng chay *Here and now* ở đường Nguyễn Công Hoan, Q.Phú Nhuận, TP.HCM; Ban tổ chức cuộc thi **Vượt qua nghịch cảnh** đã tổ chức lễ trao giải cho các tác giả đoạt giải. Tham dự buổi lễ có các vị khách quý, các tác giả đoạt giải cùng các thân hữu và bạn bè.

Mở đầu buổi lễ, Đại đức Thích Giác Nhường, Chủ biên **Diễn đàn Phật học Vườn Tâm**, Trưởng ban Tổ chức cuộc thi **Vượt qua nghịch cảnh** phát biểu: "... Mỗi người sinh ra trong đời đều mang theo mình những nghiệp tính khác nhau, hoặc tính tốt hoặc tính xấu. Đối với Phật giáo, chân lý cuộc sống được biểu hiện qua các hiện tượng sanh, lão, bệnh, tử, trong từng hiện tượng đó đều mang theo những tính chất hạnh phúc và khổ đau, những đặc tính đều do yếu tố khách quan, môi trường, xã hội và cả yếu tố chủ quan trong chính nội tâm gây ra... Để tôn vinh những tấm gương nghị lực, chia sẻ những câu chuyện, cuộc đời đã chiến thắng chướng duyên, nghịch cảnh, **Diễn đàn Phật học Vườn Tâm** đã tổ chức cuộc thi **Vượt qua nghịch cảnh** từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2015. Hoan hỷ thay, Ban Tổ chức đã nhận được rất nhiều bài dự thi chia sẻ, tâm sự về những câu chuyện có thật mà các tác giả đã và đang vượt qua nghịch cảnh của chính mình. Với 182 bài viết của 144 tác giả gửi dự thi, là bấy nhiêu tấm gương nghị lực. Là câu chuyện của người khuyết tật về thể chất hay gặp phải biến cố, tai nạn trong cuộc sống đã lấy đi sức khỏe của một người bình thường nhưng

họ vẫn kiên trì đạt được thành tích trong lao động, học tập; là những con người hiền hòa, chân thật khát khao vươn lên, thực hiện ước mơ của mình; là em sinh viên, học sinh với chưa chín chắn, sự trải nghiệm và tuổi đời chưa đủ lớn để ứng xử trong những tình huống éo le trong cuộc sống; là sự thú nhận về sự thật giới tính, những sai lầm trong tình yêu của tuổi trẻ,... Tất cả họ, đã vượt qua những khó khăn, đau khổ tột cùng mà đối diện, chấp nhận thực tại, khám phá được giá trị bản thân, tìm thấy ý nghĩa cuộc sống bằng tư duy tích cực và ý chí mạnh mẽ...".

Ban Giám khảo cuộc thi gồm có quý vị: Tiến sĩ Nguyễn Cần, Thạc sĩ Đại đức Thích Quảng Kiến và Thạc sĩ Lê Thọ

Quốc. Kết quả bình chọn được 35 bài đề vào vòng chung kết và đăng thành sách. Với kết quả chung kết, đoạt giải như sau:

- **Giải nhất:** Bài viết "Vượt qua nghịch cảnh" tác giả Trần Minh Hạnh.

- **Đồng giải nhì:** Hai bài viết "Sa ngã" tác giả Nguyễn Đỗ Vĩnh Phong - "Nghịch cảnh cũng có thể là châu báu" tác giả Nguyễn Thị Bích Nhân.

- **Đồng giải ba:** Ba bài viết "Vượt qua khuyết tật để đến trường học" tác giả Thích nữ Huệ Liên - "Tôi đã tuyệt vọng" tác giả Trần Hồng Giang - "Một nhánh cỏ dại" tác giả Nhiên Phương.

- **Giải khuyến khích:** Năm bài viết "Sự huyền diệu của Phật pháp" tác giả Nguyễn Bồng - "Vì đời con có mẹ" tác giả Đặng Hoài Thương - "Sự cảm dỗ của đồng tiền" tác giả Lê Thị Thu Hào - "Phải chăng là sức mạnh của niềm tin..." tác giả Huỳnh Thị Thanh Thảo - "Chiều cao" tác giả Nguyễn Minh Châu.

Sau khi công bố kết quả cuộc thi, Đại đức Thích Giác Nhường thay mặt BTC trao giải cho những tác giả có mặt, riêng các tác giả đoạt giải ở xa không về dự được, BTC sẽ gửi phần thưởng hiện kim và tặng phẩm theo đường bưu điện. Kế đó là phần giao lưu của các tác giả đoạt giải.

Được biết **Diễn đàn Phật học Vườn Tâm** đã tổ chức thành công ba lần cuộc thi "Nói lời tri ân" trong các năm 2012, 2013, 2014 và đã được in thành sách (quý độc giả vui lòng liên lạc để tham gia bài viết và mua sách với đạo hữu Viên Anh, ĐT: 091 2348573).

Buổi lễ đã kết thúc trong tình thân ái, thăm thiết đạo tình cùng sự chung hưởng tham gia viết bài cho số Phật đàn - 2560 của **Diễn đàn Phật học Vườn Tâm**.



Toàn thể BTC và các tác giả đoạt giải

Bí quyết ngăn lão hóa não



Có thể ngăn chặn bệnh Alzheimer của tuổi già và các bệnh liên quan tới chứng suy giảm hay không?

Alzheimer là một bệnh phức tạp với nhiều yếu tố nguy cơ. Những nguyên nhân như tuổi tác và gen di truyền là ngoài tầm kiểm soát của bạn, nhưng theo *Quý Nghiên cứu và phòng chống Alzheimer* của Mỹ, có 6 điểm cơ bản của một lối sống lành mạnh, bạn có thể rèn luyện từ khi còn trẻ để phòng lão hóa não:

1. Thường xuyên tập thể dục.
2. Chế độ ăn uống lành mạnh.
3. Tinh thần tốt.
4. Ngủ đủ và ngủ ngon.
5. Kiểm soát stress.
6. Hoạt động xã hội tích cực.

May mắn là những yếu tố này luôn tác động tích cực và kéo theo nhau. Ví như nếu bạn có tâm lý tốt, tập thể dục, ăn uống lành mạnh hay hoạt động xã hội tích cực thì sẽ ngủ ngon, tránh stress. Càng làm tốt mỗi nội dung trên trong suốt cuộc đời mình, não của bạn càng khỏe, càng "bền".

Không chỉ những gì tốt cho cơ thể cũng tốt cho não mà ở chiều ngược lại, những điều xấu cho cơ thể cũng gây hại cho não. Vì vậy, bạn cần làm những điều sau từ khi còn trẻ:

+ **Bỏ thuốc lá:** Hút thuốc là một trong những yếu tố nguy cơ bệnh Alzheimer. Một nghiên cứu đã phát hiện ra rằng, những người hút thuốc trên 65 tuổi có nguy cơ mắc bệnh Alzheimer cao hơn người không hút thuốc gần 80%. Khi bạn ngừng hút thuốc, các mạch máu não sẽ cải thiện lưu thông gần như lập tức.

+ **Kiểm soát huyết áp và cholesterol trong máu:** Cả huyết áp cao và cholesterol cao đều làm tăng nguy cơ mắc các bệnh suy giảm trí nhớ.

+ **Kiểm soát cân nặng:** Tăng cân là yếu tố nguy cơ với bệnh Alzheimer và các chứng khác liên quan tới trí nhớ. Một nghiên cứu hơn 30 năm trên hơn 10.000 người cho thấy, những người thừa cân ở tuổi trung niên có nguy cơ mắc bệnh Alzheimer gấp đôi, những người béo phì nguy cơ gấp ba. Giảm cân ngay bây giờ chính là cách bảo vệ bộ não của bạn sau này.

+ **Bia rượu điều độ:** Mặc dù có nghiên cứu ghi nhận lợi ích của rượu vang đỏ với não, nhưng rõ ràng rượu bia nói chung làm tăng đáng kể nguy cơ bệnh Alzheimer và tăng tốc lão hóa.

+ **Liên tục học hỏi:** Những người luôn học hỏi những điều mới mẻ trong suốt cuộc đời ít có nguy cơ mất trí nhớ khi về già. Do đó, hãy luôn sống vui, tích cực và vận động trí não, vì "nếu không dùng, bạn sẽ mất nó". Các hoạt động làm khỏe trí óc bao gồm: giao tiếp, giải ô chữ, giải toán, giải câu hỏi, chơi cờ, tham quan các trò chơi thử thách kiến thức.

+ **Sống vui, giữ tâm trí bình an:** Hãy tránh xa lối sống ganh đua căng thẳng để stress không thể gõ cửa nhà bạn. Suy nghĩ theo hướng tích cực về mọi chuyện để những rắc rối được đơn giản hóa và không làm phiền giấc ngủ, bữa ăn của bạn.

+ **Tham gia các hội nhóm:** Các khóa học, các câu lạc bộ ngành nghề, câu lạc bộ những người chung sở thích... sẽ giúp bạn tăng cường hoạt động xã hội, thấy mình sống vui, có ý nghĩa. Tích cực quan hệ, giao lưu với bạn bè và người thân.

+ **Hít thở sâu:** Áp dụng bài thở dưỡng sinh mọi nơi mọi lúc: hít vào hết mức, căng lồng ngực để chứa không khí rồi từ từ thở ra hết mức, đồng thời thóp bụng để đẩy khí ra ngoài hết mức. Đây là cách "rẻ" nhất để bạn có sức khỏe và sự thư thái.

Khánh Linh

(Theo *Helpguide.org*)



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh

☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trầm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đa Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.155
411 Lê Văn Sĩ, P.12, Q.3

Siêu thị Satta ☎ 0903.806.155
Có/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8

Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777
401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8

Nhà Gốm Hà Đông

ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm
P. Văn Quán - Q. Hà Đông - TP. Hà Nội
ĐT: 0913.566.408 - 0947.532.446

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973
169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội

Nhà Gốm Pure Minimal ☎ 0913.55.47.22
Số 1 - Ngách 4/21 Ngõ Phương Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội

Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.066
41 Ngõ Thanh Miên - Văn Miếu - Hà Nội

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
 ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 888818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
 Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
 Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
 Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
 08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
 lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆQUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
 Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
 YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

KÍNH MỜI THAM GIA ĐĂNG QUẢNG CÁO & MUA BÁO

Số báo đặc biệt Phật đản - PL. 2560

Số báo đặc biệt Phật đản - PL. 2560 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành ngày 15-5-2016 (nhằm ngày 9-4 Bính Thân), với nội dung phong phú, trình bày trang nhã, in 4 màu toàn bộ trên giấy Couche; là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu nhân mùa Phật đản.

Trân trọng kính mời chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử, quý vị doanh nhân và quý khách hàng gần xa tham gia đăng báo giới thiệu về hoạt động từ thiện, quảng cáo sản phẩm của doanh nghiệp và quảng bá hoạt động nhà hàng chay và cửa hàng văn hóa phẩm, v.v...

Giá bán: 44.000đ/cuốn**Giá đăng quảng cáo:**

- Bìa 2 & 4 đã có khách đăng ký.

- Bìa 3: 8.000.000đ

- Các trang ruột: 1 trang : 5.000.000đ

1/2tr : 2.500.000đ

1/4tr : 1.250.000đ

1/8 tr : 500.000đ

- Hạn chót nhận file quảng cáo hoàn chỉnh & đăng ký báo (số lượng từ 50 cuốn trở lên - có giá ưu đãi) là ngày 8-5-2016.

Vui lòng liên hệ:**- Đăng quảng cáo:** Pháp Tuệ, ĐT: 0913 810082

Email: bongnguyen.vhpg@gmail.com

- Đăng ký báo: Ban Phát hành,

ĐT: (84-8) 3848 4335



CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Cơ sở *Hồng Ân laminate*

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



Điêu khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vuông, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy

Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

Hoa tươi hương sắc
Thân tâm an lạc

16
YEARS OF QUALITY
2001 - 2017



Nước Cẩm Hoa

ASA

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.



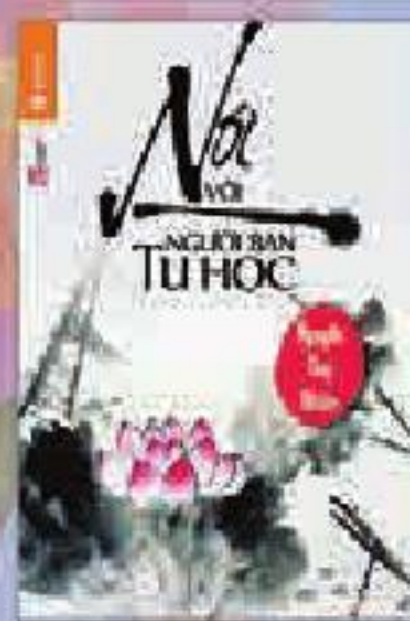
CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

www.facebook.com/ASAhoamypham



Chào mừng
ngày sách Việt Nam
21/04



THÔNG TIN CÔNG TY SÁCH THÁI HÀ

Hà Nội: 114CST6 Liễu, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 04.6281.3638

TP.HCM: 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phước Nhuận, TP.HCM
ĐT: 08.6276.1719

Nhà sách Thái Hà - Đường sách Nguyễn Văn Bình, Q.3, TP.HCM
ĐT: 08.3822.8340

www.thaibooks.com/nhaisachthaiha.vn

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



- An toàn sức khỏe
- Độ bền cao
- Giữ và chịu nhiệt tốt



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG
www.hoasengroup.vn

1800 1515
Miễn phí cuộc gọi

A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

EUROMONEY
2014



TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI 2015

<http://tieulun.hopto.org>